

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAT TRIỂN ĐUNG V. HOC VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIEN CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỚI SỐ 25 — 15.12.1959

1.— Văn chương và tư tưởng Việt-Nam . . . Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Ông già Noël có hay không? . . . Song lệ Ngọc	10 — 12
3.— Tiếng chuông nhà thờ Thiệu Sơn	13 — 17
4.— Sinh hoạt văn hóa Việt-Nam Gustave Meillon	18 — 24
5.— Thu cảm (thơ) Ưng Bình Thúc giạ Thị	25
6.— Những hình bóng cũ (chuyện ngắn) . . . Hoàng Thắng	26 — 30
7.— Tôi vượt ngục hỏa lò Hà nội đêm Noël . . . Điệp Viên	31 — 40
8.— Đáy, Sóc Trăng Vương đức Hà	41 — 45
9.— Ca kịch Việt-Nam Tchya	46 — 50
10.— Một đời người Thiệu Sơn	51 — 55
11.— Không Minh Nguyễn quang Lục	56 — 59
12.— Đêm Noël (tùy bút) Mạc Phong	60

13.— Cái Noël của bác thợ Năm Từ Trầm Lệ	61 — 66
14.— Đôi nét về Hàn mạc Tử Quách Tấn	67 — 74
15.— Âm thanh của tình thương (thơ) Lữ Quỳnh	75
16.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến: Vũ ngọc Phan Nguyễn-Vỹ	76 — 79
17.— Thơ Lên ruột Diệu Huyền	80 — 81
18.— Cô gái điên Vi Huyền Đắc	82 — 86
19.— Minh ơi! Diệu-Huyền	87 — 97
20.— Bữa tiệc thịt chó (chuyện vui) Lam Hồ	98 — 100
21.— Đùng khóc (thơ) Hoàng Hương Trang	101
22.— Tôi làm phim Thái thúc Diễm	102 — 107
23.— Đếm sách Đường Thi Trích Dịch . . . Nguyễn-Vỹ	108 — 109
24.— Kiên trinh Cô Vân Nga	110 — 113
25.— Nụ cười Phổ Thông Trọng Tấn	114 — 115
26.— Tranh hài hước Gyao	116
27.— 4.000 năm ca dao Ba Tèo	117
28.— Đáp bạn bốn phương Bạch Yến	118 — 128

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu. . . Cô Diệu-Huyền

★ Bìa kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

★ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO.THONG, printed in Việt-Nam

VĂN-CHƯƠNG

VÀ TƯ-TƯỢNG

VIỆT - NAM

QUA CÁC

THỜI ĐẠI

Xem **PHỒ-THÔNG** từ số 20

CHƯƠNG I

*Nguồn-gốc người Việt
và tiếng Việt.*

CHƯƠNG II

*Nhận-xét tổng-quát về
Văn-học-sử Việt-Nam*

**A. — Một Dân - Tộc
Thi - Sĩ**

**B. — Lý - do vì sao
Thi - ca chiếm ưu
thắng trong văn -
chương Việt-Nam**

1. — *Tiếng Việt rất
thuận lợi cho Văn Thơ*

2. — *Ảnh hưởng của
Văn Thơ Tàu*

2. — Ảnh hưởng của văn
thơ Tàu (Tiếp theo)

DÀNH rằng từ **THẾ - KỶ XIII** đã xuất hiện thơ chữ Nôm, tiếng nói riêng của người Việt đã bắt đầu được diễn tả trực tiếp bằng một lối chữ quốc-âm, khỏi bị bắt buộc phải phiên - dịch chữ Tàu, nhưng chính vì chữ Nôm cũng mượn gốc ở chữ Hán, lối viết hơi phiên-phức, nên không được

thịnh hành mấy, và không được coi như một văn-tự chính-thức, trong triều đình cũng như ngoài dân gian.

Dù cho đến **Thế-kỷ XVIII** và trở về sau, chữ Nôm đã được trọng dụng, nhưng Văn thơ bằng Hán tự vẫn giữ nguyên- vẹn vị-trí ưu-tiên của nó, nhất là trong các tầng lớp Nho-sĩ.

Nhưng chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong một chương sau, với những nhận xét tường-tận hơn, dưới những trạng-thái khác.

Do vị-trí địa dư và cơ cấu lịch-sử của nó, do bản - chất thiên-nhiên của giống người Tàu, cũng như các dân-tộc Á-Đông, nước Trung-Hoa trải qua các thời-đại vẫn luôn luôn là một nước phát-xuất văn - minh tinh-thần mãnh-liệt.

Người Việt-nam thọ giáo văn-minh ấy, dĩ nhiên là đã thừa hưởng tất cả những yếu-tố đẹp và xấu, những ưu-điểm cũng như những nhược điểm, và đã tự tạo được một cá-tính gần giống như bản - chất tinh - thần của người Tàu. Văn-chương Thi-phú là một trong những yếu-tố ấy đã mang nặng dấu-tích sâu-đậm của ưu-thể Trung-Hoa.

Chứng-dẫn cụ-thể là hầu hết các nho-sĩ Việt-Nam đều say mê các Thi-nhân đời nhà Đường, và noi theo niêm-luật và thi-tứ của Thơ Đường mà sáng-tác Văn-thơ, bằng Hán-tự.

Thơ Đường đã được thịnh-hành suốt cả Lịch-sử Văn học Việt - Nam, mãi đến **Thế-kỷ XX**. Mặc dầu thời-kỳ này chữ Hán đã mất địa-vị bá chủ của nó, bị chữ Quốc-ngữ thay thế, nhưng thể thơ Đường-luật vẫn cứ tồn-tại trong Văn-chương Việt-nam, và không hề có một thể thơ mới nào hạ bộ được nó.

Bởi chữ Hán cũng độc-vận, và đa-âm, cùng tánh-chất nguyên thủy với tiếng Việt, cho nên hầu hết những người Việt học chữ Hán đều làm Thơ chữ Hán được, theo niêm - luật Thơ Đường. Không những hầu hết các vị vua chúa Việt-Nam đều làm thơ Đường-luật, và có ghi chép thành những Thi-tập, mà những anh nông dân ở xóm làng heo-lánh, có đôi chút Hán học cũng làm được thơ Đường, bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Nôm. Về hình-thức, thì Thơ-Đường được thịnh-hành và phổ-cập, về chất thơ cũng thế. Những ảnh tượng và ý-tứ chứa

đựng trong thơ Đường đã được coi như là một nội dung phong-phủ để các nhà làm Thơ Việt-Nam khai-thác vô cùng tận. Cũng *«xuân-lan, thu-cúc»* cũng *«tiếng nhạn kêu sương»*, cũng *«đêm-tuyết lạnh-lung»* cũng *«lời oanh thỏ thê»* v.v... Những từ-ngữ đã có sẵn và những đề-mục, cả những điển-cổ đầy rẫy trong thơ Tàu (Đường, Tống) đều được các nhà thơ Việt lập lại, được chuyển vị sang thơ Đường luật Việt-Nam, và cả trong thơ Nôm. Hầu hết những văn-thơ Tàu đều được thêu-dệt trên các đề mục triết-lý nhân-sinh theo học thuyết Lão, Trang, theo luân-lý Khổng-Mạnh, theo chủ-trương Phật-giáo, theo điển-tích lịch-sử Tàu, hoặc là những nét-họa sơn-thủy của Tàu. Thơ Hán-tự Việt-Nam và thơ Nôm cũng không nằm ngoài những khuôn ảnh ấy. Những nhân-vật Lịch-sử Trung Hoa đều được biểu-dương, hoặc nhắc-nhỏ không sót trong Văn-thơ Việt. Cho đến những sự-kiện vụn-vặt trong các tiểu sử, truyền-kỳ của Tàu cũng được khai-thác triệt để, từ một lời nói của Khổng-Minh đến một bước đường của Kinh

Kha, đều đã trở thành những hình ảnh đầy màu sắc trong thơ chữ Hán cũng như thơ Nôm của các Thi-nhân Việt-Nam.

Vì vậy, những thơ được coi là có giá-trị trong Văn-học sử của ta đều phản ảnh rõ-rệt các sắc-thái Tàu, và đều được rập chung vào những khuôn-ảnh nhập tịch của Tàu.

Phải công nhận rằng những yếu-tố học thuật Trung-Hoa đã có một sức quyến-rũ vô cùng mãnh-liệt, mới hấp-dẫn được cả các thế-hệ Văn-chương Việt-Nam, kể chung cả văn-chương bác-học và văn chương bình-dân, trong địa-hạt thơ Hán-tự cũng như trong phạm-vi thơ Nôm. Sức quyến-rũ ấy kích-thích khiếu thi-văn đã sẵn có của dân-tộc Việt, và đã mặc-nhiên tạo ra trên đất Việt-Nam một nội-cảnh hào-hưng đầy hương-sắc thi-ca.

Nó đã gây ra được một thế thuận lợi cho sự tranh đua tinh thần của khắp cả một dân-tộc, lấy thi-ca làm một lạc thú tiêu-khiển nhiều hơn là một Nghệ-thuật chân-chính theo quan-niệm Hy-lạp — La - mã của Tây-phương.

Cho nên, nhìn tổng-quát Văn học sử Việt-Nam từ nguyên-thủy đến đầu thế-kỷ XX, chúng ta nhận thấy trong các loại thi-ca chịu ảnh hưởng thâm-đậm của Tàu, nghệ thuật cá-nhân chỉ đóng vai trò gần như phụ-thuộc. Nét chính của văn chương ấy là mô phỏng theo lối lối sẵn có của nghệ thuật Thi-văn Tàu. Sự mô-phỏng ấy hoặc khéo-léo pha-đạm thêm một vài nét

dân-tộc tính Việt Nam, hoặc thường hơn, đầy những sáo ngữ và hoàn toàn giả-tạo.

Tựu trung, nó vẫn có hình-thức và màu sắc văn thơ, và đã nghiêm-nhiên được dùng làm một trong các thú tiêu - khiển thanh-tạo nhất và thông dụng nhất của Dân-tộc Việt Nam mà hai phần ba đều viết và đọc chữ Hán rất thông thạo.

★ SẮP XUẤT BẢN

VĂN HỌC VIỆT NAM
đôi chiếu với
VĂN HỌC QUỐC-TẾ

Đôi chiếu từng thời-đại, từ nguyên-thủy đến nửa thế-kỷ XX (1955), giữa Văn-học-sử Việt-Nam với Văn-học-sử một vài nước :

- ★ Pháp — Đức — Anh — Ý — Nga — Mỹ.
- ★ Trung-hoa — Nhật — Triều-Tiên — Xiêm — Ấn độ — Phi luật Tân.

NGUYỄN . VỸ



Ông già NOËL ?

có hay không



Noël năm 1897, trên tờ *Sun* ở Nữ Ước, người t a thấy xuất hiện m ộ t

bài đặc biệt về Noël, do tòa soạn viết dưới hình thức một lá thư. Thế rồi, từ ấy, mỗi năm khi Noël đến, bài ấy đều tái hiện trên tờ *Sun*, rồi trên tờ *World Telegram and Sun*, hậu thân của tờ *Sun*. Bài ấy lần lượt được dịch ra nhiều thứ tiếng đăng tải trên báo chí khắp thế giới.

Bài báo tiếng tăm về Noël ấy, do toàn soạn tờ *Sun* viết ra, là đề đáp cho một lá thư như sau :

★ SONG LỆ NGỌC

- Kính gửi ông chủ bút,
- Em được 8 tuổi. Một số bạn nhỏ của em bảo rằng Cha Noël không có. Em yêu cầu ông, ông nói sự thật cho em biết.

«Ký tên : *Virginte O'Hanlon.*»

Ông chủ-bút tờ *Sun* giao nhiệm vụ trả lời lá thư đó cho một biên tập-viên tòa soạn. Lúc đầu, ông này cho là một chuyện không đáng quan tâm, nhưng rồi ông đâm ra thấy thích thú vì ông thấy đó là các dịp đề ấn-dịnh một điều rất quan-thiết và đẹp đẽ trên đời. Và ông đã thảo nên một lá thư đáp cho em bé *Virginie*, lá thư mà từ hơn 60 năm nay, hàng triệu người trên khắp thế giới đều

thấy xúc động khi đọc qua.

Dưới đây là lá thư ấy mà chúng tôi dịch lại :

«Em *Virginie*, các bạn nhỏ của em đã lầm. Chúng bị lây tính hoài nghi, cái đặc tính của thời đại này của chúng ta. Chúng chỉ tin những gì chúng thấy thôi. Chúng cho rằng chẳng cái gì khác trên đời này có thể có, ngoài những gì mà cái trí óc, bé nhỏ của chúng nhận lãnh được. Em *Virginie*, tất cả trí óc, của trẻ con cũng như của người lớn, đều bé bỏng. Trong cõi trời đất to tát là cõi của chúng ta đây, con người chỉ là con sâu bọ — có trí khôn — khi đem so sánh với cõi giới vô lượng vô biên bao quanh con người.

« Phải, em *Virginie* à, Cha Noël có thật. Cho đến bao giờ, khi mà tình yêu thương, đức quảng đại, lòng tận tụy trung thành vẫn có, Cha Noël vẫn có, mà em cũng biết rõ rằng những đức tính kia đều có và chúng đem đến cho đời sống của chúng ta vẻ đẹp và niềm vui tối cao, thâm thúy. Hỡi ôi ! cõi đời sẽ buồn bã biết bao nhiêu, nếu không còn có Cha Noël nữa. Buồn bã

cũng như không còn có những cô bé *Virginie* nữa. Không còn nữa niềm tin tưởng trẻ con, không còn thơ nữa, cũng không còn cái trí ngông-tưởng để khiến cho đời sống thấy kham chịu được. Sẽ tắt mất ánh sáng muôn thuở mà tuổi trẻ con đổi rạng sáng cho đời !

« Không tin rằng có Cha Noël ! Cũng bằng không tin rằng có những bà tiên. Cho mặc dù, em có xin được ba em bỏ tiền ra mượn người rình tất cả các lò sưởi trong đêm Noël, và các người ấy đến bảo lại với em rằng họ không thấy có Cha Noël, thì sự ấy có chứng được gì ? Những điều thật hơn hết trên đời là những điều mà cả con nít, cả người lớn, đều không thể thấy được.

« Em *Virginie*, nếu em đem theo một món đồ chơi ra, em sẽ được thấy cái gì nó làm nên tiếng kêu ở bên trong ấy, nhưng một lớp màu che phủ cõi giới vô hình, và lớp màu ấy, có người nào mạnh nhất, và tất cả sức lực chung lại của tất cả những người mạnh nhất chưa hề có đến giờ, cũng không thể xé nó ra được. Duy chỉ đức tin, sự

trường tượng, thơ, tình yêu thương và trí ngông-trường là có thể vạch lớp màu ấy và ngắm lại cái đẹp thiên tiên mà nó che dấu.

« Tất cả những cái đó có là thật không ? Chao ôi, em Virginia, trên toàn thế giới, nói về cái

thật, thì không có cái gì là chắc hơn thế nữa.

« Không có Cha Noël ? May thay, nhờ Trời, Cha Noël có đó và có mãi mãi. Trong nghìn năm nữa, em hãy tin tôi, Cha Noël vẫn tiếp tục gây hoan lạc nơi lòng các em bé ».



ÔNG MỘT.. CÂNG

Tại một quán nước, bà người vận y-phục bằng ka-ki vàng ngồi uống la-ve tự hỏi nào không biết mà bàn họ đầy những chai la-ve không. Họ « đã » lắm rồi. Người thứ nhất kêu cô chiêu đãi stên : « Em ơi ! lại anh bảo coi nào ! » Cô này đang tiếp chuyện với một người khách ăn mặc có vẻ đàng hoàng. Người thứ hai trong bộ ba lại kêu : « Em ơi ! lại anh bảo cái coi ! » Cô chiêu đãi viên lưỡng lự nhưng rồi đứng nằng lại nói gì, không rõ với ông khách sang ấy. Một phút sau cô bước sang bộ ba nọ.

Người thứ nhất phàn nàn liền : « Bộ em khi tại anh hả ? »

Người thứ hai tiếp : « Em sợ thàng đó hả ? »

Người thứ ba, có vẻ bức tức, nói : « Anh là ông « một », ơi dám đánh anh không mà em sợ, người nào đánh anh là người « y tới số rồi đa... »

... Bà ông « kẻ » cặp tay nhau ra về, nhưng khi đến ngã ba đường liền bị ông khách sang khi này chặn lại, trình thẻ hành-sự, xin xem giấy tờ của ba đệ tử của Lưu-linh. Sau khi xem thẻ căn-cước của họ, người lính truy tầm, tức ông khách sang, nói :

— Các anh là thợ hồ, đạp xe ba bánh, sao dám xưng là ông « một », ông « hai » hả ?

— Dạ thưa thầy, người thứ ba trong bọn trả lời, « một » nghĩa là một câng, vì tôi là cựu phé-binh.

— !!! Thôi đi về ngủ đi các cha !



m ừ n g C h ử a

GIÁNG SINH

★ THIẾU-SƠN



Xưa kia, ở bên Pháp, trong một phiên tòa đã xảy ra một

chuyện như sau :

Một luật-sư trứ-danh lãnh bào-chữa cho một thân-chủ đã can nhiều án giết người. Ai cũng đoán rằng anh ta sẽ bị án tử-hình nhưng luật-sư quả-quyết sẽ cứu cho đầu anh không bị đứt.

Phiên tòa nhóm vào ngày 24 thán 12. Trái với mọi khi, ông luật-sư này cãi không hùng-hồn chút nào cả. Ông nói một cách vè oải, lồi-thôi, kéo dài từ sáng

cho tới trưa, từ xế cho tới chiều, từ chiều cho tới tối.

Người ta nghe ông một cách chán nản, nhưng người ta không có quyền cắt ngang bản biện-hộ của ông. Hơn nữa, người ta còn hy-vọng rằng ông sẽ trở tài hùng-biện ở giờ chốt.

Quả nhiên, từ chín, mười giờ sắp đi thì ông đã lên giọng và trở tài làm cho cử tọa phải trở mắt nghe ông. Ông càng nói càng hùng-hồn, càng hấp-dẫn, càng cảm-dộng, thiết-tha. Thình lình đồng hồ chỉ 12 giờ đêm đồng thời với những tiếng chuông nhà thờ nổi lên để chào mừng Chúa

cứu thế ra đời. Ông liền hỏi quan tòa và hỏi luôn cử tọa có cảm tưởng gì đối với những hồi chuông mừng Chúa. Ông nói đại khái : « Chúa đem lại cho chúng ta một tình thương vô biên và vô tận. Chúa gánh chịu hết tội lỗi của chúng sanh và thương yêu hết thầy mọi người. ngay cả những kẻ gây nên tội lỗi, ngay cả những kẻ xúc phạm tới Chúa. Chúa chỉ mong cho họ biết ăn-năn sám hối. Thì đây thân-chủ chúng tôi cũng đương sám hối ăn năn, đương nhận phép lành của Chúa. Vậy xin quý ngài cũng nên thấy rõ đức « hiểu sanh của Chúa mà nhủ lòng « thương xét và cứu vớt một linh hồn... ». Lời nói thiết yếu của luật sư hòa nhịp với những tiếng chuông nhà thờ đã làm mềm lòng các vị quan tòa và đã đem lại kết quả bất ngờ là phạm nhân đáng lẽ bị kết án tử hình nhưng chỉ bị khổ sai chung thân. Một mạng người được cứu sống. Vị luật sư thắng cuộc. Ông đã lợi dụng đêm sanh-nhật của Chúa để thi thố một mảnh lối nhà nghề.

Thuật lại chuyện trên đây tôi

không có ý đề cao nhà luật sư có thủ đoạn và cả cái tài hùng biện của ông.

Tôi chỉ muốn nói tới tâm trạng của những người còn chịu lắng tai nghe những hồi chuông nhà thờ đêm Nô-en mừng ngày sinh nhật của Chúa.

Tiếng chuông ngân nga, vồn-vã, đồn dập chào đón một người sanh ra không phải để sống cho mình mà để sống cho người, sống vì người. Người đó thương yêu tất cả và khuyên mọi người phải thương yêu lẫn nhau. Người đó sẵn lòng tha thứ cho mọi người và chỉ yêu cầu kẻ tội lỗi biết thành tâm sám hối. Người đó còn khuyên mọi người phải tha thứ cho nhau. Người đó đã giảng sanh gần 20 thế kỷ nay và đã đóng góp phần không nhỏ vào nền văn-minh chung của nhân loại.

Quan tòa những người thi hành pháp-luật có phận sự bảo vệ trật-tự của xã-hội loài người khi nghe tiếng chuông nhà thờ mừng Chúa, thốt nhiên cảm thấy có một cái trật tự khác chi phối cái trật-tự của loài người. Đó là trật-tự của tinh thần, của lòng nhận-ái, của một tình thương.

Ta đừng bắt họ phải nhìn-nhận.

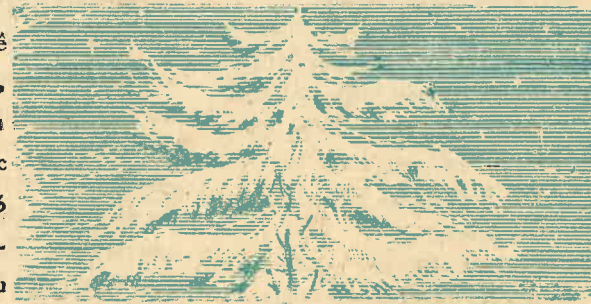
những khuyết-diểm của cái trật-tự xã-hội mà họ có nhiệm-vụ bảo-vệ. Nhưng thỉnh-thoảng trong khi thi-hành nhiệm-vụ họ cũng thấy biết bao nhiêu thiếu sót, biết bao nhiêu lầm-lẫn, biết bao nhiêu oan-ức và đau thương.

Thứ nhất là về địa-hạt tinh-thần, pháp-luật nhiều khi tỏ ra bất lực và phải cần có những thế-lực vô-hình đi sâu vào hơn nữa.

Khi nghe tiếng chuông mừng Chúa Cứu-thế mà họ tha chết một mạng người, họ cũng đã nghĩ tới trách-nhiệm của họ đối với người đó sau này còn có thể làm hại được nữa không? Nhưng Chúa như đã hiện về mà bảo họ hãy yên lòng vì Chúa sẽ đi sâu vào lòng người đã biết hối-hận và sự hối-hận sẽ làm lại cả một linh-hồn.

Hơn nữa, trật-tự xã-hội đặt nền tảng ở trên sự công-bằng và không đặt ở trên lòng bác-ái.

Trật-tự xã-hội chỉ thiết lập ra để ngăn-ngừa và cản-trở



những tội-lỗi của con người chứ không làm cho con người biết thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, không làm cho con người tự-giác tự-nguyện gạt bỏ những thói hư tật xấu của mình để làm cho lòng mình xứng đáng với lòng thương của Chúa.

Đức Không Tử sanh trước chúa Giê-su trên 500 năm đã nói

hiều về chữ «Nhân» nhưng cũng nhia nhận rằng :

«Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy nguy» (Nhân tâm nguy hiểm, đạo tâm vi ân). Muốn phát triển đạo tâm và kiềm chế nhân tâm ngài cũng đặt ra cuộc trật tự xã hội trên 5 đạo thường của loài người là quân thần, phụ tử, huynh đệ, phu phụ và bằng hữu. Nhưng cái trật-tự đó cũng sanh ra những tậ-đoan và con người hể lớn là muốn hiệp nhỏ, hể mạnh là muốn hiệp yếu đến đôi vua hiệp tôi, cha hiệp con, chồng hiệp vợ, anh hiệp em để mất cả tình nghĩa mà còn mất luôn cả sự công bằng.

Chính một nhà học giả Trung-Hoa cận đại là Đàm tự Đồng đã nêu lên điều đó và mạnh dạn hô hào bỏ luôn cả 4 luân trên và chỉ giữ có một luân chót là tình bằng hữu mà thôi. Ông nói : « Bằng hữu « nghĩa là bè bạn với nhau. Dầu « cha con, anh em, vợ chồng mặc « lòng, nhưng theo trên đạo người « hết thầy nuốt vào trong hai chữ « bằng hữu». Ngoài hai chữ bằng « hữu chẳng cần có danh mục gì « nữa.»

Bằng hữu tức là đạo bác-ái của chúa Giê-su. Chúa đem một tình thương để đoàn kết loài người

thì tình thương đó phải bao-la, rộng-rãi và không được cắt ra làm, manh-mún cho khỏi có những tậ-đoan như đã nói ở trên.

Chỉ có bè bạn mới không có trên, dưới, cao, thấp, nặng, nhẹ và mới thật sự là bình đẳng. Cha con, anh em, vợ chồng cũng phải được hàn gắn bằng một tình thương đồng đều và bình đẳng để tránh khỏi lạm dụng và tậ-đoan.

Thì cái tình bằng hữu đó, cái đạo bác-ái đó chính là phát nguyên tự Chúa Giê - su, người đã dám đương đầu với kẻ bạo-chúa, dám khinh miệt kẻ giàu, sang và nâng - đỡ những người nghèo hèn, yếu đuối, đau khổ, lằm than, những người cần được an-ủi nhiều hơn hết.

Tay nhiên, đêm Giáng-sanh còn có ông già Nô-en đến thăm mỗi gia-dình công giáo và phát - đồ cho con nít và con nít nhà giàu vẫn được chiếu cố nhiều hơn. Điều đó đã hẳn rồi vì Cụ Cố Nô-en cũng lấy tiền của cha mẹ mà mua đồ cho con cái. Con nhà nghèo ít được Cụ Nô - en chiếu-cố vì cha mẹ các em không

có tiền nhờ cha Nô-en mua đồ cho các em.

Đó là điều khắc tâm của Chúa. Nhưng Chúa chỉ ban phép lành ở địa-hạt tinh thần và chỉ ước mong cho có nhiều người rung cảm về những hồi chuông nhà thờ mừng Chúa.

Nhà phát-luật nghe tiếng chuông mà phải mềm lòng vì đã biết rằng con người không thể cai trị bằng pháp-luật máy-móc và tàn khốc của loài người.

Người nghèo khổ nghe tiếng chuông mà thấy gần với Chúa.

Nhưng, cần nhứt là những người đặc-thời, đặc-vị được số-

kiếp chiều đãi và lua-là che thân phải biết nghe rõ tiếng chuông đó, dọn dọn mình mà làm theo ý Chúa

Chúa là chúa của mọi người, hết sức công-bằng và bác-ái, nhưng Chúa đặc biệt chú ý đến những người đau khổ lằm than, bị số kiếp đọa đày và mong Chúa cứu vớt.

Nếu ta không thể phụ-lực với Chúa mà làm nhẹ bớt những đau khổ của đồng loại thì ít nhứt sau khi nghe tiếng chuông mừng Chúa ra đời ta cũng phải cố gắng làm sao cho khỏi là người có tội đối với đồng bào của ta.

* KHI THẦY XẾP BÁT...!!!

Có nhiều đôn của bạn hàng ở chợ than phiền với ông Quận rằng viên xếp chợ lúc này không chịu hoạt động để cho hàng hóa cứ mất hoài, vì lý do ông ta cứ say rượu luôn. 3! bè trên quở, ông ta tức lắm...

Mẹ: bữa nọ đề ý thấy một thanh niên có dáng khá-nghĩ đang đi vào chợ, ông ta theo bèn gót, đến chừng thấy thanh niên vừa cho tay vào túi móc tiền, ông ra lật-đật mời về bót ngay.

Tại đây ông quận hỏi :

— Người này có tội gì ?

— Thừa tội móc túi 1; xếp chợ đáp.

Ông Quận quay sang thanh niên :

— Anh kia sao không lo làm ăn lại đi móc túi người ta vậy ?

— Dạ, tôi có móc túi ai đâu ! Tôi chỉ móc túi của tôi để lấy tiền mua đồ thôi mà...

Viên xếp chợ lật-đật xen vào :

— Đó, ông thấy chưa ! chính túi của nó mà nó còn móc nữa, vậy thì túi của ai mà nó từ...

THÁI-HÓA

SINH HOẠT VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI PHÁP

(Tiếp theo P.T. số 24)

VẬY văn-hóa Việt-nam đã giữ một địa-vị ưu-đãi trước hết là ở bậc trung-học. Từ hơn mười năm nay, trong nhiều trường trung-học ở Ba-lê, và các miền phụ-cận Ba-lê, những lớp giảng-dạy về tiếng Việt vẫn hoạt-động trong những điều-kiện thích-thú và thuận-lợi. Hiện nay, ở Ba-lê ta có các trường Louis-le-Grand, Jean-Baptiste Say, và Turgot. Ở đó, hàng mấy chục học-sinh đến học tiếng Việt hay trau-giồi tiếng Việt. Giờ học đã được sắp-đặt làm sao cho khỏi trùng với giờ các trường lân-cận mà các thanh-niên ấy theo học. Ở vùng ngoại-ô, bốn trường nam-sinh và nữ-sinh vùng Versailles và Saint Germain-en-Laye đã tổ-chức những lớp đặc-biệt dành riêng cho học-sinh trong trường.

Bất-cứ nơi nào mà tỉ-số cho

* GUSTAVE MEILLON

phép, những lớp tổ-chức ở đó cũng hết sức đa-thức. hết sức đầy-dủ, để cho tiếng Việt đóng một vai quan-trọng ngang với những sinh-ngữ chính. Cố-nhiên bao giờ cũng có ít nhất một lớp cho những người mới học, để họ có những điều khai tâm tạm đủ về ngôn-ngữ, lớp mà chúng tôi có thể gọi là « Võ-lòng cho người lớn » (Grands commençants), và một lớp cho các thí-sinh vào kỳ thi tú-tài, trong đó bài thi tiếng Việt có cùng một trình-độ như ở Việt-nam.

Những hiểu-biết đòi-hỏi ở các thí-sinh ở Pháp vốn cũng cao như ở Việt-nam, nên hàng năm người ta thấy một số thanh-niên ngần-ngại không lấy tiếng Việt làm sinh-ngữ, mà kết-cục lại chọn một ngôn-ngữ khác, thường là tiếng Anh hay tiếng Đức.

SINH HOẠT VĂN-HÓA VIỆT-NAM

Chính một số phụ-huynh cũng cảm thấy lo-ngại như thế cho con-em, và phải nói rằng sự lựa-chọn ấy không phải bao giờ cũng có lợi cho thí-sinh, vì những sự (vấp-vấp đáng tiếc) vẫn xảy ra !

Trong vòng những năm gần đây, hàng mấy chục học-sinh đã chọn tiếng Việt ở kỳ thi Tốt-nghiệp Đệ-nhất cấp (B.E.P.C. : Brevet d'études du premier cycle), hàng mấy trăm người, ở kỳ thi Tú-tài. Nhưng các năm kế-tiếp nhau mà không giống nhau nữa. Số học-sinh Việt trong các trường trung-học không ngưng giảm bớt, và điều đó cũng dễ hiểu, vì chính ở đây, tại chỗ, học-sinh đã có thể theo đuổi đến trọn bậc trung-học. Nhưng, tiếc thay, tiếng Việt biến dần khỏi chương-trình dạy ở Pháp. Vài trường trung-học đã từ chối không mở nữa những lớp tiếng Việt, như ở Provins, ở Chartres, ở Rambouillet và, ở Ba-lê, là trường Marcelin - Berthelot. Ngay tháng 9 vừa rồi, ở Marseille, trong kỳ thi viết Tú-tài, không còn một thí-sinh nào về tiếng Việt nữa. Trong hai hay ba năm tới đây, người ta có thể ước

lượng rằng sự dạy tiếng Việt sẽ thu hẹp lại trong một hay hai trường trung-học là nhiều nhất.

Như vậy, « bóng tối » che-phủ dần ngành dạy tiếng Việt. Trừ khi vì những lý-do chính-đáng thì không nói làm gì, người ta bắt đầu tiếc cho sự thối-lui ấy, nếu không muốn nói là sự tiêu diệt. Điều này càng đáng tiếc hơn nữa, vì những học-sinh các lớp tiếng Việt không khác gì những trung-tâm nho-nhỏ để phát-huy nền văn-hóa Việt-nam ở Pháp. Tư-cách nghiêm-chính, hạnh - kiểm đoan-trang của họ, cả đến lòng tự ái của họ, trong nhiều trường-hợp, đã làm họ thành những gương-mẫu cho các bạn-học người Pháp. Những người này dễ thành bạn thiết và cũng đâm ra thích học tiếng Việt. Nhưng trong tình-trạng này, ở các lớp mà trước kia họ vẫn có những điều - kiện thuận-tiện, các trẻ nhỏ Pháp không còn học được tiếng Việt nữa và không lưu-tâm đến văn-hóa Việt-nam nữa. Ngoài ra thường có một số học - sinh Việt - nam đợc tiếp-đón trong cá gia-đình Pháp, và do phản-hưởng, chính

người trong các gia-đình này lưu-ý đến Việt-nam, yêu-mến Việt-nam, và dự cả những quốc-lễ của người Việt-nam. Trong vài năm nữa sẽ còn gì về tất cả những quang-cảnh đó? Có lẽ chẳng còn là bao, và đó cũng là một điều đáng buồn cho nền văn-hóa Việt-nam ở Pháp.

Nhưng người ta có thể nói rằng sẽ còn lại các ban đại-học và kỹ-thuật. Điều đó có phần đúng, ít ra là trong trường-hợp mà còn những sinh viên từ xứ này sang. Về bậc đại-học, trung-tâm phát-huy văn-hóa Việt-Nam ở Pháp hiển nhiên là viện Đại Học Quốc gia Sinh-Ngữ Đông-Phương (Ecole Nationale des Langues orientales Vivantes). Ở đó sinh viên Việt Nam có chừng vài chục người, người thì đến trao đổi thêm tiếng Việt, người thì học tiếng Trung Hoa, tiếng Nhật Bản, hay một vài thứ tiếng khác.

Ở viện ấy, trong vòng ba năm học, họ có được những điều hiểu biết rất chắc-chắn về ngôn ngữ, địa lý, lịch sử và nền văn minh của nước mà họ đã chọn. Từ tháng nay trở đi, một lớp riêng về văn minh V.N. sẽ mở ở đó,

do sự quyết định của Bộ Quốc-gia Giáo-dục Pháp, và theo sự đề nghị của chúng tôi. Chúng tôi thật tình muốn rằng các sinh viên có được một sự huấn luyện thực tiễn để cho họ sau này trở nên những chuyên viên về Việt Nam trong thế giới hiện kim. Ở Cao-Đẳng học viện (Ecole des Hautes Etudes) và ở Cao đẳng học-viện Pháp quốc (Collège de France), nền giáo dục ban-bổ, về phần văn hóa Việt Nam, có xu hướng thúc đẩy sinh viên vào địa hạt tìm tòi. Ở đó giáo sư trình-bày những vấn-đề đặc-biệt về ngôn-ngữ, về văn chương, về lịch-sử, hướng nhiều về quá khứ, hoặc những vấn-đề ngôn-ngữ-học thuần túy.

Đó là những trung-tâm mà văn-hóa Việt-Nam được phát-huy một cách linh-dộng nhất, và những trung-tâm này cũng nên nói rộng sự giao-thiệp với các trung-tâm văn-hóa có ở đây. Chúng tôi hết sức mong-mỏi rằng lời kêu-gọi riêng của chúng tôi được hưởng-ứng, và những biện-pháp cụ thể được áp-dụng ở đây để bồi-bổ cho những trung-tâm ấy.

Những kỳ thi nhập học ở tất cả các trường lớn—trường Bách-nghệ (Polytechnique), trường Kỹ-nghệ thuật (Centrale), Cao-đẳng Chánh-trị (Institut d'Etudes Politiques), Cao đẳng Thương-mại (Hautes Etudes Commerciales) v.v.. chấp-nhận tiếng Việt vào trong chương-trình học đã đành. mà đôi khi vào cả trong chương-trình thi lên lớp. Muốn sửa-soạn kỳ thi nhập học hay lên lớp ấy, sinh-viên thấy nên theo học những lớp ở Viện Đông-Phương-ngữ, vì chính là từ đó mà các đầu bài-thi phát xuất. Nhưng sự dự-học các lớp ấy không phải bao giờ cũng có thể được, vì mỗi trường có một thời-khóa-biểu riêng.

Muốn học ở Viện Đại-học Văn-khoa Ba-lê, tình-trạng cũng không khác tình-trạng vừa kể ở bao. Viện Đại-học này, cũng như các tất cả Viện Đại-học ở tỉnh, nhờ đến Viện Đông-phương-ngữ để sửa-soạn cho sinh-viên thi bài tiếng Việt của năm Dự-bị (Propédeutique) lấy bằng Văn-chương phổ-thông (Certificat d'Etudes littéraires générales). Như vậy những thí-sinh ở Ba-lê, về môn đó, hưởng một thể thuận-

lợi hơn ở các nơi khác vì, nếu họ muốn, và nếu họ có phương-tiện, họ có thể, dự những giờ học có liên-quan đến kỳ thi của họ.

Về bằng tiến-sĩ văn-chương hay luật - khoa cũng vậy. Cao-đẳng học - viện Pháp quốc, Viện Đông-phương-ngữ, Cao-đẳng học-viện, vẫn có những người tới học khi họ cần sửa-soạn thi mà luận-án của họ thuộc về một vấn-đề dính-dáng đến Việt-nam. Viện Sorbonne vốn không có nhà chuyên-môn nào về mặt ấy nên thí-sinh chỉ có thể tiến-hành cuộc nghiên-cứu và sưu-tầm bằng cách tìm đến các gi-ô-sư của những viện kia, là những người có thể khuyên-nhủ, chỉ-dẫn và đưa họ đến thành-công. Một bằng tiến-sĩ khác mới thiết-lập gần đây: là bằng tiến-sĩ đệ-tam cấp, (doctorat du 3^e cycle) hướng về sự nghiên-cứu. Đã có năm sinh-viên, toàn là người Pháp, ghi tên để sửa-soạn bằng cao-cấp ấy, mà dự định những đề dính-dáng đến lịch-sử và văn-chương Việt-nam.

Nói tóm lại, bậc đại-học hiển cho sinh viên cả một lá quạt xoè rộng chứa đựng đủ

các ngành học, các kỳ thi hướng về văn-hóa Việt-nam. Do tính-chất của nó, nó chỉ nhằm vào một số người có hạn, nhưng cái danh-hiệu cao-quý của những người này đã làm cho họ thành những nhân-viên đặc-lực nhất trong sự biểu-dương văn-hóa Việt-nam. Thư-viện quốc-gia và thư-viện Viện Đông-phương-ngữ tích - trữ trên các ngăn tủ nhiều tài-liệu, thư-tích có giá-trị, mà một phần đã được các nhân-viên sưu-tầm của viện Đại-học Huế đến chụp hình. Những thư-viện này vẫn cố-gắng tăng-gia lượng và phẩm của các tài-liệu bằng cách tìm mua ở Pháp và Việt-nam, và những ngân-sách quan-trọng đã dành cho việc đó hàng năm. Ở đây, trong phạm-vi này, chúng tôi cũng mong rằng những cuộc tiếp-xúc chặt-chẽ và thường-xuyên hơn sẽ giúp cho những thư-viện Pháp mua được tài-tiệu mới một cách đều-đều và nhiều hơn.

Trên đây là những nét chính phác-họa lại các thành-phần quan trọng nhất của đời-sống văn-hóa Việt-nam ở Pháp. Ta có thể rút lấy một tính-cách tổng-quát như thế nào ?

Đối với chúng tôi, tính - cách chủ-yếu hình như là, vượt xa các nước bạn khác của Việt - nam, nước Pháp là một nước mà đời-sống văn-hóa V.N. hoạt - động nhất, đầy-đủ nhất. Không một nước nào khác đã dành cho văn-hóa Việt-nam, trong các trường họ, một chỗ lớn như thế. Ta còn có thể tiên-đoán mà không sợ bị phủ - nhận, rằng các giới hữu-trách còn tỏ ra sẵn-sàng để mở rộng chỗ ấy, trong trường-hợp mà số học-trò chứng-tỏ là nên mở rộng. Thêm vào hoạt - động của chính-quyền ấy, còn có những hoạt - động của các nhóm, các cơ-quan tư-nhân đề bồ-túc, đề tăng - gia cho nó, và sự tận - tâm của các nhóm này thật đáng ca-ngợi. Có lẽ người ta có thể nêu ra ý-kiến rằng những cố-gắng của các nhóm ấy mở rộng nữa thì hơn, nhưng ta không nên quên rằng các phương-tiện vật-chất mà họ có trong tay thường rất hạn-chế, và do đó, sự hoạt-động của họ cũng bị hạn chế.

Nếu nền văn-hóa Pháp cần phải bao-quát càng nhiều phương diện càng hay, ta phải nhận chân rằng nước thụ-hưởng những lợi-

ích của tình-trạng ấy là chính nước Việt-Nam. Điều đó rất dễ hiểu, vì như thế sự phát-huy văn-hóa Việt Nam càng được tăng-tiến ở Pháp, và từ Pháp sẽ lan ra các nước lân cận, khiến sinh-viên từ mọi nơi sẽ tìm đến mà sưu-tầm, nghiên-cứ về Việt-nam. Ba thí-dụ có thể xác-nhận cho kết-quả ấy : ở Viện sinh-ngữ Đông-phương tại Ba-lê, hàng năm sinh-viên ngoại-quốc đến theo học những lớp tiếng Việt, hoặc có học-bổng, hoặc không, của chánh-phủ họ. Cũng ở Viện này, cách đây ít năm, một giáo-sư Nhật-bồn đã đến nghiên-cứ về phương-pháp giáo-huấn đề, theo ông cho chúng tôi biết, có thể thiết-lập một cơ-quan giáo-dục như thế ở Nhật. Lại cũng ở Viện này, trước kia người ta đã thăm-hỏi về cách phiên-âm tiếng Việt bằng chữ La-mã khi ở Trung-hoa thấy cần phải phiên-âm chữ Hán cũng bằng chữ La-mã.

Nhưng những yếu-tố thuận-lợi ấy cũng không đủ để che-giấu một tương-lai đáng lo-ngại, mà trên kia tôi đã lạm-bàn khá nhiều. Sự sút kém càng ngày càng nhiều về số học-sinh V.N. ở bậc trung-

học Pháp chẳng bao lâu sẽ đưa đến chỗ bãi bỏ những lớp tiếng-Việt và văn-hóa Việt-nam. Sự tình-giảm rõ-rệt không kém gì trong bậc đại-học thế nào cũng sẽ gây ra cảnh suy-yếu trọng sự hoạt-động của tất cả những trung tâm văn-hóa ấy mà chúng tôi rất thích nhấn mạnh vào những kết-quả tốt-đẹp.

Bất cứ ai yêu-mến nước Việt-nam cũng không thể không lo-ngại cho một viễn-ảnh như thế, và mong-ước rằng những khả-năng phát-huy sẵn có sẽ không bị bỏ qua. Ngay bây giờ, cần phải tìm ra một giải-pháp, và sự tìm-tòi này là công-việc của tất cả những người có thiện-chí ! Cũng không nên giấu-giếm làm gì : vấn-đề ấy có phần khó-khăn ; các dữ-kiện quả là phức-tạp và vài điều còn có vẻ tương-phản là khác. Nhưng phải chăng đó là một cơ-đủ để ta tự hạn-chế trong phạm-vi một giải-pháp để-dãi, được chấp-thuận chỉ vì vài sự khàn-thiết nhất-thời ? Chúng tôi không tin là thế, vì chúng tôi có lý-do để nghĩ rằng các cơ-quan hữu-trách cũng đồng ý với chúng tôi.

Vậy, tóm lại, ta phải quan-

niệm tương-lai cuộc sinh-hoạt văn-hóa Việt-nam ở Pháp một cách tin-tưởng, tin-tưởng rằng nó sẽ được bảo-toàn và cứu-vớt. Vì thế, những người lãnh sứ-mạng thiêng - liêng đó phải huy-động mọi phương-tiện không một chút vị-kỷ, và hoàn-toàn tận tâm tận lực, làm sao thực-hiện được những điều-kiện thuận-tiện cho sự cứu-vớt ấy. Bấy giờ sẽ tùy ở

hai chánh-phủ Việt-nam và Pháp đề-định lấy những biện-pháp cần-thiết mà đạt tới mục - đích. Những cảm-tình tốt-đẹp mà hai bên đã biểu-lộ đối với nhau đã khuyến-khích chúng tôi quan-niệm tương-lai một cách tin-tưởng. Không có gì cho phép ta giả-thiết hay lo-ngại rằng tình-hình sẽ khác vậy.



★ NGƯỜI LÀ GÌ ?

Đề trả lời câu hỏi ngắn ấy, đây là những câu đáp :

- là động-vật duy-nhất ăn tiền.
- là một sinh vật khi mới được sanh ra thì không răng, không tóc, không ảo-mộng, và khi chết đi thì cũng không có ảo-mộng, không tóc, không răng.
- một người nâng đỡ trong gia-đình.
- một vị chúa trị-vì mà không cai-trị quả tim của đàn bà.
- một đứa trẻ lâu năm.
- một ba-lông chứa đầy tham-vọng.
- một thú vật biết dùng dụng-cụ.
- là thú vật duy nhất biết hút thuốc.
- một kẻ không địn kế hoạch thường bị đàn bà xô-mủi.
- một tạo vật hay thay đổi, bởi vì người ta thường kẻ ; người bù nhìn.

Thu cảm

Lơ thơ cụm liễu với chòm lau,
Nhuộm hạt sương thu đã úa màu.
Cây bùa lá vàng, người tóc bạc,
Ừ, cây với lão ngó in nhau.



Nhưng cây cỏ nó ngộ hơn mình,
Rụng lá vàng rồi trở lá xanh.
Tóc bạc mình đây thêm bạc mãi,
Bạc sao cho mãi kiếp phù sinh.



Fù sinh ai nấy cũng như ai,
Quý, tiện, hiền, ngu cũng một đời.
Những ước lòng son theo tóc bạc,
Hiếu, Trung hai chữ vẹn hòa hai.

Ưng Bình THỨC-GIÀ-THỊ

NHỮNG HÌNH BÓNG CŨ

✧ HOÀNG THĂNG

Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi mất. Tôi độ chừng có lẽ người bị bệnh ung-thư, nhưng cũng không chắc lắm. Đó là một thứ bệnh kỳ-quặc kéo dài tháng này sang tháng khác làm con bệnh cứ gầy mòn dần và người ngoài biết chắc là không thể chữa được.

Cha mẹ tôi lấy nhau vì tình-yêu. Mẹ tôi là một người đàn-bà rất dễ thương, tôi tin chắc như vậy.

Tôi có một trí nhớ khá minh-mẫn. Tôi thường nghĩ tới mẹ tôi nhất là khi người chưa bị ốm.

Người luôn luôn vui vẻ, thùy mị, dịu dàng, duyên dáng. Trên môi người lúc nào cũng như nở một nụ cười tươi tắn.

Tôi thường nghĩ tới những câu

truyện cổ tích mà mẹ tôi thường hay kể cho tôi nghe. lúc đó tôi hay trèo lên đùi người để nghe chuyện. Tình nghịch tôi lấy mũi cọ cọ vào cổ mẹ tôi để người phải ngưng câu chuyện rồi cười nắc nẻ như bị cù. Mẹ tôi bảo với tôi (giọng bà âu yếm làm sao): «Con trai của mẹ ngồi nặng quá, không khéo lại gãy đùi mẹ bây giờ.»

Người chỉ nói vậy thôi chứ chưa có lần nào người xua tôi ngồi xuống giường cả. Trái lại mẹ tôi còn ôm chặt lấy tôi hơn trước, người nhắc bằng tôi lên khỏi đùi rồi lại hạ xuống, cứ như thế năm bảy lần đến mỗi tay mới thôi.

Có lần, khi người đang ôm tôi

vào lòng, chợt có tiếng động nơi cánh cửa, tôi còn nhớ kỹ — lúc đó cha tôi vui vẻ bước vào, người vội đặt tôi ngồi xuống giường và hầu như quên hẳn tôi lúc đó đang phụng phịu, nước mắt chảy vòng quanh mi, người chạy đến bá cổ cha tôi. Tôi đã nghĩ chính mẹ tôi lúc đó cũng có vẻ trẻ con với cha tôi như tôi đã nũng nịu với người.

Phải mẹ tôi thương tôi lắm, cho tôi lúc người bị bệnh, cho tôi lúc người bước dần vào cõi chết.

Tính tình người thay đổi dần dần như con tằm ăn lá dâu. Người trở nên bản tính, cáu kỉnh, có lúc người lại sầu héo như một cây khô thiếu nước, thiếu màu.

Có lẽ mẹ tôi biết người sẽ không sống được bao lâu nữa nên người đã tiếc hận vì phải xa cách người chồng mà người yêu quý, xa cách đứa con mà người luôn luôn chịu chuộc. Một sự xa cách vĩnh viễn.

Có lẽ vì thế người thích hành hạ chồng, hành hạ con. Nói là thích hành hạ thì không đúng hẳn, người muốn chồng con săn sóc hầu hạ người thì đúng hơn.

Mấy tháng cuối cùng trước khi từ biệt cõi đời, người đã trở nên một vị Nữ vương độc tài chuyên chế trong gia đình tôi. Một vị nữ vương Độc tài có nhiều nét xấu nhất. Tôi không dám nói xấu người nhưng sự thật như vậy.

Người không muốn tôi ra khỏi nhà, không muốn ai được phép dẫn tôi đi đâu cả. Khi người chưa bị bệnh, chính người thường dẫn tôi đi dạo mát mỗi khi bóng hoàng hôn xuống dần, bao trùm cảnh vật.

Nếu có ai dẫn tôi ra ngoài phố một chút, người có cảm tưởng như đã xa cách tôi hằng tuần lễ.

Người kêu tên tôi luôn mồm.

Nhưng khi người giữ tôi lại trong căn phòng đóng kín cửa, thiếu ánh sáng và thiếu cả không khí nữa, thì sự có mặt của tôi lại làm cho người khó chịu, gai mắt.

Hoặc người khô sở nói: «Hòa, đừng có làm ồn ào mẹ không chịu được, rức đầu lắm» hoặc âu yếm hỏi tôi: «Tại sao con không nói với mẹ một câu nào vậy?», có khi người lại gắt gỏng: «Cút về phòng đi!»

Tôi không hiểu tại sao người lại tự mâu thuẫn với mình như

vậy. Có lúc người lại gọi tôi vào phòng, bắt tôi đọc báo cho người nghe. Nhiều lúc đôi mắt tôi tê bại hẳn đi vì bị ngồi lâu quá. Chân tay tôi bút rứt khó chịu, chỉ muốn chạy bay ra ngoài vườn cho dân gân cốt nhưng tôi lại không dám.

Có lẽ người thấy tôi đọc báo một cách uể oải, người đành chép miệng cho tôi đi chơi thể là tôi vui mừng nhẩy cẳng ra ngoài ngay không chần chừ.

Còn như cha tôi... thật cũng khổ cho cha tôi. Khi cha tôi ở sở làm về, bao giờ cũng vậy, việc đầu tiên là ông vào thăm mẹ tôi trước rồi mới đi thay quần áo. Khi đó mẹ tôi đã chăm chú nhìn đồng hồ để rồi hặc hỏi cha tôi tại sao lại về muộn "những" năm hoặc mười phút.

Khi người chưa ốm, dù cha tôi có về chậm đến nửa tiếng cũng chẳng sao, ông chỉ mỉm cười nhìn người là người lại thôi không hỏi nữa. Năm mười phút có là bao! Nhưng khi người ốm, người thấy cha tôi về muộn năm mười phút là người thấy khổ sở và người cũng làm cho cha tôi phải khổ sở theo người

mới hả lòng hả dạ.

Khi cha tôi tới sát bên người, người hít hít mạnh chiếc áo khoác của ông như để tìm một thứ hương vị là lạ, hương vị của một người đàn bà lạ mặt nào đó đã ủ ấp cha tôi chẳng hạn. Hoặc người hít hít như vậy để tìm một không khí quen thuộc của phố phường đã bám vào chiếc áo của cha tôi. Phố phường quen thuộc mà đã từ lâu người không được đặt chân tới, vì người đã là một tên tù bị giam lỏng trong căn phòng bệnh.

Tôi đã từng được nhìn thấy những giọt mồ hôi lấm tẩm nổi lên ở trên trán khi ông ở trong phòng người ốm đi ra, đôi mắt đau khổ, sàu vời vợi.

Rồi những ngày cuối cùng, khi bệnh đã tới kỳ nặng rồi, người không thể ngồi dậy được nữa, cha tôi phải để ở đầu giường chỗ chiếc bàn đêm một cái chuông để người có cần dùng chi thì chỉ việc lắc mạnh để gọi.

Trong những bữa cơm — nhất là trong những bữa cơm, người muốn chúng tôi ăn cơm ngay nơi đầu giường của người — vì người không ăn cơm được,

chỉ có uống sữa hoặc cháo loãng thôi — để người được nhìn chúng tôi ăn. Nhưng cuối cùng người lại sủa đuổi chúng tôi ra phòng ngoài để ăn vì « mùi thức ăn của cha con ông làm tôi nôn nao cả dạ. »

Trong những bữa cơm, khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn — cánh cửa buồng ăn thông với buồng ngủ của người đã được khép kín — cả hai chưa kịp nuốt trọn miếng cơm thì... keeng! keeng! keeng! chuông của người đã gọi ầm ỹ. Cha tôi đứng vội dậy, nuốt nhanh miếng cơm còn dầy trong mồm, hối hả đi vào rồi lại đi ra để rồi chưa kịp nuốt miếng khác lại... keeng, keeng.

Chúng tôi phải ăn thật nhanh, ăn vội vàng với những cái giật mình thảng thốt. Keeng! Lại có tiếng chuông kêu rồi một giọng ầm ục vang lên bên kia bức vách: « Cha con ông chưa ăn cơm xong ư? »

Người không thích ai săn sóc người ngoài cha tôi nên chúng tôi mới bị phạt phòng, khổ sở vì những tiếng chuông kêu như vậy.

Thật khổ cho cha tôi mà cũng

khổ cả cho người.

Rồi người chết.

Sau hôm người chết, cha tôi và tôi vào bàn ăn khi người ở gái dọn cơm, và cũng là lần đầu tiên trong nhiều ngày qua, chúng tôi mới lại ăn một bữa ăn yên tĩnh từ đầu đến cuối bữa. Chỉ có một lần tôi nhìn thấy cha tôi rùng mình khi có tiếng chuông bấm ngoài cửa. Cha tôi trông như vừa mới nghe thấy tiếng Keeng, tiếng chuông của mẹ tôi gọi.

Đặt vội đôi đũa xuống, không cùng bảo nhau mà cùng một cử động, chúng tôi ngược nhìn nhau, và chắc chắn, phải chắc chắn lắm, cha tôi đã nhìn thấy trong ánh mắt tôi cũng như tôi đã nhìn thấy trong ánh mắt của ông những ý nghĩ thầm kín. Rồi mắt ông long lanh ngấn lệ và nước mắt cũng đã ướt mi tôi.

Những ngày vắng vẻ trôi qua. Cha tôi thường dẫn tôi đi chơi cho khuây khỏa. Ông thường nắm tay tôi, cả hai thường nắm chặt tay nhau như có một sợi dây vô hình và thiêng liêng đã buộc chặt lấy hai người.

Thời gian trôi nhanh. Mười năm sau, cha tôi cũng đã bỏ tôi

đề theo người khuất. Trong lúc ông đau ốm, chỉ có tôi săn sóc, hầu hạ người. Tôi đã nhìn thấy vào những phút cuối cùng của ông có một sự phiền muộn sâu xa trong ánh mắt.

Hình như người đã nghĩ tới những phút người hầu hạ mẹ tôi và mẹ tôi đã hành hạ người.

Trước khi người mất, người đã nắm chặt tay tôi, mắt người nhìn thẳng mắt tôi, hình như người bảo thăm tôi : «Này con, có phải cha, có phải cái chết của cha sẽ làm cho con bớt được gánh

nặng lớn lúc cha đau ốm?»

Tôi cũng nắm chặt tay người, lắc đầu. Tôi chắc rằng lúc đó, tim nhìn của tôi đã trả lời người : «Không, không bao giờ cha ạ», nên tôi đã thấy người cười với tôi rồi từ từ nhắm mắt.

Anh Đông à, chắc anh đã rõ tại sao trong khi tôi ốm đau như vậy mà tôi không muốn cho ai săn sóc tôi, cực khổ vì tôi. Được anh đến thăm tôi vui lắm, mà bây giờ anh đã hết thắc mắc rồi chứ?



★ KỂ HAY ĐẸP!

Một thiếu nữ đang dạo phố, không biết một mầy cô ra sao mà có một thanh niên lại tán cô ta :

— Thưa quý nương ! quý nương sao mà đẹp thế chẳng khác nào tiên nữ giáng trần. Vậy xin quý nương hãy dừng bước cho kẻ tiêu nhân này thỏ thẻ đôi lời...

Đêm hôm đó, cô tạ thức suốt canh thâu để đứng trước gương, uốn qua éo lại ra về tự đắc : — À! đúng là mình đẹp cho nên tụi nó mới «đeo» mình như kiến...

Hôm sau, cô ta ra đường lần nữa ... Nhưng lần này có hai thanh niên vừa đi ngang qua cô, vừa bàn tán :

— Ê mầy! coi đẹp không mậy?

— Đẹp chứ ! chẳng khác nào «Tra-kiu-La».

Cô này thẹn đỏ mặt...

Đêm hôm đó cô lại không ngủ, đứng ngấm bóng mình trong gương và mếu máo :

— Trời ! đúng là mình xấu như quỷ hèn nào tụi nó chê cũng phải...



TÔI VƯỢT
NGỤC HỎA-
LÒ HÀ NỘI

trong đêm NOËL

DIỆP VIÊN



Trong cellule Số Đỏ tức là cellule án tử, chúng tôi có tất cả 26 người bị kết án Tử-Hình do Tòa

Án Quân-Sự Pháp ở Hà-Nội gọi án.

Một niềm tâm lý rất lạ lùng của những người bị kết án tử-hình là không bao giờ tin mình sẽ bị chết. Sau khi bị kêu án, chúng tôi ký đơn Thượng tố xin phá án. Nếu bị Tòa Phá Án bác đơn chúng tôi lại ký đơn xin ân giảm. Từ ngày vào tù cho đến ngày Thượng Tố lên Tòa Phá Án rồi đệ đơn xin ân giảm sau khi đơn Thượng tố bị Tòa Phá Án bác dứt nhưt chúng tôi cũng phải nằm

sà-lim án chém trên hai năm. Tỉnh-thoảng bọn Thực Dân lại đem đi một vài người bị bác đơn xin ân xá. Cuộc tiễn đưa đau buồn ấy chỉ còn có một cách duy nhưt là nhìn nhau trong đôi giòng lệ.

Tuy là bị án tử hình giam riêng nhưng chúng tôi bắt liên-lạc với anh chị em thường phạm bên ngoài rất dễ dàng nhờ mấy viên gác khám tù thiện và mấy anh chị em làm cỏ về nên tin tức ở bên ngoài như thế nào mỗi ngày chúng tôi đều biết.

Luật lệ đối với anh chị em bên khám tử-hình hết sức khắc khe. Suốt ngày đêm chúng tôi bị cùm chéo hai chân bằng một chiếc cùm sắt dài, cùm một lượt mười người

Đầu cùm có một chốt sắt có khóa đồng to tướng. Nhưng cùm là một việc lấy lệ, riêng chúng tôi cũng có chìa khóa cùm riêng do anh chị em bên ngoài đưa vô cho để mỗi đêm chúng tôi mở cùm nằm cho thoải mái.

Ở ngoài Bắc không như ở trong Nam suốt năm nóng nực. Tháng nóng nhất là tháng Tư, tháng năm, và tháng sáu. Còn từ tháng bảy có mưa ngâu, tháng tám có mưa rằm, tháng chín đã có gió heo may. Sang tháng mười đã lạnh rồi. Tháng mười một, trời đã lạnh lắm. Về đêm, có kỳ lạnh đến 3 độ, không có chăn đắp không chịu được. Có chăn đắp về mùa lạnh kể từ tháng mười một đến tháng hai, ít ai dám nằm ruồi thẳng chân, luôn luôn phải nằm lối con tôm thu chân lên ngực để áp lấy hơi nóng chống với cái giá buốt thấu xương, thấu thịt.

Năm trong khám Số Đỏ về mùa rét càng thấm thía hơn nữa. Gió lạnh vi vút thổi bên ngoài song cửa sắt, chân tay chúng tôi đều cóng buốt. Tối đến chúng tôi suýt soa vì rét. Trời mùa nực 26 người nằm trong khám Tử rất chật chội. Nhưng về mùa rét,

chúng tôi nằm úp thìa ôm chặt lấy nhau để truyền hơi ấm cho nhau, 26 người tử tù chỉ nằm hết 1 phần 3 khám Số Đỏ mà thôi. 26 tử tội nằm trong khám tử, người ít nhất cũng ở được 18 tháng rồi. Mỗi lần mùa rét đến chúng tôi nằm nói chuyện với nhau những câu chuyện ở ngoài đời khi đang còn được tự do bay nhảy, ai cũng đặng ý về cái thú đi chơi đêm Nô-En rét buốt. Sau giờ đến nhà thờ xem lễ càng về khuya càng giá lạnh, hàng đoàn người đẩy đủ áo ấm từ nhà thờ đi ra rồi rủ nhau đi đến các tiệm ăn để ăn tiệc "Nửa đêm mừng Chúa Giáng-Sinh".

Nô-En trong mùa Đông tuyết giá, co ro trong gió lạnh mới thấy cái thú, cái thiêng liêng gợi cảm của cái giờ phút thiêng liêng khi Chúa Hai-Đông nằm trong máng cỏ thành Bê-Lem mà sách vở đã tả rõ.

Nhưng đã 2 năm qua, 2 lần thiên hạ mừng lễ giáng sinh của Vị Chúa Thiêng Liêng Cao Cả thì chúng tôi nằm trong khám Tử để hồi tưởng lại những đêm Nô-En đã qua trong dĩ vãng của đời chúng tôi.

Tôi bị bắt từ tháng 7 năm 1949 nên Nô-En năm 49 và Nô-En năm 50 tôi ăn lễ Giáng-Sinh trong khám Tử Hình. Về vật chất chúng tôi không thiếu một thứ gì hết. Anh em ngồi rồi kết những ông Già Nô-En bằng chỉ vải rách để đến đêm Nô-En sau khi nghe tiếng chuông nhà Thờ Lớn Hà-Nội thông thả điem chúng tôi đem những thức ăn bánh trái của gia đình tiếp tế cho, bày ra ăn tiệc Nửa Đêm Sinh Nhật (Réveillon Noël).

Năm 1951, khi gió lạnh từ miền Bắc thổi về, anh em chúng tôi co ro trong những chiếc áo len giầy cộm lại phải nghĩ đến Nô-En sắp tới. Theo tin tức của anh chị em thường phạm cho biết thì Nô-En năm 1950, De Lattre tiến đánh Hòa-Bình rồi Tổ Chức một tháng Nô-En cho quân đội Liên Hiệp Pháp. Hồi ấy, Thủ Hiến Bắc Việt là Nguyễn-văn-Tâm, con hùm sấm Cai Lậy, Tổng Giám Đốc sở Công-An của Bảo-Đại kiêm Bộ-Trưởng Bộ An Ninh của Chánh-Phủ Trần-văn-Hữu đang tổ chức sòng bạc công khai trong Kermesse Ấp-Trí-Viện Hà-Nội lấy tiền cho quân đội của

De Lattre De Tassigny ăn lễ Nô-En. Dân Bắc Hà ang bị Nguyễn-văn-Tâm, tên Việt Gian số 1 ở Việt-Nam đưa vô lò sát sanh để bóc lột.

Cái đồn dập, náo động ở ngoài đời đón lễ Giáng Sinh làm cho anh em chúng tôi những người chỉ biết sống từng ngày để chờ cái chết đang đi đến với mình phải nghĩ đến chuyện thoát thân. Đàng nào cũng phải chết chẳng nhẽ nằm đợi chết, đợi cho bọn rhaps đến xách cổ mình đi bán cho vài chục viên đạn vô ngục tại Sân Bay Bạch Mai rồi chôn vùi nông cạn vài thước đất một cách im lặng không kèn không trống, không một tiếng vang. Chúng tôi bàn nhau vượt ngục Hỏa Lò Hà-Nội. Nhưng vượt bằng cách nào? Đó là một điều khó nhất của chúng tôi.

Khi anh em bàn chuyện vượt ngục thì ai cũng vui mừng hưởng ứng cả nhưng đến khi bàn đến cách tổ chức vượt ngục thì người nào cũng bí không ai nghĩ ra kế hoạch vượt ngục cho êm thấm. Nhưng, một hôm không hiểu gì đâu, bà Chúa Ngục đun dầu như thế nào, tôi nhìn thấy cái nắp

cổng ở góc khám Tử bên cạnh chuồng tiêu làm tôi sợ nhớ đến câu chuyện Vượt Ngục ở Hỏa Lò Hà-Nội hồi Nhật vừa đảo chánh Tây của Trần-Đặng-Ninh, Cục Trưởng Cục Cung Cấp của quân đội Việt Cộng viết trong cuốn Hai Lần Vượt ngục do nhà Xuất Bản Sự Thật xuất Bản năm 1949 mà tôi đã được đọc 2 tháng trước ngày tôi vô Hà - Nội hoạt động rồi bị bắt.

Trong cuốn Hai lần Vượt- ngục, Trần đặng Ninh có kể lại chuyện vượt ngục ở Hỏa lò Hà-Nội trong thời gian Nhật đảo- chính Pháp. Trần đặng Ninh và mấy người bạn đồng tù với Ninh đã dùng lỗ cống để đi theo đường hầm cống nước ra ngoài. Tôi còn nhớ man-mán là đường hầm-cống trong hỏa lò ở đầu Phố Hàng-Bông Thọ Ruộm sẽ ăn thẳng ra hồ Ha-Le tức là hồ Thiên Cuông về góc đường Nguyễn thượng Hiền gần tòa báo Cải Tạo của các anh Đào trình Nhứt và Phạm văn Thụ. Tôi đem chuyện vượt ngục theo đường hầm cống bàn với anh em thì anh Cát hưởng ứng ngay và cho biết khi ở ngoài đời anh cũng đã có nghe chuyện đường hầm

cống trong Hỏa lò ăn thông ra hồ Thiên Cuông. Những cống nước này sợ nhứt là những mùa mưa nước lũ vào tháng 7, tháng 8, hay tháng 9, còn về mùa rét là mùa khô ráo, cống nước rất sạch và khô có thể đi được không sợ bị nghẽn lối. Và lại chúng tôi đã nghĩ chẳng thà chết cả lũ với nhau dưới cống còn hơn là để cho bọn Tây bắt từng người đem ra sân bay Gia Lâm hoặc Bạch Mai bán bỏ.

Bàn kế hoạch ra đi, chúng tôi viết thơ mật nhờ mấy anh Cỏ Vê mua cho chúng tôi mấy hộp sáp (đèn cầy) và mấy bao diêm (hộp-quẹt) để dự trữ mỗi người một bao diêm và một hộp sáp soi đường khi xuống cống. Nạp nắp cống, chúng tôi dùng thanh sắt cùm làm đòn bẩy lật nắp cống lên. Ngày ra đi, chúng tôi định vào đêm Nô-En là đêm mấy Giám thị, Su - Ba-Đặng gác khám đều quay quần đánh chén với nhau về tiệc nửa đêm. Thời gian ấy thuận lợi nhứt cho chúng tôi.

Ở đất Bắc về khoảng cuối tháng 11 âm lịch tức là về tuần Nô-En. Trời mỗi lúc một rét lạnh, các phạm nhân đi ngủ rất sớm, độ 9

giờ đã im lặng như tờ, tiếng ngáy, tiếng suýt xoa vì rét càng làm tăng thêm vẻ tịch mịch cô đơn của Đền Lao. Trước giờ hành sự, chúng tôi cẩn thận thu xếp hết quần áo để dọc dài rồi đắp chăn lên trên như người đang ngủ rồi. Chúng tôi cho anh em lấy cùm sắt làm đòn bẩy lật nắp cống lên. Nhìn xuống dưới cống trời tối om như đêm 30, tôi xuống trước rồi lần lượt đến các anh em khác. Tuy cả 26 người hưởng ứng nhưng lúc ra đi chỉ có 16 người đi mà thôi, còn 10 người ở lại. Khi chúng tôi xuống dưới cống rồi, anh em còn lại mới đập nắp cống lại.

Dưới cống có nước chảy sắp si bàn chân chúng tôi. Tôi đánh diêm châm nến soi đường và các anh em khác cũng thấp nến sáng chừng như đêm hoa đăng dưới hầm tối. Chúng tôi khom lưng cúi đi lần lần. 16 người chúng tôi chui lòn ở dưới đất trong hầm cống độ 20 phút chúng tôi thấy có vệt ánh sáng đèn điện soi xuống. Tim tôi rung động vì vui-mừng, biết rằng chúng tôi đã thoát được ra khỏi Hỏa lò Hà-nội rồi.

Đến nắp miệng cống ba anh em chúng tôi cùng ghé vai đội nắp cống lên và đặt sang một bên để lần lượt tôi lên trước đến anh thứ nhì lên.

Lên đến đường tôi mừng run chạy vội về phía đường Ôn-Như-Hầu để tránh rét. Ngọn gió đông ken thổi như siết cắt lên da thịt tôi. Lúc ấy, tôi mới thấy rét lạnh. Hai hàm răng của tôi đánh vào nhau đều đều một phần vì rét và một phần cũng vì sợ. Ngoài đường phố tôi đang đi khô g có một bóng người qua lại. Bóng tôi nghe tiếng còi thổi ròn rập rỏi tiếng súng nổ tiếp theo. Tôi đoán việc đã lộ, Cảnh Sát đi tuần đã trông thấy những người đi sau. Tôi vội chạy ra đường Trần-Quốc-Toản thì gặp một cái xe xích lô đạp đi qua. Tôi vội vẫy bảo anh xích lô ngừng lại cho tôi lên. Tôi về nhà một người bà con lấy tiền và quần áo rồi đi luôn đêm hôm ấy xuống ấp Thái-Hà ngủ, sáng mai đi thẳng về Hà - Đông rồi về Xuân - Mai ra luôn khu 3 trình diện.

Hai ngày sau, tôi lại gặp mấy anh em cùng vượt ngục với tôi ra đến cơ quan trình diện. Hỏi ra

mới biết chỉ chạy lọt được 9 người còn 7 người bị Cảnh - Sát quận Ba, quận Hàng Lọng bắt lại được hết.

Về sau theo lời thuật của một anh em hoạt động Nội Thành ra cho biết nguyên nhân vụ xảy ra Cảnh Bình quận Ba bắt lại được 7 người vì lúc ấy Cảnh Bình đi tuần qua thấy có người từ dưới cống bò lên nân sinh nghi huyết còi bắt đứng lại. Anh em vội chạy tháo thân. Toán Cảnh Bình liền nhảy xuống đuổi bắt. Một toán chạy lại chỗ nắp cống bắt được 5 anh còn ở dưới cống chưa kịp lên. Toán kia đuổi bắt được 2 người nữa là 7 người. Trông thấy 7 cái đầu trọc, Cảnh Bình nghi là tù vượt ngục nên ngay đêm ấy họ vào Hỏa Lò hỏi. Các xếp Khám mới lật đật đi kiểm và lúc ấy mới biết anh em khám Tử đã vượt ngục bằng đường hầm nắp cống.

Sau nữa, anh em cho biết là chúng tôi lên bằng đường nắp cống là dại vì cứ theo đường hầm mà đi ra đến mép Hồ Thiền - Công là cứ việc chui lên trong bóng tối thì không ai biết hết và cũng không phải dỡ nắp cống lên nữa.

NHƯNG, CUỘC ĐỜI LÀ CHUYỆN TẠI ÔNG MẤT NGỰA

Những tử tù sắp bị đưa ra sân bắn mà thoát được trong một cuộc vượt ngục, thật là một chuyện hi hữu, phúc đức, mà Tổ còn giầy lăm. Hỏi rằng ai là người không mừng, không coi đó là một điều hạnh ngộ ngàn năm một thuở. Nhưng có ai ngờ, câu chuyện vui mừng, hạnh phúc ngày hôm nay là chuyện bất hạnh cho ngày mai. Cái Hên của hiện tại có ngờ đâu là cái xui cho tương lai. Câu chuyện Tái Ông mất Ngựa của người Xưa để lại thật quả là một câu chuyện triết lý cao siêu, thâm thúy nhất. Cuộc đời không có cái gì tuyệt đối hết.

Ngày xưa, Tái ông bị lạc mất một con ngựa Cái, gia nhân đi tìm khắp nơi không thấy. Ngựa ấy lại là ngựa quý, mắc tiền nên dân làng và lối xóm đến thăm hỏi chia buồn cùng Tái Ông. Ngày Tái Ông vẫn vui cười trả lời :

— Mất ngựa chưa chắc đã là xui.

Dân làng và lối xóm cho ông lão họ Tái là người gàn. Không

ngờ hai ngày sau, con ngựa quý của Tái Ông trở về và đem theo một con ngựa Đực khác rất đẹp. Dân làng thấy Tái Ông chẳng những tìm thấy ngựa quý lại còn được thêm con ngựa quý khác nữa nên rủ nhau đến chúc mừng Tái Ông.

Tái Ông cảm ơn dân làng, lối xóm và trả lời :

— Được thêm ngựa chưa chắc là điều đáng mừng, là điều hên.

Một tháng sau người con trai quý của Tái Ông cỡi con ngựa Đực bắt được bị ngã gãy giò. Dân làng và lối xóm thấy người con Tái Ông cỡi ngựa què giò nên đến chia buồn hỏi thăm Tái Ông. Tái ông cảm ơn và trả lời :

— Con trai tôi ngã ngựa gãy giò chưa chắc là việc đáng buồn.

Năm sau có giặc ngoài biên cương xâm-lấn. Nhà Nước lắt trai tráng phải đi đánh giặc, nên người chết, người bị thương vô số. Riêng người con trai Tái ông nhờ ngã ngựa bị gãy giò nên được miễn dịch mới còn sống.

Không ngờ câu chuyện Tái ông ngày xưa chẳng khác câu chuyện của tôi năm 1951 sau khi tôi vượt ngục khám Tử Hỏa Lò

ra được đến Xuân Mai rồi về Nho Quan ở. Tôi vẫn đinh ninh rằng thân mình đã hy-sinh nhiều, đã nhiều lúc vào sanh, ra tử nay được trở về hậu phương để nghỉ ngơi ít nhứt nếu không được trọng dụng, thường công thì cũng được yên thân. Nhưng tôi đã lầm, hai tháng sau, tôi nhớ nhứt cái ngày đau buồn ấy nhằm vào ngày 19 tháng chạp âm lịch nghĩa là chỉ còn 10 ngày nữa là đến Tết. Nguyên Đán, tôi tiếp được một công văn Mật của Ty Quân Pháp yêu cầu đến ngay Văn phòng có việc cần.

Tôi đinh ninh là được đòi về Ty quân Pháp theo lệnh chuyển ngành nên lật đật vác ba lô lên vai đi đến Ty quân Pháp. Sáng ngày hôm sau, tôi đến Ty Quân Pháp thì gặp tám anh em cùng vượt ngục với tôi ở Hỏa Lò Hà-nội ra cũng được gọi đến. Gặp nhau tay bắt, mặt mừng, người nào cũng đinh ninh là được chuyển ngành về làm ở Ty Quân Pháp. Nào ngờ, vào khoảng ba giờ chiều, trời cuối năm ngoài hậu phương càng về chiều càng rét buốt. Ngọn gió rừng âm u vi vút thổi, đàn chim trời như mỗi cánh bay là xuống ngọn tre đầu làng

rồi lại vút bay thẳng lên. Trời một màu đen đục, gió mỗi lúc một mạnh, sương xuống mờ mờ, cái rét như siết mạnh lên da thịt. Một anh Vệ-Quốc Đoàn đến mời chúng tôi đi theo Anh. Chúng tôi hơi ngạc nhiên nhưng vẫn tin tưởng vô những thành tích đã qua của chúng tôi nên chúng tôi vững bụng ra đi. Anh Vệ-Quốc này dẫn chúng tôi loanh quaoanh rồi đưa vào một căn nhà gạch lớn rộng là nơi cơ quan đóng đề nghị chờ Thủ Trưởng cơ quan đến giải quyết.

Chúng tôi lại ngồi chờ cho đến sáu giờ chiều không thấy một ai đến hỏi chúng tôi cả. Cơ quan ngoài Bưng luôn luôn đóng chung với đồng bào. Ngôi nhà chúng tôi đang ngồi đợi là ngôi nhà của một Địa Chủ. Trời rét quá, Chủ nhà đã đốt lên một đống lửa ở giữa nhà để sưởi ấm. Tại miền rừng núi, mùa Đông người ta sống nhờ lửa nhiều hơn là nhờ ở cơm gạo. Đống lửa đỏ cháy bốc một ánh hồng tươi đẹp lấp lánh chiếu trên bờ vách những tia lửa đỏ lên xuống, reo vang. Chúng tôi gác ba-lô ngồi xích lại gần đống lửa. Vào khoảng gần 8 giờ tối, chúng tôi đã đói

còn cào thì một người ở cơ quan đến gọi tên chúng tôi đi theo. Đi quanh co trong làng, chúng tôi rét buốt vì gió lạnh mỗi lúc một tê tái. Trong làng tiếng chày giã gạo đều đều hòa lẫn với tiếng xay lúa ban đêm. Ngoài Khu không cho xay lúa ban ngày vì tiếng xay lúa nghe xa như tiếng máy bay Spitfire săn giặc. Người Vệ Quốc dẫn tôi đến một căn nhà lớn có nhiều bàn ghế, trông đúng là một cơ quan, 4 cán bộ đang ngồi đợi chúng tôi bên chiếc đèn dầu đậu phụng to ngon.

Một người đứng tuổi, giáng chừng là cán bộ cao cấp bảo chúng tôi trình giấy tờ và mở ba-lô để kiểm điểm lại đồ đạc, tiền nong vàng bạc. Ở trong thành ra, thành ra chúng tôi người nào cũng có ít nhất là 5 lượng vàng và nhiều đồ ngoại hóa sa si phẩm như đồng hồ Omega, Longine, Movado, bút máy Parker 51, quần áo kaki Mỹ, giày trong thành v. v.. Chúng tôi bị lột từ cái ceinture để rồi nhận lấy một mảnh giấy biên nhận. Cán Bộ cho biết chúng tôi bị giữ lại để điều tra.

Mỗi người trong chúng tôi

đều bị giam riêng trong mỗi học lúa tối um. Mỗi ngày được 2 nắm cơm con. Và tối nào cũng vậy chúng tôi bị bịt mắt đem đi hồi cung. Té ra Cơ Quan nghi chúng tôi là Gián Điệp do Tây vờ cho vượt ngục để đưa ra Khu dò thám. Thật là oan khiên thấu trời không còn biết nói, biết viện lẽ nào nữa vì không ai cho chúng tôi nói. Bọn họ tra tấn tôi và bắt tôi phải khai theo đúng ý của họ muốn. Bị giam gần một năm giờ trong học lúa tối um, tôi chỉ còn bộ xương bọc trong một lớp da gẻ lở mốc meo. Mãi cho đến Nô-En năm 1952, chúng tôi bị đưa về Trại Kim-Tân, Trại Lý-Bá-Sơ để chờ ngày ra Tòa Án Quân-Sự Liên Khu III do Lê-Chất ngồi ghế Chánh Án Nguyễn-Lâm ngồi ghế Cố Cố Ủy-Viên.

Về đến Trại 5 tức là Trại Kim-Tân của Lý-Bá-Sơ chúng tôi mới gặp lại nhau thì trong số 9 người đã chết mất 6 người rồi chỉ còn 3 người sống sót mà thôi. Trong 3 người sống sót, Nguyễn-thành-Cát vì quá ức đã ăn gan cóc học máu tươi mà chết. Chúng tôi chỉ còn hai người là Tôi và Lê-Hồng-Việt

sống trong khổ đau, trong đói rét chờ đợi ngày ra Tòa-Án Quân-Sự. Chúng tôi bị kết án mỗi người 15 khổ sai về tội làm Gián Điệp cho Tây.

Thật là mỉa mai! Nhiều lúc nằm bên nhau tôi nói nhỏ với Hồng-Việt:

— Đừng vượt ngục Hỏa Lò, cứ ở lại Khám Tử mà hóa hay. Mấy đứa bị bắt lại hóa ra sung sướng, có chết cũng không đến nỗi khổ sở nhục nhã như bọn thằng Liễu, thằng Cát.

Nhưng rồi cuộc đời vẫn là chuyện Tái Ông mất ngựa. Chúng tôi bị bắt giam ở Trại Lý-Bá-Sơ lại là một điều rất may cho chúng tôi. Nhờ đó mà chúng tôi biết được bộ mặt thật của lũ người tàn ác, vô thần, vô ơn, phản bội nấp dưới danh nghĩa Kháng Chiến để giết hại người đồng chủng, để rồi khi Hòa-Hội Genève chia đôi Đất Nước chúng tôi nhân cơ hội đi dân công Thiết Lộ Hà-Nội. Mục Nam Quan mà trốn xuống Hải Phòng di cư vô Nam. Còn lại những người may mắn hơn chúng tôi khi trước không vượt ngục hoặc vượt ngục bị bắt lại chờ khi Đất Nước bị chia cắt hãnh diện ở lại, tin vào những thành

tích kháng Pháp với bản án Từ-Hình tưởng là được trọng dụng thì bây giờ đang sống vất vưởng trong đói khổ, trong nhục nhằn, trong hối hận ở các Công-Trường đèo heo hút gió hoặc cũng có người đã bỏ thân trên đường sắt, có người lại trở về nhà tù để sống một cuộc đời mòn mỏi bán sức Lao-Động mà không kiếm nổi một miếng cơm ăn.

Và mỗi lần đến ngày Thiên Chúa Giáng Sinh, chúng tôi ở miền Nam tuy không được hưởng cái thú rét mướt co ro trong những tấm áo Len giầy cộm lạng lế đến nhà Thờ của một đêm Nô-En giá buốt, gió lạnh để mừng tượng đến những giờ phút thiêng liêng khi Chúa Hải Đồng nằm trong

máng cỏ thành Bê-Lem như mỗi độ Nô-En giá lạnh của miền Bắc nhưng chúng tôi được tự do đến Nhà Thờ xem lễ, cầu nguyện Nữ Vương Hòa Bình và Chúa Hải Đồng lợn Tót lợn Lành trong tay Đức Mẹ Đồng Trinh vô nhiễm, vô tội.

A Men ! Hôm nay ngày Chúa Giáng Sinh, chúng con, những người yêu Tự-Do, thiết tha yêu nước lay Chúa Hải Đồng hãy sáng soi cho chúng con đang vui mừng Đờng Ca bài Ca Chúa Sinh trong Máng Cỏ và xin Chúa hãy soi sáng cho những người Bạn thân yêu của chúng con đang nằm trong tay bọn Quỷ Dữ được đời đời giữ lấy lòng tin trong tay Đức Mẹ và Chúa Kirixitô xuống Thế làm người cứu lấy chúng con.

Handwritten scribble in red ink

← **VIỄN THỊ**

Một ông nọ mắc phải bệnh viễn thị. Chiều nọ, dự một bữa tiệc ở nhà người bạn, vợ ông để ý thấy ông ngồi gần một cô thật đẹp và hai người này nói chuyện rất lâu. Khi về nhà, bà vợ ông liền trở giọng gay gắt :

- Cái cô ấy thật là đẹp phải không mình ?
- Cô nào ?
- Cô mà mình nói chuyện rất lâu đó mà.
- Thật vậy sao mình ! Hồi nãy anh quên mang kính và vì ngồi gần quá anh có thấy gì đâu !!!



(Tiếp theo P. T. số 24)

★
**PHƯỚC HẢI
AN-VỊ TỰ !**

Cách chợ Lạc - Hòa về phía đông độ vài trăm thước, có ngôi chùa ngoài cổng đề « Phước-Hải-an-vị », mà dân chúng khắp miền chỉ quen gọi chùa « Thiện-Phú ».

Ngôi chùa không rộng lắm. Nhưng trang-hoàng có ngăn-nấp và mỹ thuật. Chung quanh chùa là khu vườn rộng lớn trồng nhiều cây ăn trái. Từ cổng vào chùa có 2 ngõ, hai bên viền toàn những cây sao thẳng vút bóng che mát rợp, dẫn chúng tôi tới nhà ngang và cửa hông chùa.

Chúng tôi xin phép vào viếng

★ **VƯƠNG-ĐỨC-HÀ**

chùa và được biết vị trụ - trì tên gọi Thiện-Phú, đi vắng.

Trong chùa thờ rất nhiều Phật, to, nhỏ đủ các cấp bậc. Chúng tôi biết tượng Phật Thích Ca, Phật bà Quan âm, thầy trò Tam Tạng và Ngũ-Đế... Quang cảnh thật là thâm nghiêm và tịch mịch. Tiếng đọc kinh ê-a xen lẫn với tiếng mõ khua lốc cốc tạo thành một âm thanh trầm trầm nghe buồn não nuột. Thỉnh thoảng vang lên những tiếng chuông chùa phá tan cái cảnh hư không vắng lặng. Tôi chợt nhớ mấy câu thơ đầy nhạc điệu của Chu Mạnh Trinh :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng
trái

Lững lơ khe堰 cá nghe kinh

Thoảng bên tai một tiếng chày
kinh
Khách tang hải giạt mình trong
giấc mộng...

Ô ! giờ này tôi mới thường
thức được cái hay, cái đẹp, cao
xa của những vần thơ thần tình
của ông.

Trước chùa có ao sen. Dưới
ao có nuôi một con cá tượng, độ
một yến. Muốn xem cá tượng ta
phải gọi ngay tên nó. Theo lời
một ông vải trong chùa, chúng
tôi gọi « ông tượng » khá lâu mà
vẫn im hơi bật tiếng. Chúng tôi
kiên nhẫn gọi to thêm nữa. Song
cá tượng cứ không chịu lên « tiếp
chuyện » với chúng tôi. Phải chăng
cá tượng chê chúng tôi là kẻ phàm
phu tục tử nên không muốn « ra
mặt » ?!

Bên ao sen sừng sững một cái
tháp thép vôi trắng, cao ba tầng,
vượt lên trên chòm xoài đầy
những quả.

Đề tranh thủ thời gian, chúng
tôi lại từ giã ngôi chùa để lên
đường. Nhưng trong lòng không
khỏi nao nao và thầm trách cá
tượng vô tình hay cố ý không
đoái hoài đến những kẻ « ngàn
năm một thuở » !

Lần này chúng tôi tăng tốc độ

vì mặt trời lên khá cao, lại thêm
sức nóng của đất cát bắt đầu
nung-nấu.

Độ 5 cây số nữa thì thuộc miền
châu-thỏ sông Mỹ - Thanh. Hai
bên đường những gò, nong kể tiếp
nhau. Con đường quăng này cũng
lúc lên khi xuống gập - ghềnh.
Vùng này không mấy cây cối
được. Có vài khoảnh đất rải rác
trên gò nong, trong đám tranh khô
là thấy trồng khoai, đậu, thuốc lá
v.v...



Trước trường Sampha có ngôi
mộ hoang đã lâu đời lắm. Ngôi
mộ ấy ở bên tay phải xa lộ lối
20 thước. Năm mồ đã gần san
bằng vì thời gian. Chung quanh
thành tường xây bằng những tảng
đá đỏ miền Biên hòa. Những tảng
đá này bề ngang độ 0m,50 dài
1m, dày lối 0m,15. Có tảng đá
chôn vùi một phần xuống đất, có
tảng nằm rời bên ngoài mộ. Dù đã
bị mưa nắng soi mòn như sắt bị
rỉ loại đá này vẫn còn rắn lắm.
Mộ xây công kỹ lắm. Những
tảng đá nối nhau bằng « ngàm »

và « khớp ». Trước mộ có tấm
bia cũng bằng đá đỏ nhưng không
còn nét chữ nào. Có cái sân vuông
không rộng lắm cũng lát bằng
loại đá đỏ.

Theo lời của một số người
hiều biết, đây là ngôi mộ của vị
hôn thê của Tiên phong dinh
Chương-cơ Võ-Tánh — em gái
vua Gia-Long — tức Ngọc - Du
công chúa (?). Trong thời kỳ tàu-
quốc, vua Gia-Long đã từng đặt
chân đến những nơi này có mang
theo Công chúa Ngọc-Du. Vì một
lẽ gì ngộ-nạn nên đành chôn vùi
năm xương một cách đau
thương ! (?)

Còn một số người khác lại cho
tảng mồ ấy chính là một trong
những cận-thần của vua Gia-Long
đã bỏ mình trong lúc phò người
tàu-thoát. Nhưng không rõ là
ai ?

Thật ra thì thuyết trên vẫn
không đúng. Còn thuyết dưới thì
mập mờ.

Năm 1777 vua Gia-Long tàu
quốc có mang theo Công-chúa
thật. Mãi đến năm 1788, Võ-
Tánh (một trong Gia-định Tam-
hùng : Đỗ-thành-Nhân, Võ-Tánh
Nguyễn-văn-Thành) mới ra yet-

kiến vua trở về Gia-định lần thứ
ba. Vì trọng tài, mền võ, nhà vua
bèn phong chức và gả công chúa
Ngọc-Du cho. Như thế 11 năm
trước, Gia Long có biết Võ-Tánh
là ai đâu mà gả em cho. Lại nữa
năm 1801 Võ-Tánh tuân-tiết ở
thành Bì-h-Định (Qui nhơn) thì
Ngọc-Du công chúa còn ở Gia-
định.

Bởi thế ngôi mộ này hiện còn
trong nghi-vấn. Rất tiếc không có
tài-liệu để đính-xác (Anh em đọc
giả xa gần, xia góp tài-liệu về
Công-chúa Ngọc-Du và ngôi mộ
ấy).

Nếu chuyên-viên của Viện-
Khảo cổ đến xét-cứu thì có lẽ tìm
ra manh mối, ai đã chịu thiệt-thòi
năm đây trên thế-kỷ mà không
được nén hương sưởi lòng !

Đặc biệt là miền này làm sao
có đá đỏ, mà chính ngôi mộ là
làm bằng thứ đá đỏ chỉ có ở miền
núi Biên-Hòa và Tây-ninh.

Cách đó không bao xa lại có
cái mà đất hoang nữa. Mà đất
này chỉ biết rằng đã có lâu lắm
song không biết của ai ?

Đi thêm cây ngoài số nữa thì tới Đại-Hòa. Xa xa vài ngọn dừa lung lay trước gió.

Con lộ này hoàn toàn bằng đất sét nên mùa mưa lầy lội lắm. Hai bên toàn là rừng chà là và dừa nước. Thân cây chà là (không phải loại dattier) giống cây cau nhưng nhỏ và rắn hơn. Lá dài có gai bén ghê gớm. Cây mọc chẳng chặt, rập rập.

Từ Đại Hòa ta có con đường trở về Vinh-Châu theo hướng Đông Nam. Chúng tôi đến Đại Hòa thì đã quá mệt rồi. Đại Hòa không phải là chợ nên việc ăn uống khó khăn lắm. Chúng tôi tìm được nhà bạn để giao phó công việc làm cơm. Sau khi nghỉ xả hơi và giải khát nước dừa xong. Chúng tôi lại cỡi xe lên đường đi Mỹ Thanh với một bạn hướng đạo.

Độ cây số ngàn, cửa sông Mỹ Thanh hiện ra. Trên bãi cạnh cửa sông chỉ có một xóm vài mươi nóc gia chuyên sống về nghề chài lưới. Dưới bến vài chiếc ghe nằm ngủ kỹ và mấy miệng lưới đang cần phơi. Trẻ em lố nhố đùa nghịch trên bãi. Cửa sông không rộng lắm, lối ngàn rưỡi thước.

Bên kia cửa biển là xóm chài Mỏ-ó hiện ra mờ mờ cùng rừng cây xanh chạy dài theo bờ sông.

Nhìn ra biển, thủy triều vừa lên, nước biển màu trắng đục đầy đất phù sa, từng làn sóng xô kéo nhau đều đều lên bãi cát mịn màng vang lên những tiếng lao xao.

Ngoài kia vài chiếc ghe lưới đang trương buồm vượt trùng dương. Cảnh vật thật là bao la hùng vĩ !..

Nhìn theo bờ biển về hướng nam, rừng cây xanh xanh ve ra tận mé nước ; ấy là xóm Phủ-yết và Mù-u.

Có sự tích như thế này:

« Chệt » Yết là người Tàu sang đây làm nghề trồng rày. Vua Gia-Long bị quân Tây Sơn rượt nên phải bôn-đào, khắp miền Nam chỗ nào cũng in vết chân người. Một hôm, người cùng một số cận-thần chạy đến bờ sông Mỹ-Thanh. Tất cả đều đói cơm, khát nước. May thay ! « chệt » Yết cũng tử-tế mời người về nhà nướng náu. Không có nước ngọt để uống, « chệt » Yết bèn dẫn người ra xem con vớt đang moi cát để đặt trứng, làm nước từ

trong lỗ rỉ ra. Nước ấy lại ngọt.

Người lập tức cấm dân cùng bộ hạ không ai được bắt con vớt ăn thịt. Đến nay dân ở biển không ai dám bắt vớt cả, chỉ trừ trứng vớt. Vì mỗi lần có người bắt vớt về ăn thịt thì ngày hôm sau sóng, gió nổi lên dưng dưng (?). Nên mọi người sợ chạm đến vớt lắm !

Khi đã thâu phục giang sơn về một mối, nhớ ơn « chệt » Yết vua Gia-Long bèn phong cho y làm chức « Phủ hàm ». Cho nên mọi người đều gọi trại ra là Phủ Yết.

Từ cửa Mỹ-Thanh, theo bờ sông, đi vào lối ngàn thước có nền « Thủ » cũ. Vì đường sá khó đi, gai gổc chần chịt lại thêm nổi rần rít, nên chúng tôi không dám bén mảng tới. Đó chỉ là một

mảnh đất phẳng nằm sát bờ sông, nơi đóng qu ân của Gia-Long thời kỳ tàu-quốc.

Trời về trưa, ánh-nắng quá gay-gắt chiếu xuống bãi cát làm chúng tôi khó thở. Và lại không có gì đặc-sắc để hấp-dẫn tình háo-kỳ nữa, chúng tôi rời Mỹ-Thanh để chạy bay về Đại-Hòa.

Nhà anh bạn đã dàn cơm đợi. Không cần khách-sáo nữa, theo bản-tính bình dân, chúng tôi ngồi lại « khai chiến » mà phần thắng đã dè nh sẵn cho chúng tôi.

Đã biết trước, cá tượng không chịu « ra mắt » là điềm bất lợi cho chúng tôi. Thế nên buổi chiều hôm ấy, chúng tôi bị một trận mưa toi-bời !



★ LANH TRÍ

Cu Tèo đi học về, quần áo sốc-sếch, mắt bầm đen, mẹ nó thấy vậy lo sợ hỏi nó :

— Trời ơi ! mày đánh lộn phải không ? Ai đánh mày bầm đen con mắt vậy ? Tao đã cấm mày đánh lộn, mày có nhớ không ?

— Dạ thưa mẹ, nhưng vì con phải bênh vực một đứa nhỏ.

— Nếu vậy thì mẹ không rầy con, nhưng lại còn khen con nữa... Vậy chó đứa nhỏ ấy con của ai vậy ?

— Dạ thưa mẹ, đứa nhỏ ấy tức là con.



(Tiếp theo P.T. số 24)

KH I Đào duy Từ thời vào môn hát tuồng một nguồn sinh lực mới, tại phủ Bồng Sơn tỉnh Bình Định, thì ngoài Bắc đang lúc thịnh thời của các chúa Trịnh, mà các chúa Trịnh là những người muốn thưởng thức một thứ nghệ thuật bác học đi song song với tử sắc thi ca. Bởi đó, chúa Trịnh cho là nghề hát chèo có tính cách bình dân, không hợp với tính tình của những kẻ thượng lưu quý phái. Chúa Trịnh bèn chọn môn hát cô đào là môn hát thờ của các vị thần thánh, rồi bắt nhạc công phổ nhạc thêm những điệu hát mới, để gây ra một nghệ thuật ca hát, khả dĩ thay thế được cả tuồng, lại cả chèo.

Hát cô đào cũng không biết có tự đời nào, chỉ biết rằng trong thời Lê, nhà thơ Lê đức Mao, vào đầu thế kỷ thứ XVI, đã làm hộ một bài hát cho ả đào hát chúc làng, vào ngày hội xuân, lập vào tháng hai để tế thần cầu phúc.

Xét ra thì trong lối hát ả đào, có nhiều điệu hát thờ như « Hát lót cửa đình », « Thiết nhạc », « Dâng hương » v.v... Những bài hát đó rất cổ kính, văn chương cũng rất tối nghĩa, có khi không văn, còn niêm luật bằng trắc thì nhất-định không có.

Xin trích ra đây một đoạn trong bài « Thiết nhạc » thì liệt vị thấy rõ ngay tính cách của lối văn cổ đó:

CA KỊCH VIỆT-NAM

*Đàn ai đàn một tiếng dương
tranh
Chung thừa ngọc ở đàn nào
nùng chiều ai oán
Trộm nhớ thừa hơi dương
đăm ăm
Năm thức mây che rờ rờ mây
che ngất trời*

Thề văn cổ đến như thế, thì không hiểu môn hát ả đào có từ thừa rào, trước môn hát chèo hay sau môn hát chèo. Duy có một điều chúng ta có thể tin được, là trong buổi ban đầu, thì lối hát này, cũng như lối hát chầu văn, là một thể hát có tính cách linh thiêng thần bí, dùng trong sự tế lễ. Song le, tên « ả đào » lại là một danh từ đặt sau những tích tuồng Bàn đào.

Thoạt Kỳ thủy, ả đào chỉ có bốn phận hát mà thôi. ả đào hát, thì có một nhạc công đứng gảy đàn đáy hòa theo, và có một nhạc công nữa, chuyên môn cầm một cặp sênh tiền để gõ nhịp. Vì nhạc công những hai người, nên gọi là Kép. Kép có nghĩa là hai. Tỷ dụ như áo kép là áo hai lần vải, ông tú kép là ông tú đồ hai lần tú tài. Nhạc công gảy đàn, gọi là « Kép đàn », còn nhạc công

gõ sênh gọi là « Kép chân bìa ». Về sau, công việc của kép chân bìa không có gì khó khăn mệt nhọc cả, nên ả đào dùng một cỗ phách mà vừa gõ vừa hát, chỉ cần có kép đàn mà thôi. Từ đó trở đi, thì chỉ có hai người, một trai một gái, hợp lại thành cặp, nên thiên hạ gọi văn tắt là « đào » với « Kép ».

Ông Kép này rất quan hệ, vì không kép, thì đào không hát được. Đào hát thờ thì phải đứng, mà kép cũng phải đứng. Bởi đó, cây đàn đáy có một cái giây, dùng để kép lồng qua vai mà đứng đàn cho đỡ mỏi mệt.

Khi Chúa Trịnh, phát triển và mở mang nghệ thuật hát chèo, thì, vì muốn tôn kính thần linh, Chúa cho phép đào kép được trải chiếu ngồi dưới đất. Chúa ngồi ngất ngưỡng trên sập, trước văn kỹ, và thảo những bài hát, rồi trao cho nhạc công phổ nhạc. Phổ nhạc rồi thì dạy cho ả đào hát để hát hầu Chúa. Như thế, Chúa có thể tự thưởng thức âm điệu của những tác phẩm của mình. Trong lúc nghe các bài hát cũ, Chúa lại mơ màng đặt ra bài hát mới.

Bài hát của Chúa còn ai dám sửa chữa chệch bài nữa? Cứ việc cúi đầu phở nhạc, rồi truyền tụng khắp nơi. Bởi đó, thường có những câu văn chúa cao hứng đọc ra, trong lúc băng khuâng phiêu diêu, thành ra văn vơ ngớ ngẩn, không có nghĩa lý gì cả.

Tỷ như bài Cung Bắc, mà đây là đoạn mở đầu:

*Dập dìu gió lướt màn thưa
Con buồn sức trạng ngâm nga
mỗi sầu*

Réo rất dưới lầu

Sự bởi đâu

*Đón rước vôi mừng tin oanh
Thiều quang nước lặng vẻ thình
Lênh đêngh như thể đở xanh vẻ
rồng*

Hằng trông

*Ngậm ngùi nhớ cảnh hằng trông
Lênh đêngh bến nguyệt lạnh
lùng nhớ ai...*

Nhưng mà nhạc công cứ xếp đặt thành âm điệu, thành nhạc khúc. Lúc hát lên, nghe cũng du dương, não nuột, thánht thót, êm đềm, nhưng nếu cố tìm ra nghĩa, thì không hiểu gì cả.

Nhờ thú vui chơi của Chúa, các âm điệu càng ngày càng thịnh, mới có những bản Thiên Thai,

những bài Tỳ Bà, và rất nhiều các điệu khác. Song le, không có điệu nào hơn được điệu « hát nói », vì điệu hát nói có thể cơ rần tùy theo cảm hứng, đặt thế nào cũng không quản ngại, miễn là hát được thì thôi.

Cho nên điệu hát nói được mặc nhiên bầu là then chốt của lối hát ả đào, nghe mãi cũng không biết chán. Sở dĩ như thế, vì tuy thế hát nói có một khuôn mẫu điển hình, nhưng biến thể của khuôn mẫu đó có thể sinh sinh hóa hóa vô cùng vô tận. Đó là một điểm thú-vị của môn hát nói. Điểm thú-vị thứ hai là thi sĩ được hưởng khoái lạc đối tửu đờng ca, và có thể phát triển lời khen chê của mình cũng bằng nhạc khí.

Nhạc khí đó là cái trống, tục gọi là trống châu. Nguyên chữ châu ngày xưa có nghĩa là « triều », tức là « triều đình ». Quan vào triều gọi là đi « châu », thành ra chữ « châu » cũng hàm ý chờ đợi, châu rục.

Chữ đó lan ra đến thần thánh, thì gọi là « châu văn ». Áo khăn của các bà hầu bóng gọi là « khăn châu, áo ngự ». Ngự là tiếng

dùng riêng biệt cho vua, rồi tới khi có chúa, thì tiếng « châu » lại dành riêng cho chúa.

Trong thời Lê Trịnh, các vị tôn quý nhà Chúa đều gọi là « châu ». Châu ông châu bà. Tiếng « châu » là một danh từ xưng hô đề tôn kính. Trong Kiều cũng có câu:

Cung nga thế nữ theo hầu

*« — Rằng vâng lệnh chỉ rước
Châu vu quy ».*

Gọi Kiều bằng Châu, tức là coi Kiều như một bà mệnh phụ.

Chúa Trịnh nghe hát ả đào, muốn tỏ rằng mình chơi một lối nghệ sĩ mà quý phái, bèn gõ vào trống mà phê bình lời hát, giọng đàn. Trống châu sở dĩ phát hiện trong các nghệ thuật ca hát của Việt Nam là từ đó.

Ở các nước khác, không có lối đánh « châu ». Chỉ riêng người Việt Nam có thú chơi thanh nhã đó mà thôi. Đánh châu cũng là một nghệ thuật như đàn ca vậy. Bao giờ mà hát hay, đàn ngọt, và trống tài tình, thì gọi là « tam hợp ».

Nếu chỉ riêng nghe hát mà thôi, thì nghe mãi tất phải chán. Chúa Trịnh bèn bắt các ả đào

phải tập vừa múa vừa hát. nên lại thêm trong môn ả đào được hai lối nữa, tức là lối « bỏ bộ », và lối « múa bài bông ». Hát không bỏ bộ hay múa bài bông, thì gọi là « hát gỗ », tức là gõ phách mà hát theo dịp đàn.

Bỏ bộ là lối hát, hoặc một người, hoặc hai ba bốn người, vừa múa vừa hát theo đàn, nhưng không gõ phách.

Hát sự tích nào thì dùng bộ điệu phụ vào lời hát để diễn tả cho rõ rệt. Tỷ dụ như hát bài con cò, thì phải đứng một chân làm như điệu con cò; hát bài « kim chỉ vá may » thì phải ra bộ như đang ngồi vá may v.v...

Còn như múa bài bông, thì lũ ca nữ phải ăn mặc như sắm tuồng, vai mang đèn và tay cầm quạt, hợp thành một đội mà múa hát theo dịp bát âm. Lối này là lối ca vũ cổ điển của nước ta, xem cũng lạ mắt.

Đại khái sơ lược nghệ thuật hát ả đào là như thế. Nghệ thuật đó tiến vào Nam thì chịu ảnh hưởng của âm nhạc Chiêm Thành mà biến thể, hóa ra ca Huế.

Xét kỹ thì lối hát ả đào, về

phương diện văn thơ, là một thể pha trộn văn lục bát và song thất của ta với văn các điệu Sở từ của Trung Quốc. Khi Đào Duy Từ chấn chỉnh lại ngành ca hát, thì họ Đào cũng đặt ra nhiều khúc, nhưng tựu trung đều phẳng phất như văn chương từ khúc của Tàu.

Về phương diện thơ văn, có thể nói rằng những bài ca Huế phần nhiều đều tương tự lối văn từ khúc. Song lẽ, về phương diện âm điệu, thì phải phân biệt ba hơi, cũng như ba giọng trong môn hát tuồng.

Một là hơi Nam. Hơi-Nam là giọng âm đậm sâu thương, lâm ly ai oán, ta thường nghe trong những điệu Nam Bằng. Nam ai và Quả phụ. Nghe những bài nam, ta mừng tượng như nghe linh hồn Chiêm Thành còn luân quần trên giang san cũ, mà mảnh linh hồn đó như nằm trong lòng những khúc ca áo não, tựa hồ tiếng kêu thương của cả một dân tộc bại vong... Giọng ca Huế dù dương bao nhiêu thì ủy mị bấy nhiêu, người nghe ca thấy

thê xác chìm đi, tâm trí tan đi, chỉ còn lại một cảm giác băng khuâng, thương nhớ, say đắm, dè mê, đưa con người tới một bờ bến xa xôi, không muốn trở về thực tại nữa.

Ấy, chính vì thế mà nhiều người cho ca Huế là có tinh thần vong quốc. Vong quốc vì ca Huế, như khúc Hậu đình Hoa, làm cho tiêu tán cả thê xác lẫn tâm hồn.

Nhất là khúc ca của Huyền Trân công chúa khi bỏ nước ra đi, ai nghe thấy mà không phải bùi ngùi thổn thức :

*Nước non ngàn dặm
Ra đi,
Nợ tình chi
Mượn mẫu sơn phấn
Đền nợ Ô Ly
Thương vì
Đương độ xuân thì...*

Được một điều là ca Huế chỉ buồn rầu vì những khúc hơi Nam mà thôi. Đến những bài hơi Bắc, hơi Xuân, thì lại khác hẳn.

(Còn nữa)

HỒI KÝ

Một Đời Người

THIỆU-SƠN

PHẦN THỨ HAI

VI

BA CÁI BẠT TAI

(Tiếp theo P. T. số 24)

TÔI dẫn đoàn thê tử vô Xóm Thơm kiếm vợ chồng một anh bạn nhưng hai anh chị đã dọn đi và sang nhà cho chủ mới. Đêm đó chúng tôi tạm trú ở xóm Thơm và đã sống một đêm kinh-khủng. Chung quanh chúng tôi đều khói lửa mịt mù. Đạn nổ rền trời hết hướng này qua hướng khác làm chúng tôi có cảm tưởng như bị bao vây đủ 4 mặt. Sáng hôm sau chúng tôi lại bồng bế nhau đi, nhắm hướng Gò vấp trực chỉ. Tôi Gò vấp chúng tôi tá túc ở trường học nhưng cũng không ở được lâu vì cũng còn khói lửa và súng đạn theo hoài. Chúng tôi chạy lên tới An-nhơn-xã, tá túc ở Chùa Ông và nhận sự giúp đỡ của một gia

đình Huế-kiều lãnh việc trông coi chùa đó.

Tôi đây chúng tôi không còn đường chạy nữa. Mặt trận Bến Phấn án ngữ ngay trước làng và ngay trong làng có Cộng hòa vệ binh về đồn trú. Lâu lâu có «chà chớp» (Gurkas) đi qua và mỗi lần như vậy là mỗi lần kinh động cả xóm làng.

Nhắm ở yên không được, tôi một mình lợi bộ về Gia định thăm nhà coi lại cửa ngõ và đồ đạc rồi trở lên An-nhơn báo cáo tình hình cho vợ tôi nghe. Tôi thấy Tây đã chiếm lại Gia định nhưng không phá phách và khủng bố đồng bào. Chúng tôi quyết định hồi cư và trở về nhà cũ trong khi châu thành còn vắng

hoe và nhiều nhà còn khoá cửa.

Tôi đã gần Tây lâu và đã từng làm việc với Tây nhưng sao bây giờ tôi không muốn gặp người Tây nữa.

Tôi coi họ như những người xa lạ nếu không phải là kẻ địch, người thù.

Trở về sống trong vùng họ kiểm soát đã là một tủ nhục cho tôi. Tôi không còn có thể nghĩ rằng rồi đây tôi sẽ xin làm việc trở lại với họ dầu gia đình lúc này đã bắt đầu phá sản. Vợ tôi còn cương quyết hơn tôi. Chính bà nói: «Người ta còn đương đánh Tây răm rắp. Các anh bạn của mình còn chưa ai về cả. Mình nở nào mà xin về làm việc lại với Tây. Để tôi buôn bán nuôi con».

Thế rồi mỗi sáng vợ tôi ra chợ Bà Chiêu chiền «dầu cháo quẩy» bán kiếm chút đỉnh lời để nuôi chồng và nuôi con. Mấy đứa con lớn ra chợ giúp mẹ. Tôi lãnh giữ đứa con gái út còn ẵm và coi nhà luôn thể.

Một buổi sáng Tây kéo tôi bao vây cả vùng tôi ở. Chúng lục lạo từng nhà. Nhà nào có chủ thì chúng xét đồ đạc và bỏ túi tất cả những gì chúng có thể bỏ túi được. Nhà nào khoá cửa bỏ trống thì chúng bẻ khoá vào nhà khuôn sạch chỉ để lại những đồ chúng không thể đem đi được

hoặc những món vô giá trị.

Tôi cũng hân hạnh được tiếp những vị khách quý đó. Bọn họ xét nhà là bọn Tây thuộc địa và không phải là lính chánh quy. Họ mang phù hiệu có ba chữ G. V.L. nghĩa là Garde volontaire de la libération (Tinh nguyện giải phóng quân). Họ là những người thường dân, Pháp có, lai có, người Việt dân Tây có. Họ bị Nhựt cầm tù, được quân Anh giải thoát, nay tinh nguyện mặc sắc phục và cầm binh khí phụ lực với quân đội Viễn chinh để «giải phóng» Đông Dương. Họ vào nhà tôi với ý - định «giải phóng» chút ít tiền bạc và đồ tư trang của vợ tôi. Họ bảo tôi mở tất cả tủ, rương rồi ra ngoài đường đứng như mọi người khác để họ xét rồi mới được vào. Tôi cãi lại rằng tôi cần phải có mặt trong khi họ xét vì nếu họ bỏ đồ quốc-cấm vào nhà tôi thì ai chịu trách-nhiệm?

Không đuổi tôi ra khỏi nhà được họ đã tức tối trong lòng. Họ liền chỉ mấy rương đồ của người lối xóm gọi và hỏi: «Những rương gì đây?» Tôi đáp: «Đây là đồ người lối xóm gọi». Một tên trong bọn hỏi nữa: «Tại sao phải gọi?»

Rồi có cuộc đối đáp qua lại như sau:

— Tại người ta tản cư, không

mang hết theo mình được?

— Tại sao phải tản cư?

— Tôi cũng tản-cư mới về. Việc đó ông đã biết thừa rồi, hỏi làm chi nữa?

— Mổ coi!

— Tôi không có chìa khoá. Ông cứ phá ra mà coi. Tôi chịu trách-nhiệm về những đồ chứa trong đó.

Rồi chính tên đó lộ mặt nghinh tôi và la: «À thằng này hỗn thật!» Và nó xáng cho tôi hai cái bạt tai nẩy lửa. Tôi cũng đồ quau nói: «Cám ơn», và bị thêm một bạt tai nẩy lửa hơn. Nó còn lên cò súng hăm dọa tôi thì một tên khác, hình như là chỉ huy vội ngăn nó mà nói: «Đây là một người có học thức, không nên ngược đãi người ta».

Rồi bọn họ cũng không thêm phá rương và xét đồ thêm nữa. Nhà tôi không mất một món nào trong khi đồng bào lối xóm không một nhà nào không la mất vàng bạc và quý-vật này nọ.

Trước khi rút lui thằng đánh tôi coi mời hối hận đã phân trần như sau: «Này anh coi mấy cườm tay tôi bị thương-tích vì chính đồng bào của anh đã hành hạ tôi đã man như thế này».

Tôi đáp: «Ai hành hạ ông

«thì tôi không biết nhưng chắc «chấn là không có tôi. Tôi không «phải chịu trách - nhiệm về «những việc làm của người «khác. Tàn-bạo như quân Nhựt, «mà họ cũng không nở đối- xử «xử với tôi như ông đối-xử «với tôi. Tôi tin cậy ở nước «Pháp, ở người Pháp đề nay «chính tôi nhận được của người «Pháp một cách đối-xử ngoài «sự trông-đợi của tôi. Mấy cái «bạt tai của ông làm cho tôi «đau-đớn về tinh-thần nhiều «hơn về thể-xác...»

Anh chàng coi bộ mặc-cỡ, lủi thủi ra đi. Và 15 phút sau, vợ con tôi cũng lon ton chạy về, kể ôm lỏ, người xách chảo, nói rằng bị Tây bố, dầu cháo quẩy chiền rồi hay chưa chiền cũng đều bị đồ tháo lung-tung, chỉ cứu vớt được cái chảo và cái lò. Tôi thuật cho vợ tôi nghe những chuyện đã xảy ra ở nhà rồi chúng tôi ngồi ngó nhau lắc-đầu, thở dài, uể-oải và chán-nản.

Vợ tôi thông-cảm nỗi khổ tâm của tôi nhưng cũng mừng rằng đồ-đạc trong nhà không mất một món nào.

Phần tôi, càng nghĩ càng tức. Cha mẹ mình, không nở đánh mình, đồng-bào mình không nở hành-hung với mình. Vậy mà nay bị

Tây tát. Nhục lắm. Nhục lắm.

Tôi đem bút giấy ra biên một bức thư dài ba trương gửi cho Đại-Tướng Leclerc. Tôi nêu danh-tính bút-hiệu đăng-hoàng. Tôi chào mừng vị anh-hùng đã giải-phóng Ba-Lê, kính-dò ánh sáng, nhưng tiếc rằng ông đã qua đây với những ý-định không hòa-bình. Tôi cũng tự giới-thiệu là người hâm-mộ văn-hào Romain Rolland luôn luôn đặt mình ở trên mọi cuộc xung-đột, nhưng hoàn-cảnh Việt-Nam qua những biến-cố liên-tiếp không cho phép tôi « ở ngoài » những lộn-xộn của quần chúng.

Tôi không thích Nhựt, không bài Pháp và về phe với những người bài Pháp nhưng chưa hề bị ngược đãi. Tin trước ở nước Pháp vẫn minh, tôi đã nghe theo lời kêu gọi của ông mà rời cư trong vùng ông kiểm soát. Rồi tôi thuật lại cuộc bao vây, xét bắt, cướp bóc và đánh đập của quân đội Pháp mà tôi vừa là người làm chứng, vừa là kẻ nạn nhân. Tôi cho rằng người tướng lãnh phải chịu trách nhiệm về những hành động của quân đội của mình. Tôi có nói những câu khá nặng như : « Chiến tranh đã làm cho tên tuổi ông lớn lên. Nhưng chính phải nhân đạo hóa chiến tranh thì nước Pháp mới bảo toàn được danh dự của mình ».

Địch thân tôi đem bao thư tới Tổng Hành Dinh của tướng Leclerc ở Sài-gòn.

Về tới nhà tôi càng suy nghĩ càng thêm lo sợ. Vợ con tôi nào có hay biết gì đâu? Trưa hôm đó, một anh bạn làm Phủ ở Tòa Bổ Gia - định đạp xe máy ghé nhà tôi. Tôi đưa anh coi nãi thư tôi viết (thì anh nói một câu vắn-tắt : « Trong vòng một tuần-lễ này sẽ bị bắt. » Anh làm tôi thêm hoảng-hốt ăn-năn. Nhưng biết làm sao bây giờ? Mũi tên đã bắn đi rồi, tôi mong nó không trúng đích cũng không được nữa...

Trong khi đó thì có mấy quân-nhân Pháp làm ở văn-phòng Trung-Tướng Valluy ở Gia-Định thỉnh-thoảng ghé chơi nhà. Họ tự xưng là những người Pháp mới, biết tôn-trọng nhân-vị và nguyện-vọng của người Việt-Nam và cũng mong rằng Chánh-Phủ Pháp sẽ đi tới chế đồng quan-diêm với họ. Tôi có đem chuyện bị xét nhà và bị bắt tại ra nói với họ. Tôi còn nói luôn tới bức thư tôi gửi cho Đại-Tướng Leclerc. Họ liền vỗ đùi mà nói lớn : « Chúng tôi có nghe nói tới bức thư đó. Chính Đại-Tướng đích-thân về Gia-Định nói với Trung-

« Tướng Valluy về bức thư của ông và bảo Trung-Tướng ra lệnh cho quân đội phải tôn-trọng tài-sản của thường-dân và tuyệt-đối không được ngược-đãi người vô-tội. »

Thế là tôi yên bụng. Tôi không bị ở tù và đã được người ta chú-ý tới lời nói của tôi.

Nhưng tôi không ngờ rằng tôi đã làm một việc vô-ý-thức. Chính một anh bạn sau đó đã vạch cho tôi thấy cái vô-ý-thức của tôi. Anh nói tôi đã đặt tự-ái không nhằm chỗ. Trong khi cả muôn, cả ngàn người bị lính Pháp ngược đãi và giết chóc

thì mấy cái tát tai cần nặng được bao nhiêu? Và lại thực-dân càng khùng-bố càng làm cho lòng người công-phấn để đẩy mạnh cuộc kháng-chiến của toàn-dân.

Đó chỉ là ý-kiến của một người bạn, nhưng tôi ngẫm-nghĩ cũng thấy mình quá cách-biệt với đồng-bào. Trong khi mọi người đều cần rằng chịu đựng để mưu-đó đại-sự thì mình chỉ biết lo cho riêng mình, coi danh-sự cá-nhân nặng hơn quốc-thù và quốc-thê.

(Còn nữa)



★ TRÊN KHÔNG

Trên một chuyến máy bay Paris — Saigon, có một đứa nhỏ rất nghịch ngợm cho đến nỗi các hành khách đều bức mình vì nó. Thì đây, nó đang phất cô chiếu-đũi viên đang bung cà-phê cho hành khách ửng:

— Này em, cô này vừa nói vừa trừng mắt nó đứa nhỏ, tại sao em KHÔNG RA NGOÀI CHƠI.

★ TRONG GIỜ HỌC SINH-NGŨ

Thầy. — Mẹo ! trò hãy đặt một câu trong đó có chữ « Đường »...

Trò. — Dạ thưa thầy ! Bữa nào em cũng ăn kẹo.

Thầy. — (ngạc nhiên) Ừ ! Thế chữ « Đường » ở đâu ?

Trò. — Dạ thưa thầy ! Trong kẹo đã có sẵn « Đường » rồi ạ...

Thầy. — !!!...

THÁI-HÓA



Khổng Minh

★ NG-QUANG.LỤC

(liếp theo P. T. số 24)

b) LƯU-BỊ VÀ LỖ-TÚC

C H Ứ Cát Lượng nói với Tiên Chủ : « Xin Chúa công cho tôi phụng mệnh sang cầu cứu tướng quân Tôn Quyền.

Bây giờ Tôn-Quyền đóng quân ở Sài tang, nắm thế thua được của đôi bên.

(Sở dĩ có cuộc Chư - Cát - Lượng sang cầu cứu Tôn-Quyền là vì trước khi ấy, (Theo Giang Biểu truyện) Tôn-Quyền có sai Lỗ Túc sang điều tang Lưu-Biểu, Quyền dặn : « Túc nhân khi gặp hai con Lưu Biểu, kết thân với Lưu-Bị. Túc chưa đến Kinh-Châu thì nghe Tào-Công đã qua Hán Tân, Túc vội đi trước lên, được gặp Lưu-Bị ở Đường Dương, nhân đấy nói về ý Tôn-Quyền và cùng Bị luận bàn thiên hạ sự tình « ý rất ân cần ».

(Chỗ này T.Q.C.D.N. đã đề

cao quá sự thật vai trò Khổng-Minh cho rằng Khổng Minh đã biết trước thế nào Lỗ-Túc cũng đến thăm dò ý kiến.)

Xin dịch một đoạn để đọc giả so sánh tiểu thuyết với chánh-sử.

Huyền Đức đến Giang-hạ, cùng với Khổng-Minh và Lưu-Kỳ bàn về phương sách tự toàn.

Khổng Minh nói :

— Tào-Tháo thế to lắm, trong khi cấp bách khó lòng địch nổi. Chẳng bằng ta sang nhờ Đông Ngô Tôn Quyền cậy làm ứng viện. Hai bên Nam-Bắc giữ nhau ta ở giữa thủ lợi hóa chẳng hay lắm sao ?

Huyền Đức nói :

— Giang Đông rất nhiều nhân vật tài có mưu cao. Chưa chắc họ đã dung ta.

Khổng-Minh cười nói :

— Nay Tháo đem 100 vạn quân như con hổ nằm ở Giang-Hán. Há Giang Đông chẳng cho người đến thám thính hư thực hay sao ? Ví bằng có người đến đây, Lượng tôi xin một cánh buồm mượn gió thổi tới Giang Đông, thuyết cho Nam Bắc hai quân thôn tính nhau. Nếu Nam quân thắng thì ta cùng giết Tào-Tháo lấy Kinh Châu. Nếu Bắc quân

thắng thì có thể ta thừa thế lấy Giang Nam.

Câu này là câu khuển-khoảng của hạng Tô Tần Trương Nghi thì được chừa đặt vào miệng một hào-kiệt như Chư Cát Lượng thì sai.

Chư Cát Lượng lúc nào cũng ăn nói đúng-dắn hợp lý hợp thời. Và lại đoạn này khác hẳn Chính sử. Theo Chính sử trước khi Lưu-Bị sai Khổng-Minh đi thì Lỗ Túc đã gặp Lưu-Bị ở Đường Dương rồi. Lốp gặp gỡ về trước nhà văn T.Q.C.D.N. đặt nó vào sau, lạc hẳn thời gian-tính.

Còn nói Tào Tháo thắng Quyền thì Khổng-Minh tiện tay lấy luôn Giang-Nam. Lối nói lập luận kỳ khôi này chỉ có trẻ con nghe được. Thử hỏi Quyền thua, Bị có còn tồn tại ?

Vả chẳng suốt đời Khổng-Minh chủ trương hòa Tôn-Quyền để chống cự Tào-Tháo.

Theo T.Q.C.D.N. Khổng-Minh không có lập trường. Rồi câu chuyện giữa Lỗ Túc với Lưu Bị, nhà văn tiểu thuyết đặt vào miệng Khổng-Minh. Lưu-

Bị trước sau chỉ đóng vai bù - nhìn.

Trong khi đang nói chuyện thì có người báo Tôn Quyền Giang-Đông sai Lỗ Túc sang điều tang, thuyền đã cập bến.

Không-Minh cười nói:

— Đại sự thành rồi!

Liên hỏi Lưu Kỳ:

— Ngày trước thời Tôn Sách chết, Trương Dương ta có sai ai sang điều tang không?

Kỳ nói:

— Giang Đông cùng nhà tôi vốn có thù giết cha, có đâu được điều lễ như vậy.

Không-Minh nói:

— Nếu thế thì Lỗ Túc tới đây không phải điều tang. Chỉ là thám thính quân tình đó mà thôi. Lỗ Túc đến chỉ vì muốn kết hiếu với Lưu Bị.

Rồi bảo Huyền Đức:

— Lỗ Túc đến có hỏi về việc động tĩnh của Tào Tháo xin chúa công trả lời là không biết. Nếu hỏi gặng hai ba lần thì Chúa Công bảo cứ hỏi Không Minh thì biết.

Bàn soạn xong xuôi rồi cho người ra nghênh tiếp Lỗ Túc. Túc vào thành điều tang. Lưu Kỳ đầu

nhận lễ vật rồi mời Lỗ Túc hội kiến Huyền Đức. Hai bên thí lễ rồi Bị mời Túc vào uống rượu ở hậu đường.

« Túc nói:

« — Bấy lâu tôi được nghe đại danh Hoàng Thúc, vô duyên không được bài yết lần nào. Ngày nay, may mắn được hội kiến thật lấy làm hân hạnh. Gần đây được nghe tin Hoàng Thúc cùng Tào Tháo hội chiến, tất biết hư thực của địch. Dám hỏi Tào quân ước lượng độ bao nhiêu?

« Huyền Đức nói:

« — Bị này binh ít tướng ít, nghe tin Tào Tháo đến là đã chạy rồi. Nên không thể biết rõ được hư thực. (Người anh hùng mà lại nhút nhát đến thế ư?)

« Lỗ Túc nói:

« — Nghe nói Hoàng Đức dùng mưu Chư Cát Lượng « Không Minh, hai trận hỏa công, khiến cho Tào Tháo hồn siêu phách lạc, sao lại bảo là không biết?

« Huyền Đức nói:

« — Muốn biết điều ấy phải hỏi Không Minh mới rõ được.

« Túc nói:

« — Có Không Minh đây xin cho tôi được yết kiến.

« Huyền Đức sai mời Không Minh ra hội nghị.

« Lỗ Túc được yết kiến Không Minh. Hai bên thí lễ xong Túc hỏi:

« — Tôi thường hướng mộ tài đức tiên sinh không được bài yết lần nào. Ngày nay hân hạnh gặp đây thực là đặc ngộ xin tiên sinh cho nghe cái thế an nguy ngày nay?

« Không Minh nói:

« — Cái gian kế của Tào Tháo, Lượng này đã được biết hết (Không khi nào Không Minh lại nói câu khuếch khoác ấy) Chỉ hận rằng sức chưa bằng được nên phải tránh đó thôi.

« Túc nói:

« — Hoàng Thúc bấy giờ định về đâu? »

Lỗ Túc đang hỏi quân tình của Tào Tháo, Không Minh chưa trả lời đã hỏi bắc sang chuyện Lưu Bị định về đâu ở, đây rõ ràng ta thấy cái dụng đại của nhà văn tiểu thuyết rồi, câu chuyện giữa Không Minh và Lỗ Túc ăn hệt chính sử,

chỉ khác vai nói chuyện, với Lỗ Túc đáng lẽ là Lưu Bị hay là Không Minh.

Rồi T.Q.C.D.N. đưa Không Minh sang Đông Ngô đi từ « thiết chiến quân nho » đến khích Tôn Quyền khích Chư Du. Xem đây thì ta thấy Không Minh chỉ là một anh thuyết khách lâu lĩnh, lấy hý lộng làm chiến thuật để chế riếu Đông Ngô. Tôn Quyền là ông chúa không có quyết tâm. Chư Du là anh chàng nóng nảy khách khí làm trò chơi cho Chư Cát Lượng. Lỗ Túc là một anh chàng chính khách quá thực thà.

Thực ra thiên « Thiết chiến quân nho » tuy đã bịa đặt cũng nên thiên tuyệt bút. Xin dịch ra đây để cống hiến độc giả:

Túc dẫn Không - Minh tới dưới trướng đã thấy bọn Trương-Chiên, Cồ lung, một bọn văn võ chừng hai mươi người mũ cao đai rộng, mặc áo chỉnh-lễ, ngồi thứ-tự.

Không-Minh chào hỏi từng người, hỏi họ. Tôn thì lễ xong rồi ngồi vào khách vị.

(Còn nữa)

ĐÊM

NOËL

KÍNH koong... kính koong... kính koong... ĐÊM NOËL.

Tiếng chuông nhà thờ ngân-ngã từng hồi giữa đêm tịch-mịch.

1959 năm về trước Nơi hang đá Bettlem, chúa Hài-Đồng đã sinh ra giữa đêm đông rét mướt.

Người đem đến cho nhân-loại ánh-sáng Công-Bình. Bác-ái và đã trao trọn tình thương tha-thiết của người.

« Gloria in excelsi Deo et in terra pax hominibus bonae voluntatis... » (Vinh danh Thiên-Chúa trên các tầng trời và bình-an cho người ngay lành dưới thế... » Tiếng Thiên-Thần hát từ gần hai nghìn năm trước, dư âm vẫn còn phảng-phất đâu đây.

Đêm nay NOËL lại về. Những vì sao tự-do lấp-lánh reo mừng trên bầu trời thăm-thẳm vô-biên.

Từ các nẻo đô-thị, cho đến những con đường mòn ở các vùng quê hẻo lánh xa xôi. Trên biển cả,

★ MẶC-PHONG

Từ những miền giá băng cho đến những nơi sa-mạc quanh năm nắng cháy. Từng đoàn người — không phân biệt tôn-giáo, chủng tộc — đều hướng về các Thánh-đường để đón mừng Chúa Jê-sus — vị ân-nhân của nhân-loại — giáng trần.

Giờ đây miền Nam Tự-do cũng tung bừng trong muôn ánh đèn lồng, trong muôn con tim bồi-hồi, náo nức ...

Tiếng chuông đổ dồn. Bản Thánh ca vang lên thúc giục : «Đêm đông lạnh lẽo, Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời...»

— Lạy Chúa nhân từ, xin Chúa ban Hòa-bình và Thống-nhất cho nước Việt Nam con, Xin Chúa hãy reo rắc Công-bình và Bác-ái trên miền Bắc đau-thương đang chìm trong làn sóng vô-thần.

Tôi gục đầu trong đôi tay ; đau xót nhớ đến đồng bào tôi, giờ đây đang còn bên kia bờ vĩ-tuyến.

CHUYỆN NGÀN

QUỐC

TÊ

Cái Noël của bác thợ Năm

★ TỪ TRẦM LỆ



B Á C
N ă m
gái rảo
mắt một
lượt nửa
k h ả p
nhà. Bác

lấy làm bằng lòng trước quang-cảnh sáng sủa của đồ đạc nằm ngăn nắp, vén khéo và bóng nhoáng. Chính tay bác thu dọn, chùi, quét từ mái hôm qua. Còn không mấy tiếng đồng hồ nữa là đến giờ mà hai mươi thế kỷ về trước Chúa Cứu Thế ra đời. Lòng bác thầy nao nao một niềm sung

tưởng thâm sâu. Trong trí bác hiện lên hình ảnh một hài nhi nằm trong chiếc máng cỏ tồi tàn và một hình người đóng đinh trên cây thập tự. Hai hình ảnh tiêu biểu của đấng xuống trần chịu nhục hình vì nhân loại để cứu nhân-loại, làm bác xúc động vô cùng. Chợt có tiếng động mạnh ở góc nhà ngắt ngang tư tưởng của bác. Trên chiếc ghế dài kê sát vách, bác thợ Năm đang nằm

ngủ và khi trở mình, tay bác làm ngã cái ghế kế bên. Bác Năm gái kêu lên :

— Ông ơi, ông làm rầy quá. Bác Năm trai đưa tay vuốt mặt, mắt háp háy nhìn bác gái :
— Tôi có làm gì rầy đâu.

Giọng bác gái như dây thất-vọng :

— Ông ơi, nếu ông không muốn cầu nguyện như mọi người, ít ra ông cũng đừng làm rầy. Và tưởng rằng ông cũng không nên ngủ như vậy nữa. Ông ơi, ông không biết hôm nay là ngày gì sao?

Giọng bác Năm trai như trêu-cợt :

— Bà ơi, khi người ta ngủ là lúc người ta không có làm rầy gì hết đấy.

— Ông tưởng vậy? Ông thì chính trong lúc ông ngủ ông làm rầy hơn hết. Nếu ông không xô ngã ghế thì tay ông quơ mạnh tưởng đến bề vách. Lúc ông ngủ, người ta tưởng như có hai cái cưa máy và một cái bào đang làm việc trong nhà này.

Bác Năm trai ngồi lên mỉm cười nhìn bác gái:

— Bà già rồi mà không thấy bà thay đổi gì hết.

— Ừ, ừ, ông thì ông có thay đổi, có tiến bộ đấy. Ông ơi, ông ơi, một ngày như ngày hôm nay đây, ít ra người ta cũng nhớ rằng mình đã có nhận nước thánh chứ. Ông không có được chút lòng sùng kính nào hết sao? Ông không biết hôm nay là ngày Chúa Giáng sinh sao?

Bác Năm trai nheo mắt, cười:

— Tôi không phải nhờ ai nhắc cho phải sùng kính vào những lúc nào. Điều đó chỉ ở tự người ta thôi bà ạ.

— Chỉ tự ở người ta thôi? Mà lúc nào ông mới như vậy?

Trong suốt tuần nay, ông làm như không biết Chúa là gì.

Bác Năm trai đổi giọng, có vẻ bức:

— Thôi đi, tôi xin bà. Khi người ta làm việc vất vả suốt ngày, khi người ta không làm thiệt hại gì đến ai, đó là người ta tròn bổn phận đối với Chúa hơn ai hết. Thế bà muốn tôi phải làm gì bây giờ?

— Tôi bảo ông hãy cầu nguyện và im lặng. Ông không cầu nguyện mà ông lại làm ồn quá. Chúa ơi, cái gì vậy?

Trong một giây, trong nhà tối sẫm đi như có bức màn đến che kín khung cửa sổ và, liền đấy, có một thứ tiếng va chạm mạnh vang lên. Bác Năm trai bước mau đến cửa sổ nhìn. Một trận giông mãnh liệt vừa đột ngột nổi lên và bề gây một cảnh xoài bên hông nhà. Gió vun vút, gào rít bên ngoài.

Bác Năm gái chấp hai tay lại, rên rĩ:

— Thật là một đằm gỡ. Năm nay rồi đến... không bình yên thôi.

Bác Năm trai dấy vào nhìn vợ:

— Nếu không phải chính Sa-tăng đích thân đến tìm bà, thì là gió, là giông như thế đấy, bà ạ.

Bác gái kêu lên một tiếng và chạy lấy cây nước thánh xuống rảy khắp nhà, rảy luôn cả vào mình ông Năm. Và bác kêu lên, đầy tuyệt vọng:

— Ông cũng không làm dấu thánh giá khi rảy nước thánh vào ông nữa.

Bác Năm trai thấy đến lúc không nên trêu nữa, không thì bác gái phát khùng lên mất! Bác tìm đề nói một câu gì cho vui đẹp lòng bác gái, nhưng bác lại quay ngay ra cửa sổ. Từ bên ngoài, xôn xao vang lên những tiếng người ồn ào lấp cả tiếng rít gào của gió. Trận giông gây nên nhiều thiệt hại trong làng. Nhà bác Tư láng giềng bị tróc cả nóc. Tiếng bác Năm gái nói lên bên tai bác trai:

— Máy người đó, tại họ không có cầu nguyện đấy. Tôi hỏi ông, ai che chở cho ta nếu không phải là đức Chúa Trời. Kia, ông không lại chạy đi đâu vậy?

Bác Tư gái góa chồng, sống với ba đứa con còn nhỏ. Người trong làng không mấy ưa bác vì người ta bảo bàn tay của bác nhám lấm. Giờ đây, nóc nhà bác bị gió giở tung. Trong

nhà có thằng con bệnh, nhưng không ai chịu lãnh hết. Ông giáo bằng lòng nhận, nhưng người ta không cho, bảo rằng bệnh thằng nhỏ truyền lây cho trường. Bác Năm gái không có con, tuy nhiên bác không muốn có thằng nhỏ bệnh trong nhà sẽ làm mất vui cái đêm Noël của mình. Rốt lại, vị linh mục nhớ rằng Đấng mà người ta làm lễ nghinh đón tối nay, có nói người nào rước một đứa trẻ là rước chính Đấng ấy. Kề ra linh mục cũng không nhớ rõ nguyên văn chính-xác của lời ấy, nhưng với lòng vị tha và lời của Chúa phụ vào, ông điều đình với bác cao cấp trực tiếp của ông đề cho thằng nhỏ bệnh đến ở trong nhà thờ cho đến, ít nhất, khi nóc nhà mẹ con nó đã được tạm thời sửa chữa xong.

Tiếng của bác thợ Năm vang trong tiếng gió, gọi những người hàng xóm và mấy người thợ của ông: Họ, kẻ vác thang, người khiêng ván, người rinh đồ dụng cụ đến. Và, trong đêm tối, giữa tiếng gió gào như dọa nạt, họ búa, họ cưa, trong ánh sáng mấy ngọn đuốc được châm tức thời cho công việc ấy.

Khi tiếng chuông nhà thờ đổ báo hiệu cuộc lễ nửa đêm, thì bọn người sửa nhà vẫn đang đục, đang đóng trên nóc nhà bác Tư gái. Đến lúc, tất cả chuông hợp nhau đổ vang hồi và tiếng ca nhạc lên đến mức tuyệt đỉnh của cuộc lễ, những người tiếp tay bác thợ Năm đều leo xuống đất và hối bước vào nhà thờ, bỏ lại một mình bác Năm với hai thợ phụ của bác trên bộ xương nóc nhà. Giọng gió lại có vẻ mãnh liệt hơn lên, như quyết phá đi những gì của bàn tay người đang xây cất.

Bác Năm hy vọng xong cái nóc trước sáng. Khi bác thấy ba phần tư những người giúp bác bỏ bác để chui vào nhà thờ, bác giận dữ quát tháo :

— Đồ ích kỷ. Đến mà bỏ dở chân Chúa. Còn dám mẹ con người khốn nạn này, có chết lạnh đi, cũng không ai lo tới. Thật là đồ... Chút nữa là mình nói tiếng ấy rồi. Xin Chúa tha thứ cho.

Khi lễ tan, người trong nhà thờ đổ ra về, bác Năm vẫn vừa làm vừa quát mắng trên nóc nhà. Một người bảo :

— Bác ấy đến điên lên mất

nếu không ai giúp bác. Bác cứ chửi mắng thế, có lẽ chúng ta cũng có chút lỗi đấy. Ta đến giúp bác đi. Như vậy, cái nóc nhà, trong 1 tiếng đồng hồ nữa là xong được tất.

Một người khác kêu lên :

— A, anh tưởng rằng tôi lại có thể không sùng đạo để đi làm việc trong cái đêm thánh Noël này sao ?

Nhưng câu ấy man đến anh hưởng trái lại :

— Anh có nghe thằng cha ấy nói không ? Trước cái ich kỷ như vậy, tôi thấy còn yêu bác thợ Năm với những tiếng chửi thề của bác hơn. Tôi lên phụ tay cho bác ấy đây.

Một số người khác cũng theo người ấy. Tiếng đóng, tiếng đục, lần này, tới tấp ồn lên âm ỹ đến bác Năm gái nhăn nhó mặt, bịt hai tai lại :

— Âm ỹ như vậy thì ai mà ngủ, ai mà cầu nguyện cho được. Và cái ông chồng yêu quái của tôi lại là người đầu tịt. Xin Chúa tha thứ cho ông.

Ngày rạng lên. Gió lạnh vẫn vút veo qua trên những mái nhà. Nhà bác Tư gái đã lợp xong, và

mẹ con bác đã trở về nhà.

Bác thợ Năm về đến nhà mình là vút dụng cụ vào một xó, đoạn ngã lăn lên ván ngủ ngay, không kịp cởi cả giày. Bác gái hiện đến trong khung cửa và sau khi nhìn qua bác trai ngủ say sưa như vậy bác ôm mặt quay ra, đi một mạch đến nhà thờ. Trước vị linh-mục bác nức nở :

— Thật khốn nạn cho con có một ông chồng như vậy. Ông ấy thật ra thì hiền lành và làm lụng nhưng ông không có chút tin-giờng nào hết.

Bác có sống đến 100 năm, cũng không bao giờ bác quên được cái đêm ấy.

— Ông không có đến một lời kinh cầu đề nghinh rước đức Hải đồng. Từ hồi sáng đến giờ người ta đi nhà này đến nhà nọ nói với nhau là chưa bao giờ có thấy ai lại đi chửi thề trong đêm Chúa Giáng sanh, như ông chồng khốn khổ của con hết. Chắc chính cha cũng có nghe ông ấy. Con khổ sở quá, con sợ hãi quá đi thôi.

Vị linh mục cười dịu dàng :

— Vâng, chính tôi có nghe. Nhưng hình như đó là một lời cầu nguyện thì phải.

— Một lời cầu nguyện ? — bác Năm gái kêu lên và đưa tay lên khỏi đầu đoạn buông thõng xuống như hoàn toàn thất chí.

Giọng linh mục chậm rãi :

— Bác Năm à, có những người cầu nguyện bằng những cách thức lạ kỳ. Kể thì chỉ lật từng trang một quyền sách, kể lại lần những viên ngọc trong râu trăng hạt. Và, bác trai đây, trong khi đóng đinh dựng cái nóc nhà ấy, là bác cầu nguyện đấy.

Bác Năm gái vịn hai tay trong cái cử chỉ thất vọng :

— Ông đã chửi thề, đã nguyện rửa trong lúc cuộc thánh lễ. Nếu Chúa không từ tâm thì đất đã nứt ra nuốt ông rồi.

— Bác Năm à, lời bác trai trong đêm rồi, có thô lỗ thật, nhưng niềm ý của bác trai quả tốt đẹp và chân thành. Mà đó mới là điều đáng kể. Trong suốt lúc bác ấy la lối và nguyện rửa đó, tôi chắc chắn rằng trong đầu bác không có ý nghĩ nào khác hơn là sự dựng một mái nhà cho người góa phụ nghèo khổ cùng đám con của bà ta, và cái ý tin chắc mọi người phải giúp tay cho bác trong công việc ấy. Trong đêm

rồi, hẳn rằng tất cả chúng ta đã cầu nguyện một cách sùng tượng hoàn toàn. Nhưng tôi nghĩ rằng lời cầu nguyện của bác trai với cái cưa, cái búa, mới là được Chúa chuông hơn hết.

Trên đường về nhà, bác Năm gái đã thấy lòng như dụi lại, nhưng bác vẫn không hiểu tại sao nguyện rửa lại là cầu nguyện, thế còn cầu nguyện là gì? Hình ảnh bác trai mang cả giày lấm dưng ra ngủ say sưa trên ván, làm đôi

mày bác nhú lại có vẻ trầm tư. Bỗng dưng, bác cảm thấy lơ mơ trong sự bỏ ăn lễ, bỏ vui chơi trong đêm rồi của bác trai để chống chọi lại giông gió xây dựng một mái nhà cho mấy kẻ khốn khổ, trong sự hy sinh ấy có cái gì khác thường. Một cơn gió lạnh lùa qua, Không biết có phải vì sợ lạnh không, mà bác Năm gái vội rảo bước lên đê về nhà.

(phóng tác theo Peter K. Rossegger)



KẾT QUẢ BẢO ĐÀM

Đã lâu rồi, mỗi bữa sáng, anh Ba Tèo kiên nhẫn ngồi cầu dưới một cái cầu cạn. Một ngày nọ, một người kia đi ngang qua, đứng lại coi anh Ba Tèo cầu, nhưng ngạc nhiên mới bèn hỏi anh Ba:

— Anh làm gì đó?

— Anh thấy rõ mà! Tôi cầu cá chó làm gì, anh Ba Tèo trả lời.

— Sao! anh cầu cá! nhưng cái cầu của anh không có nợ mà?

Vả lại tại sao anh cầu chỗ cạn sợt vậy?

— Thì có gì lạ đâu? Ngày nay người ta dùng vô tuyến điện, ở xa cách mấy cũng nói chuyện nghe được, thì tại sao mình không cầu cá bằng cần không nợ và cầu ở chỗ cạn để thấy hơn không.

— Nói vậy chắc cầu bằng cách này anh cầu được nhiều cá hơn?

— Không! không nhiều hơn mà cũng không ít hơn vì hồi đó tới giờ tôi cầu chưa được con nào cả...

ÍCH LỢI CỦA TRƯỜNG HỌC

Các em lớp năm đều đi học cả. Các bà mẹ đều rành rành cả. Đây các bạn hãy nghe ý kiến của một bà mẹ. Bà ta nói với người láng giềng rằng: « Chị ơi, đến bây giờ tôi mới hiểu được sự ích lợi của nhà trường. Thằng Cu của tôi nó đi học rồi sao tôi khỏe quá ».



DỜI NÉT VỀ

HÀN-MẶC-TỬ

★ QUÁCH-TÂN

Ồ-Ồ thuộc làng Thanh-Tân.

Cụ học giỏi, võ nghệ tinh - thông lại có sức mạnh phi - thường. Tuổi đã 60 mà một mình lấy vai đẩy nổi một chiếc ghe bầu chở đầy gạch bị mắc cạn. Với tài sức của cụ, thì việc lập công danh với triều-đình không phải là việc khó. Song suốt đời cam chịu áo vải, chó nhất-định không thi-thỏ tài-năng cùng triều nhà Nguyễn. Cụ mất năm 65 tuổi.

Ông Nguyễn văn Toàn, thân sinh Hàn - mặc - Tử, là con trưởng nam của cụ.

Ông Nguyễn văn Toàn, lúc nhỏ học chữ nho cùng cụ ông. Lớn lên vào học tại Đại-Chủng-

HÀN-MẶC-TỬ tên thật là Nguyễn-trọng-Trí, tên thánh là Phêrô Phanxicô, sanh tại Lê-Mỹ (Đồng-hới), ngày 22 tháng 9 năm 1912.

Tử thân vóc gầy yếu. Tánh-tinh hiền hậu, giản-phác. Thích giao-du và rất hiếu học.

Tổ tiên vốn họ Phạm và quê quán ở Thanh-Hóa.

Ông cố tên là Phạm-Chương bị liên can trong một cuộc vận động về quốc sự, gia-đình bị truy nã, nên người con là ông Phạm Bồi phải trốn vào Thừa-thiên đổi ra họ Nguyễn theo mẫu-tánh.

Vào Thừa-Thiên cụ Phạm-Bồi được ông linh-mục người Pháp tục gọi là Cố Đờng đỡ đầu. Sau đến lập nghiệp tại xứ

Viện Huế và đã lên đến chức thầy tư. Nhưng rồi ra đời. Ban đầu làm thông-ngôn tòa-sứ Hội-An. Sau sang làm ký lục Thương - Chánh rồi thi đậu Tham-tá, và đổi ra Đồng-Hối.

Hàn-Mặc-Tử ra đời lúc thân sinh làm chủ sự sở Thương-Chánh Nhật-Lệ ở Đồng-Hối.

Lớn lên Tử theo ông thân đi nhiều nơi: Sa-kỳ (1920), Qui-Nhơn, Bồng Sơn (1921), Sa-kỳ (1924). Đến năm 1926, thân sinh Tử bị bệnh, nằm nhà - thương Huế, rồi mất tại đó (thọ 45 tuổi), Tử theo bà thân vào ở Qui-Nhơn.

Bà thân của Tử tên Nguyễn-thị-Duy, con gái út cụ Nguyễn-Long, một Ngự-y có danh triều Tự Đức. Bà là một bậc tử mẫu đã hy-sinh rất nhiều cho đoàn con, nhất là cho Tử. Và Tử đã chịu ảnh-hưởng của bà rất nhiều về mặt tánh tình. Bà mất năm 1951 tại Gò-Bồi (Bình-Định), thọ 71 tuổi.

Tử có tất cả là 6 anh chị em.

Người anh cả tên Nguyễn bá Nhân.

Hai người chị Tên Nguyễn-như Nghĩa, Nguyễn như Lễ.

Và hai người em trai tên, Nguyễn bá Tín, Nguyễn - bá-Hiếu.

Hai người chị và hai người em vẫn còn sức khoẻ.

Anh Nguyễn bá Nhân đã mất năm 1936.

Anh Nguyễn bá Nhân hiệu Mộng Châu là một nhà thơ Đường Luật sành nghề. Chính nhờ anh mà đường học vấn của Tử được tiếp tục sau khi thân sinh Tử thất lạc, và cũng nhờ anh dìu dắt mà Tử vững bước khi mới bước vào làng thơ.

Khi mới bước vào làng thơ Tử lấy hiệu Minh-Duyệt-Thị.

Sau đổi là Phong-Trần.

Rồi lại đổi là Lệ-Thanh.

Lại đổi nữa là Hàn-mặc-Tử.

Sau cùng mới lấy hiệu Hàn-Mặc-Tử.

Trong việc thay đổi bút hiệu của Tử có xảy ra đôi chuyện lý-thú:

Hiệu Minh-Duyệt-Thị ít ai biết.

Tử có tiếng với hiệu Phong-Trần.

Nhưng một ông bạn chê:

— Tư-ông anh mảnh-khảnh thể này, chịu sao nổi cảnh phong-trần mà ước?

Một bà cụ thâm nho ở Bình-Định cũng bảo hiệu Phong-Trần quá trệ và không thích hợp với tánh chất của Tử. Bà khuyên Tử nên đổi hiệu khác.

Tử bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Lệ-Mỹ) và chữ đầu của chánh-quán (Thanh-Tân) ghép lại thành hiệu Lệ-Thanh.

Được ít lâu ông bạn kia lại nói:

— Bộ anh ngó «đễ-thương» mà cái hiệu Lệ-Thanh nghe cũng «yếu điệu thực nữ» quá! Âu là tôi gọi là « cô Lệ-Thanh» cho thêm duyên.

Tử làm thinh. Nhưng ít lúc sau lại đổi là Hàn mặc Tử.

Hàn-Mặc là bức rèm lạnh. (寒幕)

Tử rất lấy làm xúng ý.

Nhưng ông bạn kia lại mò đến:

— Kề cũng ngộ thật! Tránh kiếp Phong-Trần, lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân, lại đi làm kiếp «rèm lạnh». Tránh lờ chun vào lưới. Sao mà lẩn thẩn quá thế?

Tử đâm khùng:

— Anh này thật đa sự! Không biết đặt «cái dềch» gì cho vừa lòng anh?

Ông bạn cười:

— Đã có rèm thì thêm bóng nguyệt vào. Hỡi còn cảnh nào nên thơ bằng?

Tử thích chí, cầm bút vạch thêm « vành trăng non » trên đầu chữ A, thành hiệu « Hàn-Mặc-Tử ».

Chỉ thêm một dấu « ă » mà đổi hẳn ý nghĩa, chẳng những đổi ý nghĩa một chữ mà đổi ý nghĩa cả hai:

Chữ « Hàn » trước kia nghĩa là « lạnh ». (寒)

Nhưng đi kèm với chữ « mặc » là « mực » thì trở thành chữ «Hàn» (翰) là « bút ».

Hàn-Mặc-Tử (翰墨子) là anh chàng Bút Mực.

Tử sửa xong khoan khoái nói:

— Đã có bóng trăng rơi vào, thì từ nay danh tôi cũng như văn-chương của tôi sẽ mỗi ngày mỗi rạng-ngời như bóng trăng.

Thật quả vậy. Với bút hiệu Hàn-Mặc-Tử, danh Tử và văn-chương Tử mỗi ngày mỗi thêm sáng rạng như trăng và cùng với trăng mà bất diệt.

Nhưng trước khi Tử rạng danh cùng bút-hiệu Hàn-Mặc-Tử, thì Tử cũng đã có danh

với bút hiệu Phong-Trần, như trên đã nói.

Tử bắt đầu nổi danh vào khoảng 1930-1931 do lời giới thiệu của Phan-Sào-Nam.

Lúc bấy giờ Phan tiên-sinh bị Pháp bắt an-trị tại Huế. Để có thể trao đổi tâm-tinh cùng người trong nước, tiên-sinh mở ra một lớp dạy thơ theo lối hàm thụ. Thơ bốn phương gửi đến rất nhiều. Tử cũng gửi đến ba bài:

Thức Khuya
Chùa hoang,
Gái ở chùa.

Tiên-sinh rất tán thưởng, liền họa lại và đăng cả ba bài xướng và ba bài họa lên báo (không nhớ tên báo) với những lời ca-tụng. Đại ý nói rằng: «Từ khi về nước đến nay, được xem nhiều văn thơ quốc-âm, song chưa gặp được bài nào hay đến thế. Hồng nam nhận bác, ước-ao có ngày gặp-gỡ để bắt tay nhau cười to một tiếng, ấy là thỏa hồn thơ đó.»

Để bà con thấy rằng lời khen của Phan-Sào-Nam không có gì quá đáng, xin lục ra một bài, bài THỨC KHUYA.

Bài của Tử:

Non sông bốn mặt ngủ mơ màng.

Thức chỉ mình ta dạ chẳng an,
Bóng nguyệt leo song sờ-sẫm gối,

Gió thu lọt cửa cọ mài chần.
Khóc dùm thân-thế hoa rơi lẹ,
Buồn giúp công-danh để dạo đàn.

Chồi dậy nôn na vạt điệu cũ,
Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.

Bài của Phan tiên - sinh họa lại:

Chợ lợi trường danh tí chẳng màng,

Sao ăn không ngọt ngủ không an?

Trăm năm ngàn đó tưởng đâu bề,

Muôn họ nhờ ai bạn chiếu chần?!
Cửa sầm góm ghé người đánh trống.

Tai trâu một mặt khách đưa đàn.

Lòng sen đặng đặng tơ sen vướng.

Mưa gió bao phen gộc chẳng tàn.

Hai bài Chùa Hoang và Gái ở Chùa, văn-chương cũng lưu-

luyện, tình tứ cũng nùng viễn như bài Thức Khuya.

Sau đó Tử tìm ra thăm Phan tiên sinh tại Bến Ngự.

Nguyên trước đó cụ Nguyễn-hữu-Bài — bạn thân cùng thân sinh Tử — đã ghi tên Tử vào danh sách những người sang Pháp du học. Nhưng sau khi Tử đến thăm cụ Phan Sào Nam, thì bị sớ mật thám Qui-Nhon đòi hỏi mấy lần, rồi bị gạt tên ở danh sách.

Không được đi du học, Tử ở nhà làm thơ và rồi xin vào làm việc ở sớ Đạc-Điền Qui Nhon.

Trong khoảng thời gian này thơ Tử thường đăng ở các báo chí Saigon, nhất là Phụ nữ Tân Văn, với bút hiệu P.T. Qui-Nhon.

Đầu năm 1935, Tử xin thôi việc ở sớ Đạc-Điền và vào Saigon làm báo. Ban đầu Tử giữ trang văn-chương cho tờ Saigon rồi đến tờ Công Luận, và viết giúp cho tờ Tân Thời cùng Trong Khuê-Phông.

Từ lúc vào Saigon, Tử chuyển từ địa hạt thơ Đường Luật sang địa-hạt Thơ mới. Tập Gái quê

xuất bản năm 1936 là tập Thơ mới đầu tiên của Tử.

Cũng như thơ Đường Luật, thơ Mới của Tử rất được độc-giả chú-ý.

Thơ mới của Tử phần lớn mới ở tình tứ và hơi văn. Về hình-thức thì Tử chỉ bỏ sự đối-chơi và sự hạn câu của Đường luật. Còn thể thơ «ngũ ngôn và thất-ngôn» cùng âm-diệu vẫn giữ. Tử lại thường dụng thể lục-bát. Thịnh thoảng mới dùng thể bát-ngôn là thể rất thịnh-hành lúc ấy. Nhưng xuất sắc thì là những bài làm theo thể ngũ-ngôn và thất-ngôn.

Như bài TÌNH QUÊ:

Trước sân anh thơ-thần,
Đăm-đăm trông nhận về.
Mây chiều còn phiêu-bạt,
Làng thàng trên đời quê.
Gió chiều quên ngừng lại,
Dòng nước luán trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói,
Lòng anh dường đê-mê l...
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trăng thề.
Đâu ai không mong đợi,
Đâu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục,
Tiếng hồn trong lũy tre,
Dưới trời thu man-mác,
Bàng-bạc khắp sơn khê:
Đâu ai trên bờ liễu,

*Dầu ai dưới cành lê ...
 Với ngày xanh hè-hững,
 Cổ quạt tình phu thê,
 Trong khi nhìn mây nước,
 Lòng xuân cũng nào-nề...
 Và bài Bền-Lên :*

*Trăng năm sóng soạt trên cành
 liễu,
 Đợt gió đông về đê là-lơi.
 Hoa lá ngầy tình không muốn
 động,
 Lòng em hồi-hộp chị Hằng ơi !
 Trong khóm vi lau rào-rạt mãi.
 Tiếng lòng ai nói sao im đi ?
 Ô kìa bóng nguyệt trần-trướng
 lấm
 Lộ cát khuôn vàng dưới đáy
 khe...
 Vô tình dề gió hôn bên má,
 Bền-lên làm sao lúc nửa đêm !
 Em sợ lang-quán em biết được,
 Nghi-ngờ tới cái tiết trinh em.*

Hai bài đều tóa ra một không-
 khí êm-dịu mơ-màng. Tình trong
 bài Tình Quê nhẹ-nhàng nhưng
 thăm-thía. Tứ của bài Bền-Lên
 mới và bạo. Nhưng cả hai đều
 giữ tánh chất Á-Đông và cách
 dùng chữ vẫn còn ở trong
 khuôn khổ.

Thơ trong tập Gái Quê, đại
 để đều như thế : lời thơ êm-dềm
 nhạc thơ du-dương, tình-tứ
 nồng-nàn, hình-ảnh mơ-màng

có, lộng-lẫy có, rung-cảm người
 đọc một cách dịu-dàng phơn-
 phớt như ngọn gió thu lướt qua
 bờ lau thu.

Những bài thơ trong tập
 Gái Quê phần nhiều đã có đăng
 trên các báo chí ở Saigon và
 Hà-nội, và một số lớn Tử đã làm
 trong lúc ở Saigon.



Tử ở Saigon không đầy một
 năm thì trở về Qui-Nhơn.

Khi đi ngang qua Nha-trang,
 Tử có ghé thăm một người bạn
 ở phường Xương-Huân. Thấy
 Tử hình-vóc kém xưa lại có
 xách theo một chai thuốc nước,
 người bạn mới hỏi thăm. Tử
 đáp rằng vừa ốm khỏi và chai
 thuốc dùng để trị bệnh phong-
 ngứa. Đêm đến Tử nằm kể
 riêng cho bạn nghe nguyên-nhân
 sanh ra chứng phong ngứa ấy :

Nguyên Tử có người bạn gái
 ở Phan-Thiết. Hai bên hẹn nhau
 thứ bảy nọ cùng đi chơi lầu Ông
 Hoàng. Chiều hôm ấy ở nhà báo
 ra, Tử liền lên xe tốc hành ra
 Phan-Thiết. Đến ga thì đã thấy
 người bạn gái đứng đợi.

Đêm có trăng. Hai người đi
 bộ đến lầu ông Hoàng. Chưa

đến nơi thì trời phát mưa giông.
 Chung quanh không nhà không
 quán. Hai người dắt nhau đến
 ngồi núp dưới chiếc bia trong
 nghĩa-địa bên đường. Cách tắm
 bia chừng vài ba mươi thước
 có một túp liều tranh xiêu vẹo
 tồi-tàn. Ngoài ra chỉ có mã con,
 mã lớn.

Gió thổi mỗi lúc mỗi lạnh,
 mây kéo mỗi lúc mỗi dày, rồi đổ
 mưa. Tắm bia cũng khá rộng lại
 có mái ngói che, nên hai người
 đỡ ướt. Mưa mỗi lúc mỗi to.
 Trời tối đen như mực. Sấm chớp
 mỗi tư bề... Cảnh thật là rùng-
 rợn. Ngồi đây lâu bỗng nơi túp
 liều tranh kia lại thấy có ánh lửa
 hừng lên rồi lại tắt, tắt rồi lại
 hừng... Đồng thời lại nghe tiếng
 rên ầm ầm như tiếng thùng sắt
 lăn trên đàng trải đá. Hai người
 sợ rợn óc. Song không biết
 làm sao được, đành phải ôm riết
 nhau mà ngồi ...

Mưa vừa ngớt, hai người dắt
 nhau chạy, băng nhào trên mồ cũ
 mã mới mà chạy, chạy một mạch
 về nhà.

Sau đêm ấy, trong mình Tử
 sanh ra ngứa ngáy, nhất là đôi
 chân. Về Saigon, Tử uống thuốc
 Bắc không bớt, sau nhờ một ông

lang cho uống thuốc Nam mới
 hết ngứa. Vì bị ngứa không ngủ
 được nên sức khoẻ kém sút. Vừa
 thấy khoẻ, Tử từ già nhà báo
 về Qui-Nhơn. Để cho thật
 tuyệt nọc, ông lang tặng cho Tử
 một chai thuốc đem về Qui-
 Nhơn uống tiếp.

Về Qui-Nhơn sức khoẻ của
 Tử lần lần bình phục. Nhưng
 một hôm ra chơi ở Đông-Sơn,
 trên con đường mới tráng nhựa,
 Tử bị một trận mưa nữa ướt cả
 quần áo. Từ ấy phong ngứa
 trở lại. Tử viết thư vào Saigon
 nhờ ông lang gửi thuốc ra.
 Nhưng thuốc không còn hiệu-
 nghiệm như trước, và mỗi ngày
 cái triệu-chứng của bệnh phong
 ngứa mỗi phát hiện rõ-rệt !

Khi Tử biết rằng mình mắc
 phải chứng nan y, liền đến Gò-
 Bồi (cách Qui-Nhơn chừng
 mười lăm cây số) để điều trị và
 tuyệt-giao cùng bạn bè. Tử dặn
 người nhà nhất thiết không
 được cho bất kỳ ai biết rõ sự
 thật.

Đó là vào khoảng cuối năm
 1936.

Bệnh càng ngày càng tăng.
 Tử dọn trở về Qui-Nhơn, tìm
 thầy khác.

Gần một năm sau, người bạn & Nha-Trang mới dò biết được đích xác rằng Tử bị ác-tật. Người bạn liền tìm thầy đưa ra chữa cho Tử. Ông thầy ấy tên là Đoàn - Phong, quê ở Bình-Định.

Thoạt mới uống mười thang thì bệnh Tử giảm xuống một cách bất ngờ. Tay Tử đã co lại, bỗng ngay ra được và cầm viết viết được như cũ. Tử mừng quá ôm ông Đoàn-Phong mà khóc oà.

Trước khi ông Đoàn-Phong đến hết thuốc cho Tử, Tử nằm thấy đức Mẹ Maria lấy nước thánh rảy khắp mình, mát đến ón lạnh. Cho nên khi cầm viết viết được, Tử liền soạn bài Thánh-Nữ Đồng-trình để tỏ lòng biết ơn Đức-Mẹ.

Từ ấy bệnh mỗi ngày một giảm dần và rồi da thịt trơn liền như cũ. Tử mừng, cả nhà mừng, bè-bạn mừng, ông thầy cũng hết sức mừng. Ngót bốn năm tháng

không thấy trở đi trở lại, ai nấy cũng tin chắc là khỏi hẳn. Ông thầy cho toa uống thuốc bổ và trở về nhà. Nhưng thuốc bổ uống vào được mười thang thì Tử bị sốt nặng, rồi bệnh lần lần tái phát. Ông thầy nghe tin đến chữa. Nhưng càng chữa bệnh lại càng hoành - hành. Thầy đành phải chạy!

Không lẽ bó tay, bà thân Tử lo tìm thầy khác. Hễ nghe đâu có thầy hay bà cũng tìm đến, dù khó-khăn tốn-kém bao nhiêu cũng không nề. Mà các ông thầy thuốc, ông nào cũng vậy, những thang thuốc đầu thấy đều có hiệu-quả không nhiều thì ít. Nhưng rồi bệnh lại trở, mà mỗi lần trở là mỗi lần nặng thêm. Tiền mất tật mang và tấm thân Tử phải luôn luôn xê-dịch theo chỗ ở của thầy thuốc chọn lựa để chữa cho được thuận tiện và kín-đáo.

(Còn nữa)

*** LỜI ĐỨC BÀ MARIA NÓI VỚI CHÚA JÉSUS ***

— Con nên nhớ rằng Mẹ đã khóc.
(Souviens-toi que ta Mère a pleuré.)

âm-thanh của tình thương

T
H
Ơ

Những tràng chuông đập-diu như sóng vỗ
Đồ liên hồi trên trái đất đêm nay.
Tôi đứng chân, quỳ gối trong mê say;
Đầy lui hết khổ-đau về dĩ-vãng.
Ôi! cô độc sống cuộc đời năm tháng,
Chất trên mình không biết mấy đau-thương.
Đêm nay đây, nhưng sáng đã lên đường,
Gót phiêu-bạt không biết đứng đâu cả.
Hôm nay núi đèo ngày mai bề cả,
Nay đời còn, mai chết biết chừng đâu?
Sống chẳng may rước phải kiếp dài lâu,
Thì năm tháng gắng vui mà đạo hết.
Quãng đường sáng trả về sau rõ-rệt,
Nước hai dòng sẽ có độ cùng xuôi.
Hỡi loài người, hãy quỳ gối cùng tôi;
Đêm nay sẽ thấy ý đời trở lại.
Đêm nay sẽ thấy đời thối té-tái.
Sẽ thấy đời tràn ngập cảnh yêu - thương.
Những tràng chuông đồn-dập giữa đêm trường,
Cùng bao ánh mắt dịu hiền trao trả.
Hỡi loài người hãy cùng tôi quỳ gối,
Đón hòa-bình trong sóng nhạc đêm nay.
Mỗi âm-thanh là một ánh ban ngày.
Ôi bất-diệt! hòa-bình ơi bất diệt!

LỮ QUỲNH
(HUẾ)



16. - VŨ - NGỌC - PHAN

★ NGUYỄN-VỸ

Vũ-ngọc-Phan thuộc về một nhóm thiếu-số mà các giới văn - nghệ Tiên - Chiến thường gọi là « Nhà-văn trưởng giả », và chính nhóm ấy cũng không phải không hãnh-diện tự nhận mình là « Nhà-văn trưởng-giả ».

Thi đồ Tú-tài toàn phần xong, anh cưới con gái của ông LÊ DƯ, ở phố hàng Bông. Lê-Dư là một nhà Nho học Quảng-Nam theo cụ Phan-Bội-Châu xuất

duyên sang Tàu để làm cách-mạng. Nhưng không bao lâu, Lê Dư phản bội các đồng-chí, trở về nước đầu thú với chính phủ thuộc-địa, và được cho vào làm việc ở trường Viễn-Đông Bác-Cổ, Hà nội. Ông Lê-Dư có cô con gái lớn, tên là LÊ-THỊ-HẰNG-PHƯƠNG, được ông dạy chữ Hán năm sáu năm ở nhà rồi đi học chữ Pháp tới lớp Nhứt, thi tiểu-học rớt ở nhà luôn. Vũ-ngọc-Phan quen với cô

này hồi còn đi học. Khi cưới xong hai vợ chồng dọn về ở một biệt thự xinh-xắn tại Huyện-ly Hoàng - Long, phía sau dinh Hoàng-Cao-Khải. Những người quen biết Vũ - ngọc - Phan đều không ai ngờ rằng anh trở thành nhà văn, vì ngay từ lúc còn đi học anh không tỏ ra sốt - sáng ham chuộng nghề ấy tí nào. Nhưng vì sức khoẻ kém lắm, người anh ốm teo, và có triệu-chứng ho-lao, cho nên thi đồ Tú-tài xong, anh không thể vào làm việc các công-sở. Ông Lê-Dư xin cho anh vào giúp việc trong tạp-chí « *Revue Franco-Annamite* » của ô. ERNEST BABUT, tạp-chí Pháp-Việt mỗi tháng ra một kỳ, ở phố hàng Bông.

Ông Babut là một người Pháp ở đảng Xã-hội, bạn thân với ông MARINS MOUTET, và cụ PHAN-CHU-TRINH. Chính ông đã vận-động cho cụ Phan-Chu-Trinh khỏi bị tội xử-tử theo bản án của Triều đình Huế, và sau khi cụ Phan bị đày đi Côn-Đảo, chính ông đã vận-động cho cụ được trả tự-do và sang ở bên Pháp. Ông Babut cũng là bạn thân của cụ PHAN-

BỘI-CHÂU và tất cả các nhà chí-sĩ xuất-duyên sang Tàu và Nhứt. Do đó mà ông cũng chơi thân với ông Lê-Dư, mặc dầu ông này đã về quy-thuận và hợp tác với chính-phủ Bảo-hộ.

Nhờ nhạc-phụ tiến dẫn, cậu tú - tài ốm - yếu mảnh - khảnh Vũ-ngọc-Phan được ông Ernest Babut nhận vào làm việc trong tòa soạn của ông. « *Revue Franco - Annamite, - Pháp-Việt tạp-chí* » là một nguyệt-san chính-trị, xã-hội, kinh-tế và văn học, viết một nửa bằng Pháp-ngữ, một nửa bằng Việt ngữ. Vũ ngọc Phan coi về phần Việt ngữ, dịch bài luận thuyết của ông Babut ra Việt văn, dịch một tiểu thuyết của Tolstoi, *Anna Karénine*, phê bình sách, và viết tin tức trong tháng. Ngoài ra, anh không sáng-tác gì nữa.

Ngày hai buổi, anh ngồi trên chiếc xe kéo nhà sơn đen, do một anh phu xe kéo từ huyện Hoàng-Long xuống Hà-nội, xa chừng 5 cây số. Anh vào tòa báo ngồi làm việc, y như một ông Tham, ông Phán. Đến giờ, xe kéo anh về. Do đó, các giới Văn-ngệ Hà-thành gán cho anh cái chiêu-

bài «Nhà Văn trường - giả». TRƯƠNG-TỬU phê-bình Vũ Ngọc Phan một câu lý-thú, là «Ecrivain malgré lui», cũng như thời nay gọi là Nhà-văn «nhây-dù». Tuy vậy, tôi thấy anh «nhây dù» đúng địa-điểm.

Ít nói, tánh tình điềm-đạm, tư cách nho nhã, tư-tưởng hoàn-toàn bảo thủ, (có lẽ vì bẩm chất yếu-ớt của anh), anh ít giao-thiệp với các bạn làng văn, ít đi chơi-bời với họ. Ngoài giờ làm «công chức» ở tòa báo ông Babut, anh về nhà với vợ, sống cuộc đời bình-thản, an phận, ít đọc sách, không viết văn. Chị Hằng-Phương, vợ anh, hồi còn con gái, có làm vài ba bài thơ tình, tặng Vũ ngọc-Phan. Từ khi thành-hôn với «cậu», — chị gọi anh bằng «cậu», — chị không làm thơ nữa và cũng không bao giờ viết văn. Trong *Pháp-Việt tạp-chí* không có đăng một bài nào của chị cả.

Tôi không thân với Vũ-ngọc-Phan mấy. Thỉnh-thoảng đến nói chuyện chút-ít về chính-trị với ông Ernest Babut tại tòa báo, tôi cũng gặp anh, nói chuyện qua-loa thể thôi. Có một lần, anh ở

tòa-soạn về buổi trưa, đỗ xe kéo trước cổng nhà tôi ở Nam-Đông. Anh ghé vào hỏi tôi một quyển tiểu-thuyết tôi vừa xuất-bản, để anh giới thiệu trong *Pháp-Việt tạp-chí*. Một lần khác, Anh - Thơ vừa xuất - bản *Bức Tranh - Quê*, có đưa tôi một quyển để trao tặng Vũ-ngọc-Phan và muốn tôi nhờ anh viết bài phê - bình hộ. Hôm ấy nhằm ngày chủ-nhật, tôi rủ Anh-Thơ đi với tôi vào nhà anh. Nhưng Anh-Thơ không muốn gặp họ Vũ. Chiều mát, tôi đi một mình vào anh, gặp cả hai vợ chồng. Chị Vũ-ngọc-Phan xem vài bài trong tập «*Bức tranh quê*», rồi hỏi tôi:

— Sao không có thơ lục-bát: nhỉ?

Thấy tôi cười tủm-tủm, Vũ-ngọc-Phan bảo vợ:

— Đây là thơ mới.

Tôi có cảm tưởng cặp vợ-chồng trẻ này đã già.

Vũ-ngọc-Phan phê bình tập thơ của Anh-Thơ như thế nào, tôi không thường xem *Pháp-Việt tạp-chí* nên không được biết.

Vũ - ngọc - Phan càng ngày càng ốm. Ở Hà-nội lúc bấy giờ tôi thấy Nguyễn-Tiến - Lãng đã ốm teo, mà Vũ-ngọc-Phan lại còn ốm hơn tác-giả quyển *Indochine-la - Douce*. Nhiều bạn bảo rằng Vũ-ngọc-Phan đã gầy-còm như thế mà còn hút thuốc-phiện nữa. Tôi không tin, vì anh ta coi bộ ho-lao chắc không dám làm bạn với nàng Tiên nâu.

Theo tôi, có lẽ chỉ nhọt vì anh viết báo. Trong *Pháp-Việt tạp-chí*, mỗi kỳ anh phải dịch một bài luận-thuyết về chính trị của ông Babut ra Việt-văn, và một hai bài thời sự. Ngoài ra, anh còn phải dịch đăng sáu bảy trang bộ truyện *Anna Karénine*, rồi còn phê-bình sách, viết tin tức, v.v... Một mình anh phụ - trách cả phần Việt - ngữ, chắc là không lợi cho sức-khỏe của anh.

Sau này, nghe nói anh có gom-góp các bài phê - bình đã đăng trong *Pháp-Việt tạp-chí*, xuất-bản thành sách. Tôi không được đọc sách ấy, nhưng theo vài ba bài mà tôi đã đọc trong báo thì tôi nhận thấy anh phân-tách các Văn-phẩm theo quan-

điểm hơi toán-học quá. Điều đó không có chi lạ, nếu ai biết rằng anh đã đỗ Tú-Tài Toán!

Có lần tôi nói với anh ý-nghĩ ấy, Vũ-ngọc-Phan cười:

— Cũng có lý. Vì thế tôi chỉ phê-bình tiểu-thuyết, chứ không muốn phê-bình Thơ.

Vũ-ngọc-Phan dịch bộ truyện *Anna Karénine* của LÉON TOLSTOI, (anh dịch là KHA. LỆ-NINH) hết sức công - phu. Nhưng anh làm công - việc ấy không có hứng-thú, theo như lời anh nói. Vì anh chăm - chỉ dịch cho sát-nghĩa, nhiều đoạn theo đúng như văn Pháp, chú trọng đến cốt chuyện mà không diễn tả hết tư-tưởng sâu - đậm của tác-giả. Tolstoi viết văn rất duyên-dáng, dù là những giải-phẫu luân-lý, triết-lý, cũng vẫn phơn-phớt màu sắc văn-hoa, tế-nhị, êm-đềm. Vũ - ngọc - Phan không sao lột hết những màu sắc ấy được.

Cho nên, theo nhận - xét riêng của tôi, dù anh có dịch hết quyển *Anna Karénine*, anh cũng chỉ dịch được một nửa quyển mà thôi.

THƠ

LÊN RUỘT



Khởi từ số này, PHỒ-THÔNG xin trình bày cùng bạn đọc thân-mến mỗi kỳ một bài THƠ TRÀO PHÚNG của DIỆU-HUYỀN, nhan đề là «LÊN RUỘT», đề ghi lại bằng vài nét cười những chuyện tức cười đời nay. Dưới đây là mấy lời mở đầu tập THƠ LÊN RUỘT.

PHI - LỘ

Tôi không phải Tú Xương,
Cũng không phải Tú Mỡ.
Chẳng phải Hồ xuân Hương
Hở hênh-lông «cười mở».

★

Tôi là bóng hư không,
Khoát áo choàng trắng phớt,
Cười giữa cõi mênh mông,
Say mùi men ảo giới.

★

Tôi là kẻ vô duyên,
Nỡ tan tành như pháo,
Hồn không tục, không tiên,
Thơ không xương, không máu.

★

Tôi là ngòi bút quèn,
Chạy còng đường lạc lối,
Tôi là con đẽ mèn
Gáy trong hang bóng tối.

★

Tôi là tiếng thông reo
Trong rừng hiu núi quạnh,
Từ thiên cổ đưu húa
Van lên đời ớn lạnh.

★

Tôi là chuỗi cười dòn
Hòa tiếng cười âm phủ
Của ức vạn u-hồn
Đang chấp chờn khiêu vũ.

★

Tôi là tiếng ha-ha
Nứt trong lòng cây cỏ,
Khắp một cõi sơn-hà
Ngập tiếng cười sương-gió.

★

Cho nên, các bạn ơi,
Bạn nằm trong đêm tối,
Mời nghe tiếng tôi cười,
Mời nghe lời tôi trối! ...

★★

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ✕ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẶC

IX

(Tiếp theo P. T. số 24)

TÔI quay lại, nói với Bạch-Tần :
— Thưa tiểu-thư Thê-tư-Lãng !

— Xin ông cứ gọi tôi là Bạch-Tần, thì hơn.

— Tôi xin mạn phép tiểu-thư mà thưa rằng, cái cách sinh-hoạt hiện thời của tiểu-thư, nó có một cái gì, không được điều-hòa.

— Tại sao kia, thưa ông ?

— Dạ, theo thiên-kiến của tôi, thì cách sinh-hoạt này không xa mấy sự trác-tán, nó có thể phá-hủy thanh-xuân của tiểu-thư, làm tàn-thương sức khỏe và làm tổn-hại cho cái dung-quang kiêu-diễm của tiểu-thư.

—Ồ ! những cái ông kể ra đều quá lạm cả, vì, vốn dĩ, tôi chẳng hề có thanh-xuân, sức khỏe và cái dung-quang kiêu-diễm, gì gì cả.

CÔ GÁI ĐIÊN

— Ấy chết, chết, sao tiểu-thư lại đi, tự-bạo, tự-khi như vậy ? Xin tiểu-thư hãy nhớ cho rằng, còn có bao nhiêu người luôn-luôn ái-kính tiểu-thư, đề-tâm và khán trọng thanh-xuân, sức khỏe và sắc đẹp của tiểu-thư.

— Người ái-kính tôi ? Ai là người ái-kính tôi ?

Đột nhiên nàng ùng-ùng nổi giận; vừa đẩy tôi xa ra, vừa nói :

— Á a, thì ra, ông chỉ là một tên thuyết-khách của gia-đình tôi ! Ông về hứa với cha tôi, phải không ? Nhất định không sai !...

Tôi cố ghi lại, không cho nàng thoát khỏi cánh tay tôi, vì âm-nhạc vẫn đều đều diễn-tấu. Tôi cố giữ giọng bình-tĩnh mà giảng-giải :

— Xin tiểu-thư bớt giận làm lành, mai đây...

Tôi ngàng đầu nhìn lên đồng-hồ treo trên tường, lúc ấy đã quá một giờ sáng rồi, tôi tươi-cười nói tiếp :

—... Á, bây giờ phải nói là hôm nay, mới đúng... Vâng, tối hôm nay, tiểu-thư sẽ rõ, ai là người ái-kính tiểu-thư ?

— Thôi được, tôi lại xin đợi ông, miễn là ông đừng có tìm cách đề-gạt tôi, vì, ở trên đời này, tôi không thấy có một ai, là người yêu tôi cả ! Trong gia-đình tôi, hành như ai cũng

chẳng ưa tôi, người nào cũng cho là tôi mắc phải bệnh thần-kinh...

Nàng nói bằng một giọng hết sức chua-chát, tôi bèn cắt ngang lời nàng và bảo :

— Thưa tiểu-thư, quả thiệt tình, tôi cũng chẳng rõ gia-đình của tiểu-thư ra sao, ngay cả đến gia-đình của chính tôi, tôi cũng không hề hiểu rõ, thì phải... tốt hơn hết, là, ta không nên bàn tới gia-cảnh của ta làm chi, chẳng qua, đó chỉ toàn thị là những nỗi đau khổ, nhi dĩ !... Bây giờ, ta chỉ nên nói tới cái gì vui vẻ, thì hơn.

— Nhưng...

Tôi bèn lôi nàng đi theo điệu kèn, để nàng khỏi đả-động tới các nỗi chán-ngán, đau buồn, nó đương xâm-chiếm cả tâm-não nàng. Tôi nói :

— Bây giờ cũng đã khuya lắm rồi, có lẽ tiểu-thư nên đi về, đi ngủ, sớm hơn mọi khi một tí, thì hơn.

—

Nàng chỉ lặng thinh, không đề ý tới lời nói của tôi.

Tôi khi âm-nhạc ngừng tấu, tôi nhắc nàng :

— Xin tiểu-thư nhớ lời ước-hẹn tối nay cho.

Sau khi cúi đầu chào nàng, tôi đi trả tiền, rồi đi thẳng ra

cửa, và lái xe về biệt-thự Thê-tư-Lãng. Trên đường về, tôi hồi-tưởng lại, mới nhận thấy tối nay, kể ra, tôi đã thu - hoạch được nhiều thắng - lợi, nên tôi thấy rất đổi vừa lòng, đẹp ý.

Vào phòng ngủ, tôi thay đổi y-phục, tắt đèn đi, rồi kéo ghế, ngồi ở cửa sô, hút thuốc lá, đợi xem, đến giờ nào, nàng sẽ trở về. Ấy thế mà, hút chưa tàn điếu thuốc, tôi đã thấy hai lần ánh-sáng của cặp đèn pha, chiếu trên đường sỏi. Tôi vui-vẻ, tự mình bảo mình :

— Ít ra, nàng cũng đã nghe theo lời khuyên-nhủ của mình, nó không phải là không có hiệu-lực, vậy !

★
X
Ngày hôm sau, tôi đã đem các việc xảy ra tối hôm trước, nói cho Hải-lan nghe, và yêu - cầu cô, thế nào, tối nay, cô cũng sẽ cùng tôi, đi tới quán rượu « Mãn-côi ». Tôi cũng nói rõ cho cô hiểu trước, tất cả điều tôi dự-định, cùng là kế-hoạch mà tôi sẽ đem ra thi - hành. Tôi không quên nhủ cô phải tận-tâm giúp tôi, cho dẫu có gặp nhiều sự khó khăn. Lẽ tự nhiên, là cô nhất-nhất ưng-thuận và vui-vẻ nhận lời hộ tôi một tay.

Đến tối, sau khi chiếc xe màu

xanh đã đi khỏi, Hải-Lan đến phòng tôi.

Thiệt tình, tôi không sao tưởng-tượng nổi, Hải-Lan lại có một sắc đẹp lộng-lẫy nhường ấy. Trên khuôn mặt xinh-tươi của cô, có đầy vẻ hoán - phát và kiêu - khang, nó làm cho tôi không còn biết dùng lời gì, để hình-dung cho xứng. Tôi vụt liên-tưởng tới một con chim ở vườn cầm-thảo có đuôi dài, mình thon, mắt sáng ngời; tôi muốn lấy cái tên đó, để gọi cô, nhưng tôi nghĩ mãi không ra; mà, có lẽ cái tên đó cũng na-ná với hai chữ Hải-Lan, thì phải; vì vậy, sau đó, tôi đành niềm-nở thốt lên :

— A ! Hải-Lan !

Cô vui-vẻ tiến tới trước mặt tôi. Cô bận một bộ quần - phục màu xám nhạt, có những vắn đốm bằng ngân - tuyết. Với những cử-chỉ uyển-chuyển, dịu-dàng, và một dáng - điệu cao-quý, tráng-lệ, cô đã làm cho tôi sự nghĩ tới cái con mỹ-điều của vườn cầm-thảo vậy.

Cô tươi-cười hỏi tôi :

— Thế nào, tiên-sinh đã sửa-soạn xong chưa, kia ạ ?

Tôi không trả lời câu hỏi của cô, và tôi chỉ nói :

— Cô Hải-Lan ! Cô đẹp quá !

— Đâu có ?

— Tôi nói thật, đấy mà... thứ

nhất cái bộ quần-phục...

— À, thế ả ? Đó là một bộ quần-phục cũ mà tiên-thư đã cho tôi, đấy.

— Ấy vậy mà, tôi thấy nó vừa hợp-thức, vừa đẹp vô-cùng.

— Tiên - thư cũng bảo thế, nên mời cho nó cho tôi.

Cô nói bằng một ngữ - điệu đầy hứng-tri; tôi cũng chẳng đoán được tâm-lý của cô ra sao, nó là kết-quả của một thứ lãng - mạn, hay của sự thành-thực. Tôi nói tiếp :

— Quả tình, bộ quần-phục này rất đổi tương - xứng với khuôn người óng-ả của cô, nó đẹp quá !

— Nó đẹp quá, hả tiên-sinh, tôi nghe giọng nói của tiên-sinh, thì hình như tiên-sinh có ý e-dè, hay là, đối với tôi, bộ quần-phục này có hơi quá - phận chẳng ?

— Ấy chết, không phải thế đâu, sự hoa-mỹ đó là cả một vinh-dự cho tôi, vì tối nay, tôi chẳng là một « truy - tùy tráng-sĩ » của cô, là gì ?... Tuy-nhiên, có một điều làm cho tôi phân-vân, e-ngại.

— À ả ! Tiên-sinh e-ngại cái gì, kia ?

— Tôi e-ngại, ngộ tiên - thư thấy hai người chúng mình quá tề-chỉnh, mà không vừa ý chẳng !

— Không đâu, tiên - sinh ạ, xưa nay, chính tiên - thư vẫn bắt tôi ăn-bận cho thiệt tử-tế.. Mỗi lần tôi có dịp để thắng bộ vào, là tiên-thư vẫn rất đổi cao-hứng.

Tôi nghĩ một tý rồi nói :

— Nếu cô cho thế là được, thì nhất định là được.

— Thế ta đi đi thôi, chứ ? Có lẽ giờ này, tiên-thư đang nóng ruột chờ tiên-sinh đấy.

— Vâng, thôi ta đi, nhà.

Trong khi chiếc xe chạy bon-bon trên đường nhựa, tôi bắt đầu nhận thấy rõ, tôi quá đổi trẻ-trung, đối với công - việc người ta giao cho tôi. Cô Hải-Lan ngồi bên tôi, làm cho tôi có một thứ cảm-giác là-lạ, hay hay, không sao diễn - tả ra thành lời được. Cô tươi-cười, nhí-nhảnh, như một con chim non. Chốc chốc, cô lại tựa người vào tôi. Con đường cái rộng thênh-thang và thẳng tắp, chiếc xe chạy như lướt đi, chẳng rung-truyền mảy-may, hai hàng cây bên đường tỏ rạng dưới ánh đèn, có vẻ xanh tươi lạ thường, luồng gió của xe, làm cho cành lá ri-rào trên đầu chúng tôi, không khác gì chúng thi-thào chiêu-hò chúng tôi; tiếng ve sầu giống-giả kêu than như một điệu-nhạc lâm-li.

Trời đêm nay đẹp quá đi thôi, trăng, sao vàng-vặc soi xuống khắp nơi một làn ánh - sáng màu ngọc-thạch; thỉnh - thoảng lại có một làn gió mát dịu thổi qua. Hải-Lan tỳ sát người vào vai tôi, mũi nước hoa ở mở tóc của cô phảng - phất lướt qua mặt tôi, càng làm cho tôi thêm đê-mê. Quả, lúc ấy, Hải-Lan không khác gì một đóa hoa đào mơn-mởn, đưng hé miệng cười với gió xuân.

Bỗng, cô nói nhẹ kêu lên:

— Tối nay, trời đẹp quá!
— Đúng đấy, Hải-Lan ạ! Trời, đêm nay, có lẽ, đã hết sức chiều đôi ta!

Nói xong, tôi cũng không rõ, có một sức huyền - bí nào đã làm cho tôi, cứ thế, từ-từ, cho xe chạy chậm lại, rồi, bất tự-giác, tôi đưa cánh tay phải, quàng lấy vai cô. Cô cũng ngả hẳn người, nép sát vào vai tôi, với một chiều khá ôn - nhũ, âu-yếm.

(Còn nữa)

Từ 4.000 năm sau đây. Chỉ 268 năm là được thái bình hoàn toàn.

Trên thế giới, có 2796 thứ tiếng nói khác nhau. Tiếng Anh được dùng nhiều nhất: 270 triệu người mà hơn nửa số ấy là người Mỹ. Nếu tiếng Pháp giữ kỷ lục về nhanh chóng với 350 âm nói trong một phút, có vài xứ thổ dân lại chiếm kỷ lục về chậm chạp với chỉ 50 âm trong một phút.

Nếu bước chân du lịch của bạn có ngày nào đặt lên những hòn đảo San Blas, gần bờ biển Panama ở Trung Mỹ, bạn hãy giữ lời, chớ gọi dân bà ở đây là phát yếu nhé, vì người ta sẽ cười vào mũi bạn đấy.

Vì ở cái xứ ấy, người đàn ông chỉ có một cái quyền, là quyền từ chối không bằng lòng người thiếu nữ xin cưới mình, bởi ở đây bọn thiếu nữ chọn lựa chồng cho họ. Ông chồng bị bắt buộc phải làm việc cho cha vợ mình cho mãi đến lúc bố vợ sanh một đứa con gái. Ở đây, mọi việc đều tùy thuộc ở người đàn bà, họ là người chủ thật sự trong gia đình.

Mình ơi!

HIROSHIMA

★ DIỆU HUYỀN

MÌNH ơi! Mình có hứa với em cái gì, trong lễ Noel này, mình nhớ không?

Ông Tú đang úi đồ, thần-nhiên trả lời:

— Không.

Bà Tú mặc áo sơ-mi mỏng thêu hoa cà, hở nửa ngực, ung-dung nằm dài trên võng đưa qua đưa lại, cạnh cửa sổ có gió mát-rượi. Trông bà Tú đẹp nơn-nà, thùy-mị và duyên-dáng quá xá. Bà mỉm-mỉm cười:

— Mình úi xong, để bàn úi đó cho em úi cái xu - chiêng của em nhà.

— Thôi đi bà, bà muốn sai

tôi úi trái chuối chiên của bà thì bà đưa đây, còn vờ-vặt mãi!

Bà Tú dạo này hình như ốm-nghén, cười nói hơi ưỡ-oi-ai:

— Mình mở tủ lấy hộ em đi. Mình tử-tử quá... Cả cái quần sa-tanh đen nữa, Minh nhé.

Ông Tú vẫn thần-nhiên:

— Cởi ra đưa đây.

Bà Tú phì cười:

— Ở trong tủ ấy, Minh à... Xong rồi, Minh đã hứa với em cái gì trong ngày Noel, Minh nhớ nhé.

— Anh nhớ là không có hứa với Minh cái gì cả.

— Trái bom nguyên - tử...

Minh quên rồi sao ?

Ông Tú trở mặt nhìn vợ :

— Anh có hứa Noel anh tặng cho mình một trái bom nguyên-tử sao ?

Bà Tú cười ngật-ngheo trên vông :

— Minh có hứa hôm nay mình nói chuyện trái bom nguyên tử cho em nghe cơ mà !

— Hôm nọ hình như anh đã nói chuyện bom nguyên - tử rồi.

— Hôm nọ mình kể lịch-sử trái bom nguyên - tử đầu tiên được thí-nghiệm ở Mexique do ai chế tạo ra, thí-nghiệm hôm nào và kết quả ra sao. Còn trái bom nguyên-tử đầu tiên thả xuống Nhật-Bổn tai-hại như thế nào, thì Minh có hứa Nô-en này mình sẽ nói tường tận cho em nghe. Minh nhớ không ?

— Nhưng hôm nay đâu phải Noel ? Mới 15 tháng Décembre.

Bà Tú đổi giọng nhõng nhẽo :

— Gần đến Noel cũng như Noel, chớ bộ. Minh không chịu ý em gì hết trời.

— Để anh ủi đồ xong rồi anh kể cho nghe.

— Em muốn nghe bây giờ cơ.

Minh lại vông nằm, để em, ủi cho.

Bà Tú nói xong là đứng dậy lại bàn ủi ngay. Kể ra thì bà cũng biết chịu chông và rất yêu chông, kính chông đấy. Ông Tú nằm hình mũi trên vông, đưa kéo cà kéo-kẹt, rồi bắt đầu nói :

— Sáng ngày 6 tháng tám dương-lịch 1945, đúng 8 giờ 17 phút... Minh nhớ ngày tháng lịch-sử đó nhé.

— Nhớ. Sáng ngày 6 tháng tám dương-lịch 1945. Đúng 8 giờ 17 phút.

— Thành phố HIROSHIMA với dân-số 400.000 người đang tung-bùng rộn-rịp dưới một ánh nắng tươi hồng, một vòm trời xanh đẹp-đẽ. Từ khi có chiến tranh thành phố này chưa bị dội bom lần nào. Sáng hôm 6-8-45 cũng thế. Hồi 7 giờ đã có một đoàn phi-cơ Mỹ bay ngang qua, nhưng bay cao tít mù và chậm rãi, hình như dạo chơi một vòng chứ không có ý ném bom. Tuy vậy cũng có còi báo-động và tất cả dân chúng Hiroshima đều chui hết xuống các hầm trú-ẩn. Rồi đoàn tàu bay xa, không còn thấy bóng dáng nữa. Hết báo động,

dân chúng lại ào-ạt vui cười chui ra khỏi các hầm và cuộc sinh-hoạt nao-nhiệt đông-đúc lại tiếp-tục như thường-lệ, không có gì đáng sợ. 8 giờ 15 phút lại có một chiếc máy bay khác, lần này chỉ một chiếc thôi, cũng bay thật cao, cao đến 7000 thước, xa tít mù, cho nên cơ-quan phòng thủ không cần kéo còi báo-động. Dân chúng cũng không ai chui xuống hầm, và lại còn đứng tụm năm tụm ba ngược mắt lên trời xanh để ngó chiếc phi cơ chắc là đi thám thính, hay đi lạc đường.. Chiếc phi cơ cũng bay xa, không còn thấy bóng dáng nữa.

BÔNG DỪNG ĐÚNG 8 GIỜ 17 PHÚT, nghĩa là 2 phút sau khi chiếc phi-cơ biến đi rồi, thì ai nấy đều kinh-ngạc thấy nổi ra giữa lưng trời một cuộn khói cao chừng 50 thước, rộng bằng cái nĩa, và ngay trên ngọn lòe ra một cục lửa đỏ bầm, to bằng chiếc nón lá. Cục lửa ấy chói rực cả trời đất, sức chói hơn muôn nghìn ánh mặt trời, tiếp theo là một tiếng nổ kinh-khủng, như một tiếng sét đánh, rồi một làn gió mạnh phi-thường thổi khắp cả thành phố Hiroshima.

Hàng muôn hàng vạn người tự nhiên ngã gục xuống đất chết một lượt, không kịp thở. Ngay trong giây-phút đầu tiên đột ngột đó, có :

47.000 NGƯỜI BỊ CHẾT CHÁY RA THAN, HOẶC THÂN THỂ BỊ XÉ NÁT RA TỪNG MẢNH.

17.000 NGƯỜI BỊ SỨC NÓNG HÚT QUẢNG RA BIÊN, HOẶC BỊ TIÊU TAN TRONG GIÓ.

28.133 NGƯỜI NGẢ LĂN XUỐNG CHẾT TẠI CHỖ, ngay trong lúc đang đi, hoặc đang làm việc.

9.428 NGƯỜI BỊ THƯƠNG NẶNG, đủ các thứ vết thương kỳ-dị (tự-nhiên bị đui mắt, bị chảy máu ra miệng, bị rụng hết tóc và lở lói trên da đầu, bị què, bị khòm lưng, bị cháy những miếng thịt, v.v...)

27.997 NGƯỜI BỊ THƯƠNG NHẼ. (Những người lực-lượng khỏe mạnh, nhưng cũng tự nhiên bị các chứng bệnh lạ-lùng, tuy vẫn còn đi đứng hoạt-động, làm việc được.)

Tổng-cộng số nạn-nhân bỗng đứng bị chết và bị thương ngay trong giây-phút đầu tiên vừa nghe tiếng nổ đó, là **12 558 NGƯỜI**.

Bà Tú đứng ngẩn-ngơ, nhìn chông :

— Trời ơi, sao mà kinh-khủng thế, hả Minh !

— Con số đó là theo thông-cáo chính-thức của chính phủ Nhật, ngày 2 tháng 2 năm 1946. Và cũng theo đúng với bản phúc-trình của Ủy-Ban Điều-tra Viễn-Đông của Quân-đội Đồng-Minh, có ghi trong Tạp-chí *Revue Maritime* số 3, Juillet 1946. Tính theo dân số có mặt hôm ấy ở thành-phố Hiroshima là **400.000** người, mà vừa bị chết và bị nạn đến **129.558** người, thì HƠN MỘT PHẦN TƯ. Minh nên nhớ rằng đó là số nạn-nhân bị chết và bị

thương, bị tật, ngay tức-khắc trong 1 giây-đồng-hồ sau khi có tiếng nổ, không kịp chạy trốn đi đâu cả. Sau đó, còn chết nữa, còn bị thương trầm-trọng, bị tật-nguyên, do di-hại của trái bom nguyên-tử ấy, không kể xiết...

— Di-hại gì nữa, hở Minh ?

— Di-hại của bụi NGUYÊN-TỬ, tức là bụi phóng-xạ,



Chỉ một cuộn khói này của quả Bom Nguyên-tử đầu tiên thả xuống HIROSHIMA sáng ngày 6-8-1945, đã gây ra mấy trăm ngàn người chết.

(poussière radioactive) còn phảng phất trên không-khí, còn dính vào các đồ vật, các vách tường, các cây cỏ, khắp cả.

— Còn nhà cửa, phố xá, có bị sụp đổ không ?

— Ôi thôi, tả sao cho xiết ! 8 giờ 17 phút ngày 6 tháng 8,



NHẬT-HOÀNG (đi giữa) sống một khu bị bom tàn-phá đồ nát hết.

1945, trái bom nguyên-tử nổ trên thành phố Hiroshima thì 8 giờ 20 phút thành phố ấy sụp-đổ tiêu-tan gần hết, không còn gì. Theo lời ông Nakamura, phó giám-đốc hãng Thông-tin Domei ở Hiroshima, thuật lại thì sáng hôm ấy ông đang ngồi làm việc trong văn phòng, vừa mới nghe tiếng nổ, ông định chạy ra cửa sổ ngó xem tiếng nổ gì, nhưng chưa kịp đứng dậy đi thì một làn gió nóng thổi tạt vào phòng



ông và tự nhiên các cửa kiến bề nát hết, và rơi bắn lung tung. Ông hoảng-hốt chạy ra ngoài, chưa hiểu chuyện chi thì thấy những tốp người hốt-ha hốt-hải từ xa chạy trốn, người nào người nấy đều bị phỏng da, áo quần bị cháy đen, hoặc rách toí tả, hoặc mù mắt đi té lên té xuống hoặc què thọt, hoặc đầy những giọt máu từ trong miệng chảy ra. Tiếng khóc than, kêu la thảm-thiết nổi van dẫy cả một thành-phố mênh-mông trước đó 5 phút còn tưng-bừng náo nhiệt, giờ đây là cảnh hoang-phế điêu tàn! Ông Nakamura ngo-ngác hỏi: « Sao vậy? Sao vậy? » nhưng không ai trả lời được. Đoàn người hốt-hải, chen lấn nhau chạy trốn, không biết trốn đi đâu, vất - vơ vất - vơ như những oan-hồn lo thoát ngục âm-phủ. Khói và bụi bao trùm cả một đô thành rộng lớn, ngổn ngang gạch, ngói, mái đổ tường xiêu, và muôn vạn xác chết bị cháy ra tro than. Các xóm nhà gỗ còn cháy dở rục rùi, khắp cả bốn phương như một biển lửa.

Nakamura như người loạn trí,

cũng cảm đầu chạy, chạy... Ông có cảm tưởng thoáng qua như trái Đất đang tới giờ tận số, loài người bị tiêu diệt hết bởi một cục lửa thần-linh, một cuộn khói thiêng, một tiếng nổ cuối-cùng ...

Nakamura chạy ra xa khỏi vùng ngoại ô, cách Hiroshima 13 ki-lô-mét. Ông đứng lại, trở mắt nhìn các đoàn người tị-nạn kéo nhau chạy lủ-lủ lủ-lượ, ai nấy đều khóc sụt-mướt, đau quá, nóng quá, như lửa đốt ngấm-ngấm trong cơ thể. Có điều lạ, là những **ÁO QUẦN TRẮNG THÌ CÒN NGUYÊN VẸN**. Chỉ những đồ màu, bất cứ màu gì, đều bị cháy hết, hoặc bị rách nát tan tành. Nakamura chạy ra sông Oto, chèo một chiếc thuyền đi ngược dòng trở về Hiroshima, định quan sát kỹ các cảnh tượng hoang-tàn. Ông thấy các nhà gỗ bị cháy rụi, hoặc bị hơi gió bốc lên, quăng ra xa cách vài chục thước, rồi cũng bị cháy. **CHỈ CÓ NHỮNG VÁCH TƯỜNG BẰNG XI-MĂNG LÀ CÒN ĐỨNG VỮNG**. Trụ sở hãng Thông-Tin *Domel* trước khi

đều số biết bao, bây giờ chỉ còn tro hai tấm vách. **10.000 THỢ VÀ SINH VIÊN** cố sức đào các hầm mới để trốn, vừa mới cuộc đất lên là tự nhiên ngã xuống chết liền, vì **BỤI PHÓNG XẠ**. Dân chúng tình-nguyện từ các tỉnh khác kéo đến để cứu trợ. Họ liều xả-thân vào việc dựng lên cấp tốc mấy ngàn dàn hỏa để thiêu các xác chết. Các bác sĩ che chòi làm tạm nhà thương để săn sóc các nạn nhân còn sống sót, nằm la liệt trên các đồng gạch điêu tàn, nhưng chích thuốc gì, cho uống thuốc gì rồi vài giờ sau họ cũng thở hơi cuối cùng, máu trào ra tai, ra mũi, ra cả mắt, cả miệng. Hai hôm sau, ngày 8 tháng 8, các đoàn sinh-viên ở các thành phố khác kéo đến dọn dẹp. Họ bươi các đồng gạch lòi ra thêm **25 NGÀN XÁC CHẾT NỮA!** Cả ngàn xác cá chết phồng nổi lều-bều trên sông Oto. Chim và súc vật, từ con ngựa đến con chuột cũng chết cháy, nằm ngổn ngang lẫn với xác người.

Chiếc cầu Aoki-Bridge, dài và rất đẹp, đúc bằng xi-măng cốt sắt, và sườn bằng thép, bị **HƠI**

GÍO NGUYÊN TỬ BỐC LÊN, QUẢNG XA RA 14 THƯỞC, và cháy ra tro.

Đêm ấy, những người còn sống-sót đều nghĩ rằng cả xứ Nhật-Bản đều bị thiêu-hủy một lượt với thành phố của họ.

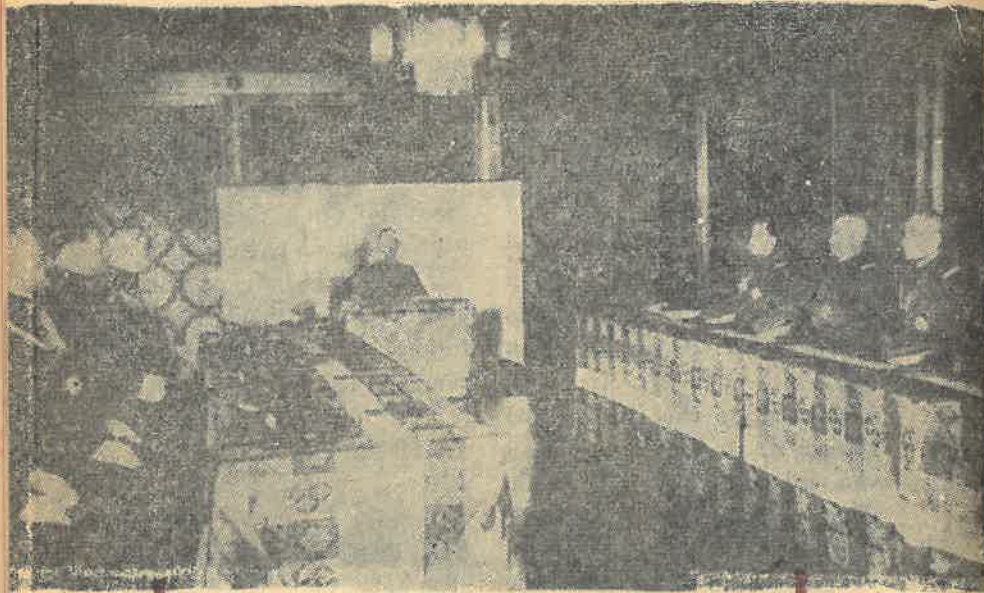
Toàn bộ Tham-mưu Hải-Lục không-quân của thành phố Hiroshima, và ông Đô - trưởng, cũng đều chết ngay lúc bom nổ.

SÁU THÁNG SAU, tháng 1 - 1946, số người chết vì trái bom nguyên-tử ở Hiroshima, tổng - cộng thêm là **300.000 NGƯỜI** (Ba-trăm ngàn người)!

Bà Tú nghe con số kinh-khủng đó, đứng lác đầu, lạng-lạng nhìn chổng, đôi mắt rưng rưng muốn khóc.

Ông Tú nói tiếp:

— Minh nên biết rằng từ khi có chiến tranh đến khi đầu-hàng vô-điều - kiện, quân - lính Nhật Hoàng ở khắp các mặt trận chỉ thiệt hại lỏi **400.000** người trong tất cả những cuộc oanh-tạc thường, mà chỉ **MỘT TRÁI BOM NGUYÊN - TỬ** sáng ngày 6 - 8 - 45 đã giết hại **300.000** sinh mạng!



HOÀNG-ĐẾ HIRO-HITO chủ-tọa Hội-Đồng Quân-Sự tối-cao, sau khi trái Bom - Nguyên-tử thứ 2 nổ trên Nagasaki.

Ngày 9 THÁNG 8, hồi 11 GIỜ 2 phút, một trái bom nguyên-tử thứ hai rơi xuống thành phố NAGASAKI.

Từ ngày 10 đến TỐI NGÀY 14, liên tiếp ngày đêm có những cuộc hội-nghị quân-sự tại Đông-Kinh dưới quyền

chủ-tọa tối cao của Nhật-Hoàng.

Xuýt nữa là có cuộc nội-loạn và đảo-chính. Nhưng đêm 14, Trung-Tướng ITAKA chỉ-huy Thủ-đô Đông-Kinh truyền lệnh cho tất cả các sĩ-quan dưới quyền ông cùng với ông mở bụng tự sát. Đúng 12 giờ trưa

ngày 15-8-1945. Đài Phát-thanh Đông-Kinh trở lên bài Quốc-thiệu *Kimigayo*.

Toàn thể nước Nhật-Bổn và cả Thế-giới đều im-lặng nghe tiếng nói vô cùng cảm-xúc của Hoàng-đế HIRO HITO.

Ngài tuyên-bố xin đầu-hàng vô-điều-kiện.

Tiếng Ngài vừa dứt thì 100 triệu người Nhật ôm mặt khóc nức-nở...

— Mình ơi, tại sao Bom Nguyên-tử ghê-gớm đến như thế vậy, hả mình ?

— Anh phân-tách cái diễn-tiến phá-hoại của nó cho Mình nghe nhé, ừ, xin lỗi, Mình cho phép anh chưa thêm chữ Pháp vào đây cho dễ hiểu hơn, — cái *processus de destruction* của nó. Thí-dụ một quả bom nguyên-tử rơi ngay trên khu chợ Bến-Thành ở Trung-tâm Sài-gòn...

— Ý ! Em không chịu đâu. Mình cho nó rơi chỗ khác không được sao, em không thêm nó rơi xuống Sài-gòn đâu.

— Ở Nagasaki nó rơi xuống giữa khu Urakami, ngay trên một nhà-thờ công-giáo. Thoạt tiên, mình chỉ thấy một trái bom

đen-thui đen-thui, dài như trái bí đao, từ trên một chiếc phi-cơ B-29 bay thiệt cao, (ở Hiroshima nó bay cao 7000 thước, ở Nagasaki nó bay cao đến 8000 thước) nó rớt xuống. Nó rớt lạng-lẽ xuống nửa lưng trời thì tự-nhiên mình thấy bật ra một ánh sáng chói-lòa, như một cục lửa vĩ-đại màu đỏ-xám, một ánh sáng kỳ-cục, chói gấp trăm gấp nghìn lần cái ánh sáng của chất magnésium, mình ngó nó trong 2 giây đồng hồ là đui mắt liền. Trái bom rớt xuống đụng góc chuông nhà-thờ, nổ lên một tiếng rồi tỏa ra một cuộn khói trắng. Mình thấy bay lên như một cây trụ khói cứ dần dần lan rộng ra ở trên đỉnh, giống như một cái nấm. Tự nhiên mình thấy lạnh khắp trong người, giòng máu làm như bị băng giá. Rồi từ nơi cái nấm khói ấy, phát ra một luồng gió mãnh-liệt lạ-lùng, mạnh bằng mấy trận bão lớn. Đó là làn gió nguyên tử, nó bay tràn lan ra khắp cả, với một tốc độ ghê-gớm. Nhà, cửa, thành quách, lâu đài, hề chạm phải nó là tự-nhiên sụp đổ liền, hoặc bị nó cuốn đi, quăng

ra xa, rồi sức nóng của nó đốt cháy hết. Nó bay ngang qua một thành phố, cả thành phố ra tro. Nó bay ngang qua một khu rừng, cả khu rừng cháy rụi. Tiếng nổ lúc này còn vang rền cả bốn góc trời, và sức nổ của nó cũng như sức nóng của hơi gió, làm lung lay nghiêng-ngả hết thảy các sự vật. Nó tung mình lên, cuốn mình đi, đập mình vào một vách tường cách xa đó hai chục thước... Một sức nóng đến 9000 độ đốt mình cháy cái vèo trong một nháy mắt thành một khúc than.

— Cái sức mạnh gì khiếp đởm thế hả Minh ?

— Đó là sức mạnh nguyên-tử, hay gọi là nguyên-tử-lực. Nó tàn phá tất cả những cái gì nó gặp, nó deo rắc bụi phóng-xạ khắp cả một vùng rộng lớn, trong một phạm vi ít nhất là 100 kí-lô-mét. Trái bom nổ ở Nagasaki hồi 12 giờ 2 phút buổi trưa, mãi đến 12 giờ khuya hôm ấy mới dịu hẳn. 12 giờ khuya, người ta thấy trên trời lơ-lửng một mảnh trắng xanh. Ánh trắng lạng lẽ rọi xuống cả một vùng đồi-hiu

hoang phế, ngổn ngang hàng-trăm ngàn xác chết, như một bãi tha ma của kiếp người tận số ...

Đó, trái bom nguyên-tử, Minh thấy chưa ?

— Em mà chứng kiến cảnh-tượng đó chắc em điên luôn.

— Nhưng hai trái bom nguyên-tử ở Hiroshima và Nagasaki mới chỉ là hai trái bom thí-nghiệm đầu tiên. Sức tàn phá của chúng nó, như thế chưa thấm vào đâu.

— Lại còn chưa thấm vào đâu nữa ư ?

— Vì bom nguyên-tử, gọi tắt là Bom A, (Bombe Atomique) tuy là ra đời trước tiên, nhưng còn thấm vào đâu đối với thứ bom Khinh-khí, gọi tắt là Bom H (Bombe à Hydrogène) chế-tạo sau nó. Nhưng thôi, đừng nói đến nó nữa ...

Ông Tú ngồi dậy, lại tú sách rút một quyển «The Japan of Today — 1959» (Nước Nhật ngày nay), lật ra chỉ cho bà Tú coi hình hai cô chiêu-đài viên Hàng Không Nhật :

— Hai cô này không đẹp được như Minh, nhưng nụ cười duyên dáng của họ hứa hẹn một

ngày mai tươi thắm, huy-hoàng, vì họ tin-tưởng nơi phục-hưng xứ-sở của họ. Nếu nguyên-tử-lực là một yếu-tố phá-hủy Thế giới của loài người, nó cũng lại là một yếu-tố đem lại sự hồi-sinh

cho một Đời sống văn-minh hơn và tiến bộ hơn...

Diệu Huyền



15 năm sau trái Bom Hiroshima, đây lớp người của Thế-hệ mới. Tay nắm tay, họ hân-hoan tiến lên con đường xây dựng một xứ Phù-tang Hòa-Bình, Dân chủ, Tiến-Bộ.

BỮA TIỆC. . .

THỊT

CHÓ



ÔNG CỬ buồn lắm, ừ mà không buồn sao được, thân danh đã đổ

Cử-nhân như ai, thế mà phải chịu lép vế, cảm mồm cho lũ quan - thầy nó hống hách, đục - khoét. Ngẫm mấy câu thơ của Tú-Xương, ông càng thấy dằng-cay cho số phận mình. Lại thêm đám dân lành ngày đêm quần - quại dưới bao tầng áp-bức, bóc - lột của bọn người chuyên bợ - đỡ ngoại bang đề mong được vinh - thân, phì da. Lòng ông Cử thấy sôi lên một niềm uất - hận. Ông chỉ muốn chửi ngay vào mặt cái lớp quan-liên thói nát ấy cho hả lòng, nhưng cái địa vị nhỏ bé của ông không cho phép ông làm như thế. Tuy nhiên, ông vẫn chờ dịp và dịp ấy đã đến.

• Cái to duy
đề • / Cái ngày

lễ của các quan thuộc địa kia cũng là cái dịp đề cho các ông quan da vàng, mũi tẹt ăn uống, chè-chén say-sưa bằng cái tiền vơ vét của dân đen.

Nhà ông Cử hôm nay cũng rộn-rạp lạ. Mấy đứa con ông đã gửi về quê từ chiều hôm trước. Từ bếp vọng ra tiếng dao băm trên thớt càn-cạch, tiếng bát chén khua lách-cách, tiếng chó kêu ăng ăng. Mùi chiên - xào ngào - ngọt tận mấy dãy nhà hàng xóm khiến họ hít mũi, chụm đầu bàn tán với nhau :

— Quan Cử hôm nay thiết tiệc các quan đấy.

— Ừ ! « Cát to duy dết » mà lại.

Mà thật vậy, ông Cử hôm nay dọn tiệc thiết các quan, một điều không ai ngờ. Ông đã đổi tính rồi chẳng, từ trước có bao giờ

ông mời các quan về nhà đâu, ngay cả họ mời ông

BỮA TIỆC... THỊT CHÓ

cũng không nhận lời nữa mà.

Tiếng cười nói ồn - ào trong nhà khách, người bưng mâm lên xuống tới-tấp.

Cái lối dọn tiệc của ông Cử thật là tiện; cứ mâm này chõng lên mâm kia, ăn hết mâm trên dọn đi lại bày ra mâm dưới. Đặc biệt nhất là phần lớn món ăn đều dọn thịt : thịt xào, thịt hầm, thịt nướng, thịt luộc, dồi, lại có cả tiết canh, món nào cũng ngon cả. Điều ấy đã hẳn vậy vì vợ ông Cử vốn là một người đàn bà dóm đang vô cùng.

Tiệc rượu ngà ngà, ai nấy nói chuyện như bấp rang.

Một vị quan mặc chiếc áo xanh có đính dấu rồng, sau khi ực hết một chung lớn rượu mới hất cái bộ mặt phì-nộn đỏ gay cười hềnh hếch hỏi ông Cử :

— Chà, quan Cử làm tiệc thịt gì mà khéo thế.

Mấy ông quan khác bỗng đứng cũng dừng câu chuyện lại và ra dáng chăm chú đợi câu trả lời của chủ nhân. Mấy ông Tây học thì xàm xì với nhau :

— Nại chứ gì !

— Không, thịt lợn rừng đấy. Mặc dù từ bé chưa ông nào

được ăn cái thứ thịt họ đoán kia cả. Bấy giờ, mọi người mới hoàn toàn im lặng vì ông Cử đã ung dung đặt bầu rượu xuống mâm :

— Dạ, thưa với các quan ở đây thì trên cũng chó mà dưới cũng chó cả. Dạ...

Đến đây thì mặt các quan sầm lại, không ai bảo ai một lời. Biết lão nho già xỏ ngọt mình, nhưng họ cũng tăng lờ đi đề khỏi mất mặt. Ông Cử thì cố dấu cái gương mặt sáng khoái và với một động khề khà ông kể tiếp nào là thịt chó bồ, mát, thơm, ngon, có điều ông quên kể cái công dụng của chó ngoài công việc giữ nhà... Bữa tiệc ngã sang một không khí tẻ nhạt. Người nọ lơ láo nhìn người kia, cố nhai uề-oải cái món cầu nhục mà trước đó họ cảm thấy nó ngon ngọt, thơm tho quả như lời ông Cử nói.

Khi món ăn đã vơi, ai nấy đều buông đũa, ông Cử oang - oang gọi xuống bếp :

— Bay đâu, nước !

Một loạt dạ rập lên, nhưng ngồi đợi mãi vẫn chưa thấy nước mang lên. Ông Cử quát mắt gọi lần nữa :

— Nước, mau chó bay !

Cũng như lần trước, tiếng dạ vang lên nhưng mà nước thì không thấy. Các quan ngơ - ngác ngồi chờ. Mấy người trẻ tuổi vội cúi xuống mỉm cười sự vô-lễ của lũ-tớ nhà ông ử. Chừng không nén nổi tức-giận, ông Cử đập tay thành-thịch trên bàn chửi vang lên :

— Ừ, nước đâu bay ! Cả một lũ khốn kiếp, bay chỉ biết lo đục đầu vào ăn chứ không lo gì việc nước cả.

Và lần này thì tấm màn cửa lay mạnh, rồi lũ đầy tớ hi - hục xách mấy bình nước to-tướng lên.

Ông Cử thì hình như đã nguôi cơn giận một cách mau lẹ, ngồi rung đùi xĩa răng hớp từng hớp nước, mặc cho các quan hậm hực nuốt vội vàng mấy ngụm trà nóng. Một ông quan già ngồi phía cuối phòng nhúng một ngón tay vào đáy chén viết trên bàn hai chữ « Quốc, thủy » và sỏ một gạch dài vào khoảng giữa hai chữ ấy làm ôn quan trẻ ngồi cạnh đỏ mặt lên :

— Thằng già thâm thiệt !

Bên kia ông Cử vẫn rung đùi cười.

*** ĐỘC TÀI :**

Vào giờ sử ký, một giáo-sư hỏi học trò rằng :

— Các anh hãy định nghĩa mau lẹ, thế nào là một nước độc-tài ?

— Thừa thầy, một học sinh trả lời, một nước độc-tài là một nước mà người dân khòì cần ngồi kề máy thâu thanh suốt đêm mà cũng biết được kết quả cuộc bầu cử.

— !!!

*** KHI NỮ VAN HÀO LÚNG TÚNG**

Một hôm, bà de Sévigné lại nhà một vị chánh án tòa thượng thẩm để điều đình một vụ kiện. Bà đến ngồi gần q. an tòa một cách tự nhiên và sau khi trao đổi những câu kính cần, tục lệ của quý phái Pháp, bà liền đề cập đến công việc của bà, nhưng bỗng nhiên bà trở nên lúng túng :

— Thừa ngài, bà de Sévigné nói, tôi rất rành điệu bộ, ngạc tôi không... những câu châm-chọc !!!

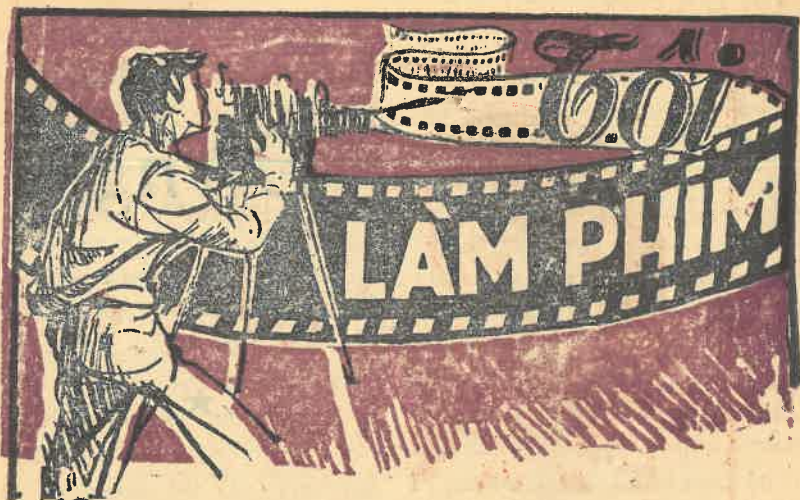


Đừng khóc



Nếu khóc để đừng xa nhau
Em khóc trọn chiều ly-biệt
Nếu khóc cho chuyện ngày sau
Cho phút già-tir da-dết
Và nếu lòng không thương đau
Anh hỡi, làm sao em biết
Đề rồi đến phút rời nhau
Thì khóc làm sao tha thiết
Hắn biết biệt ly vì đâu
Thì sao em còn nuôi tiếc
Vi tin yêu anh, vì nhau
Thì đừng khóc khi già biệt.

HOÀNG-HƯƠNG-TRANG



(Tiếp theo P. T. số 24)

Có những cuộc gặp-gỡ, ngẫu nhiên nhưng không kém phần hào hứng, nhiều khi lại quyết định cả một cuộc đời. Đó là trường hợp đã xảy ra cho Anh Tú, một tài hoa son trẻ của nền Điện ảnh V.N., tiếc thay đã mệnh một ngay trong thời hoa-niên, mang theo một tương lai đầy hứa hẹn.

Đạo đó, tôi cố ý đi tìm những khung cảnh cần thiết cho một cuốn phim đượm màu sắc miền Tây Nam nước Việt, miền Nam thân yêu, với những rặng dừa thanh bình sây trái, rừ bóng bên những con rạch dịu hiền... Chúng tôi tới miền Trúc-Giang xanh mát, xứ của những vườn dừa đầy sít, vô tận hút thẳng chân

★ THÁI-THỨC-DIÊN

trời. Tôi đã lướt qua Mô-cày, Ba-tri, Bình-đại, An Hóa, Giồng Luông v.v... định về ngõ Mỹ tho qua bắc Cù-lao-Rồng.

Còn độ 6 c.s. nữa là tới bến đò là trời đã xế chiều. Chiếc xe sau những đoạn đường lồi-lõn tỏ vẻ quá mệt mỏi, bỗng nhiên khếch khếch lên vài tiếng rồi tắt thở hẳn!

Tôi vội xuống xe, loay hoay mãi không biết múi mớ banh ở bộ phận nào. Hết lật bu-ji ra chùi, lại chà giấy nhám đen-cô, thổi xăng, châm nước. Vô hiệu! Sau mấy lần đưa phe-phây đong đưa. mặt trời le lói nhìn tôi bằng nửa mắt như mỉa-mai và sắp nói lời từ biệt. Sực nhớ lại câu Kiều:

« Bóng chiều đã ngã, dăm về

TÔI LÀM PHIM

còn xa », càng thêm lên ruột.

Đạo ấy, tôi thường nghe kể lại những câu chuyện cướp bóc ở thôn quê, nhớ lại càng phát ngán. Người đi bộ thừa thớt hẳn. Trông quanh chỉ thấy đồng không mông quạnh, xa lắc xa lơ những rặng dừa đen kịt bị mặt đang nép mình bò sát trên mặt đất. Hoạ hoảng mới có một chiếc xe lồi chạy như bay về phía Bến-tre, vèo ngang mặt tôi rồi âm-thanh của động-cơ tắt dần sau làn bụi trắng.

Bỏ xe cước bộ ra Bắc chẳng? Nán lại giữ xe để rồi đêm khuya bị kẻ gian trói ké cho đi mò tôm chẳng? Tôi nao-nức lưỡng cống, nhìn chiếc mặt trời đáng ghét kia đang chìm lặn vào rặng dừa đen kịt... Mĩa mai thay, lúc ấy câu: « Thời-gian ơi! hãy ngừng lại đi... » sao mà thấm thiết hơn là lúc nào nào đó... Phải, hãy ngừng lại đi thời gian ơi... để chờ ta... sửa xe và chạy về Bắc cho kịp giờ đóng Bắc!

Đang băng-khoảng, lưỡng-lự thì bỗng nhiên từ phía Bến tre hiện ra một chàng thanh-niên vạm vỡ mặc áo quần đen đạp một chiếc xe đạp lù lù tiến tới... Hẳn ta hăm phanh kêu một tiếng két rùng rợn, dựng sát bên cạnh xe tôi. Tôi giật nảy mình, thủ chắc cái ma-ni-ven phòng có chuyện bất trắc.

Nhưng hẳn cần thận dựng chiếc xe đạp ngay nơi một góc cây bên đường, hăng hái xồng tời. Hẳn đến, đối diện với tôi, tì tay vào đê xe, mỉm cười ngoại-giao rồi hỏi tôi như có vẻ thành-thạo về máy móc lắm:

— Chào Bác, hư gì đó?

Tôi thấy Hẳn ta còn trẻ măng, mặt sáng-sủa ra vẻ một thư-sinh, tôi bớt lo ngại, tôi cười miên-cưỡng rồi đáp:

— Chào anh. Hư gì cũng không biết! Máy bỗng-nhiên ho khếch khếch rồi tắt thở luôn.

Hẳn cười một cách thẳng-thắn cúi đầu nhìn vào máy:

— Bác để tôi xem dùm thử coi. May ra nó chạy lại cũng nên!

Tôi lại càng nghi-ngờ. Tôi nghĩ, cha này làm bộ xạo, háu làm như cách thích giúp đỡ mình, kiểm kê đoạt được búa kèm cờ-lê mô-lết, chờ mình sơ hở, vớ một cú vô óc nắm thẳng cẳng... Bọn cướp cạn thường có những điệu bộ ranh mãnh ấy. Báo-chi đã nói đến biết bao nhiêu lần rồi...

Hẳn không đợi tôi trả lời, xắn tay áo chui đầu vào dưới ca-pô. Tôi làm bộ mỗi, uốn mình ra sau, đứng im chờ!

— Bác lên xe, mở công-tắc coi! Tôi gạt đầu, miên cưỡng đi lùi bước vô xe, nhưng mắt vẫn trông chừng tay vẫn cầm cái ma-ni-ven chặt cứng. Nếu ai ở

ngoài nhìn tôi lúc ấy chắc cũng phì cười. Riêng hấn ta vẫn lúi-húi mở nắp đen-cô, búng vào vít la-ti-nê nghe cóc cóc... Trông hấn làm thì biết hẳn thạo nghề lắm. Nhưng tại sao hấn không làm ở ga-ra lại ở đây chỗ đồng không mông quạnh này ??? Bỗng nhiên hấn cười vang vừa nói :

— Dây «mát» đứt rồi ! Hèn chi mà tắt thỏ... Xong rồi Bác ơi ! Bác thử «đề» xem sao ? (démarrer)

Chiếc xe lục-ục khạc khạc vài ba tiếng rồi động-cơ nổ dòn ! Hú-via ! Tôi nhìn lên mặt trời sắp khuất sau rặng dừa ; nhìn vào đồng hồ tay, biết còn 15 phút nữa mới hết giờ qua Bắc, tôi mừng hú đuôi, đã thoát nạn. Trong khi đó, chàng thanh-niên chăm rãi sắp ca-pô, lúc lắc thử vài cái... Tôi xuống xe, rút mù-soa đưa hấn bảo lau tay. Nhưng hấn lắc đầu, cúi xuống... béc một nắm cỏ khô bên đường, chùi kỹ bàn tay đầy dầu mỡ vừa cười vừa nói :

— May là còn sáng mới trông rõ, nếu không thì tìm cũng ừ hơi !

Bao nhiêu sự nghi ngờ biến mất, tôi hối hận vô cùng, bèn kiếm cách chuộc lỗi, thân thiện đề tỏ ơn. Tôi rút bao thuốc thơm trong túi chia ra mời anh ta hút. Anh ta lắc đầu :

— Đầu có biết ! Mời bác !

— Anh học sửa máy hơi nào mà giỏi vậy ?

— Ở Saigon. Tôi về đây thăm mẹ tôi... Bây giờ qua Mỹ-Tho ngủ lại rồi mai lên Saigon.

Tôi thấy có dịp đề trả ơn :

— Hay là anh cùng lên Saigon với tôi luôn thề. Đi cho vui. Chớ anh tính đạp xe đạp từ đây lên cho tôi trên, nhọc biết bao !

Anh ta ngán ngại.

— Xe rộng mà, anh có thể dứt cả chiếc xe đạp vô phía sau...

Anh ra dáng suy nghĩ một chút rồi gạt đầu :

— Thế này thì làm phiền bác quá !

— Đầu có gì !

Anh ta chạy lại lấy xe đạp, dứt vô sau xe hơi. Tôi rờ máy... Anh leo lên ngồi cạnh tôi thì xe bắt đầu chạy. Tuy nhiên trí tôi vẫn suy nghĩ lung. Có thể tin cha này được chăng ? Mà, qua bên kia sông, còn lo nỗi gì ? Minh cho xe chạy hết tốc lực... Hấn còn mắc kẹt chiếc xe đạp còn làm gì được. Tôi sực nhớ những đoạn đường vắng giữa Mỹ Tho và Saigon... Ở, mà xe cộ đi lại như mắc cửi... Có gì mà phải lo.

— Đến bắc rồi, may quá, chuyến cuối cùng sắp chạy !

Tôi cho xe xuống phà. Xà lan rời bến. Tôi mở cửa bước ra, anh ta cũng ra theo. Trên bồng phà chỉ có chiếc xe tôi, một vài

chị bán chim hay quà bánh... Mặt trời sắp ngậm mặt nước, đổ chói. Cảnh vật chìm đắm trong một lớp sương mong manh nhìn như một bức tranh Nhật-bồn. Tôi ước ao thường-thức cảnh hoàng hôn trên giòng Cửu-Long thì nay tôi đã được toại nguyện !

Chàng thanh niên đứng bên tôi cũng đắm đắm nhìn về phía chân trời. Tôi lấy thuốc ra hút, rồi muốn gọi chuyện :

— Trông mặt trời lặn đẹp quá anh nhỉ ?

— Vâng, đẹp thật ! Nước sông nhuộm đỏ trông như một giòng máu, rặng dừa xanh thẫm, sương mờ mông lung. Thật là một bức tranh tuyệt-tác...

Tôi không trả lời nhìn xuống giòng nước sôi bọt. Anh ta nói tiếp :

— Chính những buổi hoàng-hôn này, khiến cho tôi cảm thấy tình thương mến miền Nam gấm vóc dâng lên mãnh liệt trong lòng tôi, và bên cạnh giải đất chôn rau cắt rún tôi, tôi lại càng thấy tha thiết bội phần, mặn mà hơn nữa...

Tôi ngạc-nhiên nhìn anh chàng thơ sinh chưa quen biết lắm, cố tìm hiểu anh thuộc về thế-hệ thanh-niên nào mà có những lời ý-nghĩa phur vậy ? Anh ta đổi giọng nói tiếp :

— Từ trước đến giờ, tôi đã

thất-lẽ với Bác, vì tôi quên tự giới-thiệu...

— Thì chính tôi cũng thấy bất lịch-sự, kém xã-giao quá ! Chỉ có vậy mà cũng quên khuấy đi được !

— Tôi tên là Tứ, bạn bè đặt cho tôi biệt hiệu là Anh-Tứ, thật ra đáng kêu Em Tứ mới phải, nhưng mấy anh cứ gọi Anh-Tứ, thết quen miệng...

— Anh-Tứ ! cái tên nhu lắm, đẹp đây chớ !

— Thú-thật, tôi mờ-côi từ thuở tằm bé. Nhờ mẹ tôi nuôi nấng thành người... Mẹ tôi vẫn thủ-tiết... từ dạo ấy cho đến nay...

— Thật là hiếm có !

Rồi anh kể lại quãng đời thơ ngây sống dưới bóng dừa xanh mượt trong tình thương vô-biên của bà hiền-mẫu.

— Năm nay, tôi 17. Tôi phải ra đời sớm là vì cảnh nhà hàn-vi, mẹ già đơn chiếc. Tôi đang học nghề sửa xe hơi tại đường Pétrus Ký...

Tôi tự giới-thiệu tôi và nói rõ mục-dịch cuộc du-hành của tôi.

Tôi cười :

— Không có anh, thì chắc tối nay tôi nhịn đói nằm chèo queo trong xe hơi... và có lẽ sẽ bị cho đi mò tôm... Thú-thật khi thấy anh đến, tôi ngại lắm, tôi ngại cái bộ đồ đen của anh trông ghê hờn quá... Nhất là trời gần

tối nữa... Có lẽ vì tôi bị người ta nhét vào sọ những câu chuyện bịa đặt như moi gan, móc mắt... Tuy nhiên khi thấy anh, nhìn bộ mặt hiền-từ của anh, tôi mới vững dạ...

Hình như Anh-Tử không còn chú-ý đến lời nói của tôi nữa. Anh ta nhìn đăm-đăm về phía Tây. Mặt trời chỉ còn ló lên một chút xiêu trên mặt nước như một đóm lửa hồng...

Bỗng nhiên anh ta quay mặt về phía tôi hỏi :

— Bác quay phim ? Quay phim có khó không bác ?

— Ở đời có gì là khó ! chỉ cần có cái chí !

Anh-Tử nín lặng một chút rồi đột-nhiên phỏ bày những ý-nghĩ thâm kín trong tâm-tư :

— Cái mộng duy-nhất của tôi là được đóng một vài cuốn phim và thú-thật với bác tôi ham muốn trở nên một tài-tử điện-ảnh.

Anh ta bỗng ngáp-ngừng có vẻ e-thẹn. Có lẽ anh chợt thấy những câu anh vừa thốt ra, quá hấp-tấp, chân - thành tha-thiết. Đó là tiếng nói của tâm-tư không suy-tính dè dặt và anh chờ sự phản-ứng của tôi.

Tôi lặng yên cố để cho cái phút sượng-sùng trôi qua, hít một hơi thuốc dài, chằm rãi nói :

— Anh muốn đóng phim ! Tôi hứa chắc là tôi có thể giúp anh

đạt được ý-thích. Có lẽ anh còn e ngại về những điều-kiện tôi thiếu để trở nên một tài-tử... Nhưng chắc anh cũng nhớ câu : « Muốn là được ! » Chữ muốn đây có nghĩa là ý-chí tự-tạo. Tánh tôi hay nói thẳng. Anh có bộ mặt không đẹp như Phan-An, nhưng có những nét đặc-biệt thân-hình khá cân đối, học-lực tạm đủ. Triển-vọng của anh không cao quá đâu. Song tôi không muốn anh phải vấp ngã, vỡ mộng trước khi thành-tựu nên cần phải nói rõ là anh cần phải tập luyện rất nhiều, phải nhẫn nại... chịu-đựng... dẹp bỏ tánh tự-ái vô-lý mà ai cũng có...

— Tôi đã từng học nghề nặng nhọc, tôi hiểu rõ bác muốn nói gì.

Chúng tôi im lặng, nhìn màn đêm phủ lặn cảnh vật. Anh-Tử mắt bỗng sáng lên... Anh nói :

— Hoàng - hôn ! Thưa Bác ! Hoàng-hôn cũng có lúc phải xuống trên Đời của con người. Nhưng chưa nếm cái nồng-nhiệt của lúc ban trưa mà đã phải chịu run lạnh khi chiều-xiêu bóng xế... thì kẻ cũng đáng chán thật...
— Đùng, làm người ai lại không có những cái mộng lớn. Mộng con muốn thể-hiện trước lúc lìa đời...

Tôi bước lại gần Anh-Tử, đặt tay lên vai anh ta, nhỏ nhẹ gần như tha-thiết :

— Anh Tử ! tôi đã sống những

lúc như anh, đã cảm thấy những gì anh đã cảm thấy. Anh đừng vội thất vọng... Tôi hứa sẽ đưa anh vào làng Điện-ảnh. Tôi sẽ diu-dắt Anh... Nhưng cái đài vinh-quang chỉ có anh tự tạo lấy, mới vững chắc. Tôi nghe anh nói tôi thông cảm anh. Anh mê say điện ảnh cũng như tôi mê say nó vậy...

Anh-Tử cảm động, nhìn tôi. Lời hứa-bện của anh vọng trên làn sóng cuộn cuộn chảy về Đông :

— Tôi sẽ cố gắng để khỏi phụ lòng Bác...

Chiếc phà cập bến thì trời tối hẳn. Chúng tôi lên xe. Đôi mắt của Anh-Tử sáng lên. Tôi không hiểu đó là do những tia lửa tin sang lập loè trên gương mặt

anh, hay là ánh điện của thành phố Mỹ-Tho phản chiếu lại... Nhưng tôi cảm thấy lửa thiêng của tin-tưởng đã nhen nhúm một niềm hi-vọng trong tâm-tư anh...

— Nếu chiếc xe của Bác nó không nằm vạ, thì tôi có lẽ chẳng bao giờ gặp Bác, và... cuộc đời sẽ...

— Chúng ta phải ăn mừng cuộc gặp gỡ độc-đáo này cái đã. Còn những cái gì còn lòng-giòng thì hạ-hồi phân-giải...

Anh-Tử và tôi cùng cười. Xe tôi quẹo vào cái quán bên đường...

Bữa cơm xôi, gà nướng, điêm nước cam... đêm đó tôi thấy thị vị lạ...

(Còn nữa)



* ALEXANDRE DUMAS VÀ GỐC TÍCH

Alexandre Dumas tác giả quyển « Ba người ngự lâm pháo thủ » là con của Alexandre Davy như mọi người đều biết. Ông này lại là con của một thực dân giàu có và một người đàn bà da đen. Mặc dầu bằng cấp hiền triết như vậy, nhưng ông Dumas vẫn nổi xung lên khi nghe ai ám chỉ gốc tích của ông. Một ngày kia, vì quá vụng-về, một người nọ đã hỏi ông rằng có phải cha ông là người da đen hay không.

Ông Dumas về mặt hàm hàm, nhìn kỹ người nọ rồi trả lời rằng :

— Đúng như ghi vậy ông ạ ! Ông nội tôi là khỉ và dòng dõi của tôi bắt đầu có từ khỉ mà dòng giống của ông tuyệt nòi.

Đường Thi Trích Dịch

Dịch nghĩa và chú-giải : **ĐỖ-BÀNG-ĐOÀN**

Dịch văn : **BÙI-KHÁNH-ĐAN**

In bằng Ronéo trên giấy duplicateur, dày 792 trang.

Đây là một bộ sách vĩ - đại và một công trình lớn lao

Hai vị tác-giả không phải chỉ làm công việc dịch-nghĩa suông các bài Đường thi mà thôi, hai ông còn phiên-âm ra Việt-ngữ từng bài một, chú-giải rành-rọt các chữ khó, và phiên - dịch ra thành thơ Việt-nam, sát ý, sát chữ, lột hết tinh-thần của các Thi-sĩ Trung-Hoa. Tất cả 503 bài thơ của 133 Thi-sĩ đời nhà Đường, từ Sơ - Đường qua Thịnh-Đường, Trung - Đường cho đến Vãn-Đường, đều được sắp-xếp theo thứ-tự niên-đại, và mỗi bài đều được trình-bày với rất nhiều công-phu, kiên-nhẫn, rành-mạch, và rất tế-nhị.

Lâu nay mỗi lần chúng ta xem

* NGUYỄN-VỸ

những bài thơ Đường được dịch ra thơ Việt, thường thường chúng ta bực mình nhiều hơn là thích thú. Đôi khi chúng ta thất vọng, bởi lẽ phần đông dịch-giả theo không sát nghĩa, chỉ tự-mãn với lối diễn-đạt sơ-sài, tạm bợ. Các dịch-giả ấy thật quả đã rớt vào trường hợp tai-hại của câu tục-ngữ Ý : *Traduttore Traditore*. Không phải họ phân-bộ hẳn ý - nghĩa của nguyên văn, nhưng họ không lột được đầy-đủ tinh-thần của bài thơ, và do đó họ không diễn đạt đúng cái chân-sắc tư-trưởng của Thi-nhân.

Nguyên - do sự khuyết - điểm ấy, là họ theo sát văn thơ Việt hơn là theo sát nghĩa thơ Tàu.

Chúng tôi vui mừng nhận thấy trong quyển «Đường-Thi Trích-Dịch» nhiều bài dịch của hai ông Đỗ-Bàng-Đoàn và Bùi-khánh-Đan không những đầy đủ ý-nghĩa, mà còn lột thoát ra được mỗi cảm-giác thâm-kín của nhà Thơ, chứng tỏ rằng hai ông đã đưa câu Thơ Việt đến đúng mức nghệ thuật tinh-vi của câu thơ Tàu. Mỗi Thi-sĩ đều có tiểu-sử rõ-ràng, hoặc nếu thiếu tài - liệu xác-thực về tiểu sử thì cũng có những giai-thoại để hiểu rõ các nhà Thơ trong Thời-đại Thi ca phong-phú nhất và vẻ-vang nhất của Trung Hoa.

Đây là quyển sách đầu-tiên và độc-nhất từ trước đến nay chưa hề có. Họa chăng có đôi quyển của Trần-trọng-Kim, Ngô-Tất-Tổ, và nhiều bài rải rác của Tân-Đà, đó là chỉ kể những dịch giả có tên tuổi. Nhưng không có quyển nào đầy-đủ, súc - tích và thật rõ-ràng, thật dễ hiểu, như quyển ĐƯỜNG THI TRÍCH DỊCH của hai ông Đỗ - Bàng-Đoàn và Bùi-khánh-Đan.

Một quyển sách quý-báu cho tất cả những bạn muốn thưởng-thức cái tinh - túy thanh - cao, diễm-tuyệt của những thơ Thái Bạch, Huyền-Tôn, Hàn - Dũ, Bạch cư Di, Tiết-Đào, Vương Xương Linh, Đỗ Phủ, Vi-Trang, Thôi-hạo - Dung, v.v..., của 133 Thi-bá đời Đường. Công-trình kiên - nhẫn vĩ-đại này đáng được đặt lên một vị-trí danh-dự trong văn - học sử Việt-nam.

MUA SÁCH CŨ

Mua lại các sách cũ có giá trị, bằng chữ Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, xuất bản trước 1950, và những sách Việt xuất bản trước 1925. Xưa chừng nào tốt chừng nấy. Rách cũng không sao, miễn còn đọc được. Trừ các sách giáo khoa, và tiểu thuyết.

Xin đem đến TÒA BÁO PHỔ-THÔNG trong những giờ làm việc. Có thể đòi lấy Phổ-Thông.



Truyện dài của Cô VÂN-NGA
(Tiếp theo P. T. số 24)

— Anh lúng túng hơn ba giờ và nghe tiếng đồng hồ đổ về gần sáng mà lại càng thêm lo sợ. Bàn ghế gì lung tung, mờ mờ mà không biết mình hiện ở đâu. Sau cùng, thời may, anh mờ trở về được bên cửa. Bằng như khối phải chết hụp, anh mở cửa ra. Nhờ ánh sáng trắng rọi vào, anh nhận định rõ ràng phương hướng xong, khép cửa lại, về giường nằm rải tay và thở ra những hơi khoan khoái vô cùng...

Các em tôi hay chuyện cười ngã nghiêng ngã ngửa. Chị em Thành, Hạnh, Dung cùng nói:

— Chắc hồi hôm anh đến gần bên giường của chúng tôi chờ gì?

— Ủ, tôi cũng nghĩ như vậy mà mờ hồi đó ra như tấm mực dù trời hơi lạnh lạnh. Thay gì đi đến đầu ghế trường kỷ bên này thì tôi lại đi qua ghế trường kỷ bên kia, và bị mất hướng luôn.

Thanh và các bạn ở chơi đến khi mờ tôi trở về thì mới lên đường. Tôi đem thố cơm rượu để dưới ghế bản lồng và căn dặn người chèo ghe:

— Đưa các anh đến chợ rồi, anh ở lại chờ coi anh Chín còn cần gì không rồi hãy trở về.

Cuộc chia tay này thấm thía hơn kỳ trước nhiều. Tôi bịn rịn mãi không muốn rời chàng. Chuyển ra về trước kia chàng chỉ mới là một cái bóng đi vào đời tôi, lòng tôi cảm thấy bị tiêu hao ít mà thôi. Chuyển này, tôi cơ hồ bị chiếm mất cả tâm hồn. Tôi thấy chàng là lẽ sống, là nguồn vui, và cả phần nửa cái tôi đã ở nơi chàng.

— Anh về rồi trở lại sớm...

Tôi không còn can đảm để nói thêm nữa. Lệ ở đầu trần ra như hai giòng suối. Chàng vẫy tay, nở một nụ cười héo như hoa lia cành.

— Tuần sau, anh sẽ trở về.

Đến chiều tối hôm sau, ghe bản lồng mới trở về đến nhà.

KIÊN TRINH

Anh Ba tôi đi trên ghe ấy. Anh trao cho tôi một phong thư của Thanh viết cho tôi báo tin là gặp anh Tâm Long đã hồi bệnh và vừa về đến tỉnh. Hai anh sắp sửa về thăm cha mẹ ở Phước Long.

— Vậy còn anh ở Hà - tiên về chợ Rạch-giá hồi nào? — Tôi hỏi anh Ba.

— Tao về hôm qua, may gặp ghe nhà nên đi thẳng một mạch đây. Việc gấp rút lắm, phải nhờ mấy tình dùm mới được.

— Việc gì dữ vậy?

— Ông huyện buộc phải làm đám cưới gấp kéo người ta dị nghị. Mấy hiệu từ ngày Cẩm tử đoàn tan rã, tao qua đó ở, không biết nói một tiếng làm sao hết cũng kỳ quá. Người ta thương tao, gả dễ lắm. Mả chịu khó qua đó là được rồi.

Tôi nhìn sững anh. Hà - tiên đang sắp sửa là mũi súng đạn, mà tôi qua đó sao được. Nhưng anh Ba năn nỉ tôi mãi:

— Mầy nói với má dùm tao đi. Cứ nói là...vậy...vậy đó, — tao nói nhỏ cho mà nghe, đừng hở bí mật đa —, nếu má không lo xấu hổ tới nhà mình thì tao cũng không biết tình làm sao nữa.

— Mà chuyện... đó thiệt hay không?

— Làm sao có được? Nhưng phải dọa như vậy bà mới ngán mà thu xếp cho xong.

Tôi đem chuyện ấy nói với má tôi. Má tôi ngần ngại mãi rồi mới chịu đi:

— Thời buổi loạn lạc mà đi đám cưới xa như vậy tao ngại không về tới nhà. Nhưng nó đã lỡ làm, không lo không được, vậy nếu có thằng Thanh chịu đi giúp thì tao mới đi.

Tôi há dạ vô cùng, má tôi đã biết đến tài anh Thanh, và tôi mừng tượng lại cái cảnh anh lúng túng bơi xuồng hôm trước khiến tôi lại càng thán ý mỉm cười một mình. Ít ra, anh Thanh cũng bước đầu vào sự đi làm rẻ bằng một cách vẻ vang hơn là bơi xuồng cho bà già vợ thử tài!

Má tôi, anh Khanh và tôi ra đến chợ Rạch giá. Khi ấy, những người không có phận sự phải ở lại kinh thành vào giờ phút cuối cùng đã tiếp được lệnh phải tản cư trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Thanh và anh Tâm Long cũng ở trong số người ấy. Từ khi trở về chợ tỉnh, nghe thấy các cơ quan quân sự chuẩn bị rời bỏ tỉnh nhà không một tiếng súng kháng địch Thanh và Long có nhờ thầy học cũ là thầy giáo Sáng và thầy giáo Hùng, làm trưởng khu châu - thành, chuyển đơn đến Ủy ban

kháng chiến đề nghị xin cho các anh kêu gọi cầm tử đoàn trở lại đề cầm súng kháng địch. Lời yêu sách địch đáng ấy cũng bị từ chối tuốt và lệnh tấn công đến các anh ba lần trong hai tiếng đồng hồ. Các anh vừa chuẩn bị đi về Phước Long thì gặp anh ba Khanh ra tới.

— Dượng phải giúp tôi mới được. — Anh Ba tôi năn nỉ Thanh. — Bà già chỉ tin cậy có dượng. Nếu dượng nói một tiếng không thì đám cưới của tôi kể như không có và Cầm tử đoàn sẽ đề lại một tai tiếng rất xấu tại Hà tiên chẳng khi nào phai.

Khi ấy, anh Tám Long mời bảo :

— Em Chín đi giúp Khanh đi vậy, đề anh về Phước Long một mình cũng được. Em không thể bỏ bạn bè đang hưởng về em. Em còn trách nhiệm đối với các chiến hữu đã bỏ phế gia đình để theo em. Chúng mình chỉ lo cho mình không thì dễ, nhưng phải ôm gờm trách nhiệm đối với bạn bè là khó lắm. Ở đây, anh có thể thay thế em trong việc về phụng dưỡng cha mẹ, nhưng anh không đủ sức đi dắt các em đến những giờ phút cuối cùng như em.

Quanh quần bên các anh lúc bấy giờ còn có anh Khải, Thức, Ca-vang, Hậu, Cửa, và thi sĩ

Chim Xanh với vài bạn nữa. Thanh liền quyết định theo lời khuyên của anh Tám Long và bảo các bạn :

— Tôi cần hai người nữa theo qua Hà-tiên là bạn Cửa và Hậu. Các bạn khác thì tạm về nhà Khanh ở chờ tôi về. Các bạn ấy mỗi người còn liên lạc với một số bạn khác thì cũng cứ giữ tin tức của nhau để chờ đến khi có dịp hành động.

Nghe các anh tinh xong, má tôi mới yên bụng, vội đi sắm lễ vật. Khi ấy, châu thành đã tấn cư hầu hết, các tiệm buôn bán thấy đều đóng cửa, việc mua sắm không phải dễ như bình thường. Các bạn của anh tôi cũng tiếp tay vào, mỗi người lo giúp một việc. Anh Hậu và Cửa lãnh phần đi đặt làm đôi đèn cưới, khi đem đèn về hai anh cần nhằn hết sức :

— Thời buổi vậy cầm đôi đèn này đi ra đường thiệt là lạc hậu. Ai cũng dòm theo một cách quái gở, ề mặt hết chỗ nói ! Không biết thằng bạn mình có vợ rồi, còn thương tụi mình như trước nữa không há ?

Tôi tiễn chân mẹ và anh xuống chuyến tàu xuôi về Hà-tiên. Thanh cùng hai bạn đi theo sau, không nói gì cả. Cứ nhìn quang cảnh chung quanh người ta biểu rõ ra rằng dân quân đã có lệnh sẽ thiêu hủy thành phố.

trong giờ chót, và cái giờ chót ấy không biết xảy đến lúc nào ? Hình như khắp miền Nam chỉ còn hai tỉnh chưa mất là Rạch-giá và Hà-tiên mà thôi. Có tin phong thanh quân Pháp mở đường Châu-đốc sang và đôi bên đang kịch chiến ở vùng Tri Tôn gần Bảy Núi.

Tôi cần dặn má tôi thêm một lần nữa :

— Qua bên đó, má xin cưới liền vào ngày hôm sau rồi sáng mốt thì trở về nhà má. Đừng nắng nắng lâu ngày, rũi ro không về được thì khổ.

— Ừ, chắc bữa kia thì tao về tới đây, mầy đừng lo gì hết, cứ sẵn sóc việc nhà đi.

Tàu mở đôi tách bến. Thanh đứng dựa trên boong, nhìn về tôi như thăm bảo đừng nên lo ngại gì cả, chàng sẽ tận-tâm lo cho má tôi được mọi sự an-toàn ...

Về sau này tôi mới được biết : má tôi qua đến Hà-tiên thì bên đảng gái coi ngày không hợp, xin đề qua hai bữa sau mới làm đám cưới. Thanh và các bạn nóng ruột hết sức, nhưng không thể nào làm khác hơn được.

Một người anh của người chị dâu tương lai của tôi bảo với Thanh và các bạn chàng :

— Hà tiên vững như bàn thạch, không hề gì đâu mà ngại. Bao-

nhiều binh lính tinh nhuệ của ta đều đem ra áng ngữ nơi mặt trận, quân Pháp cầu tháp cánh mà bay qua biết được chẳng ...

Lòng tin tưởng của anh không phải là vô căn cứ. Người dân ở đây hiền đức và thiết tha, không hề phân vân tìm hiểu xem tin-tức chiến sự của Ủy ban kháng-chiến tung ra mãi những thắng-lợi vẻ vang, có đúng sự thật hay không ?

Thanh và các bạn không còn biết làm gì khác hơn là đi dạo phố để dò la tin tức và cũng để cho đỡ phải sốt ruột. Một sáng nọ, chàng đi chung với anh Ba tôi ra chợ, chợt gặp một người anh em bà con cô cậu với tôi tên là Nguơn. Anh này là một công chức cũ, hiện đang giữ một vai quan trọng trong tỉnh, thấy Thanh bước đến chào hỏi thì vội làm lơ và kéo riêng anh Ba tôi ra riêng một chỗ :

— Trời ơi, mầy dám đi chung với cái thằng đại-việt-gian đó sao ?

— Nó làm gì mà anh kêu là Đại việt gian ? Và anh biết nó là gì của tụi mình không ? Nó là chồng chưa cưới của em tôi, tức là em rể của anh nữa đó.

— Mầy định gã em mầy cho nó à ? Thím Năm có hay không ?

(còn nữa)

NU CƯỜI PHỒ THÔNG

TRUYỆN ĐỜI RÚT THẬT NGẮN

Quà đám cưới

★ TRỌNG TẤU

HA I vợ chồng ông Giám-Đốc giàu nhưng rất có lòng. Họ có một người bạn nghèo lại có cái tật «khéo xử thế». Họ có một người con trai độc nhất, tiếc thay, chỉ biết có tiêu tiền và rất vô tình trước thế sự. Ông bà sắp cưới vợ cho con và nhất-định phải mời người bạn nghèo, giàu nhân cách ấy. Ông Giám-đốc ôn tồn nói với vợ:

— Tất cả công việc tôi đều lo chu đáo rồi, thiệp mời cũng đã in xong và định ngày lễ cưới vào đúng ngày 24 tháng chạp dương-lịch.

— Như thế thì buổi tiệc sẽ hết buổi chiều và ta sẽ mời khách đi xem lễ Giáng-sinh luôn...

Ngưng một lát bà vợ tiếp:

— À, thế mình có mời bác Tắc không ?

— Sao lại không ! Nhưng đối với bác Tắc là bạn thân của gia-đình ta, tôi cần phải đề đến giờ chót, nghĩa là đúng 6 giờ chiều ngày 24 tháng này tôi mới gọi thiệp mời. Bác Tắc, tuy nghèo, nhưng không thích nhờ cậy ai và biết xử thế lắm. Tôi không muốn hạnh phúc của người này lại là cái đau khổ của kẻ khác: tôi không muốn bạn tôi trong lúc túng huyệt này, mà vì hạnh phúc của con tôi lại phải chạy ngược chạy xuôi để kiếm tiền mua đồ mừng cho nó. Vì thế nên tôi gọi thiệp mời thiệp trễ đề bác ấy không kịp mua đồ mừng.

NU CƯỜI PHỒ THÔNG

— Mình nói phải lắm !

Ông Tắc nhận được thiệp mời quá trễ, nhà lại không có 1 xu, đào đâu ra tiền để mua đồ mừng? Đi vay ở sở? Hết giờ rồi! Hỏi tiền chà? không quen! Lại tiệm cầm đồ bình dân? Không có đồ gì quý-giá để cầm thế! Thôi, hãy kêu bác xích lô cạnh nhà đi chịu mấy cuốc, rồi vừa đi vừa tính. Xe đạp khắp Sài-gòn cả giờ, vẫn chưa nghĩ ra chỗ nào vay tiền. À được rồi! dạo này than hiếm, lại tiệm chạp phô các chú bên cạnh nhà mua chịu 4 thùng dầu lửa bán rẻ bán đắt đi lấy tiền. Bác xích lô lại đạp xe chở ông « người đi mừng » về nhà và để cho ông này món nợ « xương máu » 270 đồng bạc, tiền đạp. Bốn thùng dầu lửa giá hơn bốn trăm đồng, ông Tắc bán lại được 280 đồng vào lối 7 giờ kém 14 phút. Mua gì bây giờ? Bộ đồ trà? Không giá trị mà lại dễ vỡ. Cây viết máy có khắc tên? Vật kỷ-niệm phải tặng cả 2 vợ chồng! Cây đèn ngủ? không được, mắc quá mà lại không bền— Thôi được rồi, ta mua 1 cái « lâu » (món đồ để ăn cù-lao) tặng đôi trẻ. Như vậy mỗi khi có cuộc hội họp gia đình để ăn uống chắc chúng còn nhớ tới mình là người ban chân thành của ba nó. Bền,

re, đẹp, có thể giữ làm kỷ niệm, là 4 đặc điểm của cái « lâu ». Sau khi nài nỉ đi chịu thêm 1 cuốc xe xích lô và dự tiệc cưới, ông Tắc hài lòng.

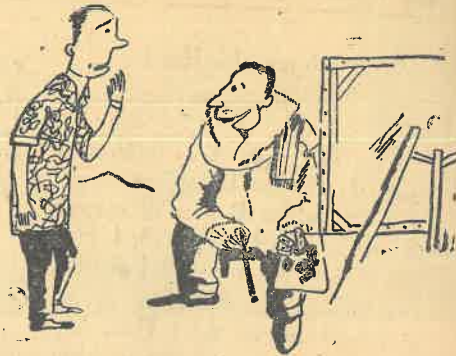
Năm năm sau, khi con trai ông Giám-Đốc đã có cháu bé bé và cũng lại dịp Lễ Giáng Sinh, ông Tắc dự 1 tiệc cuối năm tại nhà ông Giám-Đốc.

Tiệc dọn lên, cả nhà hội họp đông đủ, có cả cháu bé lên 4 tuổi ngồi chung bàn. Bữa ăn kết thúc bằng món cù lao. Ông Tắc tự nghĩ:

— Phải chi cái « lâu » của mình tặng 5 năm về trước cũng có trên bàn tiệc bữa nay ?

Ông Tắc chờ. Nhưng một chiếc « lâu » bạc lộng lẫy được bung lên; tên bồi sơ ý để nhiều mấy giọt canh vào quần áo mới của chú bé. Đôi vợ chồng trẻ (con ông Giám-Đốc) vội vã hối người nhà múc nước lên gột rửa chỗ dơ cho em bé. Một gáo nước vội vã được bung lên Ông Tắc thần thờ. Ôi! cái « lâu » bằng nhum kỷ niệm năm xưa, nay đã móp méo để trở thành cái gáo múc nước lã. Bữa tiệc vẫn vui vẻ diễn như không có chuyện gì xảy ra.

Đời mới dưới ngòi bút của Họa sĩ GYAO



Chuyện... lắm cảm

- Anh Ba đạp xích lô chi vậy ?
- Dạ đi kiếm tiền.
- Kiếm tiền để làm chi vậy ?
- Để mua gạo.
- Mua gạo chi vậy ?
- Mua gạo để ăn.
- Mua gạo ăn chi vậy ?
- Dạ để có sức mạnh.
- Có sức mạnh để chi vậy ?
- Có sức mạnh để đạp xích lô !

- Saigon nóng bức như tiếu này mà sao anh mặc những đồ kia ?
- Ấy tôi đang vẽ cảnh Đà Lạt đấy anh ạ.



Người mê cờ bạc nói với bóng trong kiến :

— Quen mồm —
Hai ông cho biết tên họ, vào có việc gì
gặp ai...

— Hai đứa mình ngồi đánh bài đây,
làm gì lính Cảnh-sát bắt được!



BA-TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ Bạn SONG AN (Châu Đốc)

2816.— Ai ơi trẻ mãi ru mà ?
Càng so-sánh lắm càng già mất duyên.
Còn duyên kén những trai tơ,
Hết duyên ông lão cũng mơ làm chồng.

2820.— Gà ó đội ốt con công,
Tưởng mình là ngộ đi dong đi dài.
2821.— Cá lười trâu sấu ai mèo.
miếng,
Cá trên bầu nhiều chuyện trót mồi.

2817.— Đi ngang nhà má
Tay anh xá, cẳng anh qui,
Lòng thương em bậu sá gì thân anh.

2818.— Gặp mặt em dưới thủy
trên hoàn
Hỏi thăm phụ-mẫu song-toàn hay không ?

2819.— Gánh nặng mà đi đường dài,
Đề anh gánh đỡ một vai nên chồng
— Gánh thì chị lại trả công,
Mặt em chảnh đáng là chồng chị đầu !

★ LÊ VĂN HIỂN (Hội An)
2822.— Sóng sáu sào ngắn
khốn dò
Anh năng qua lại sợ dò không đưa!
Đò sao dò dám không đưa ?
Bởi anh đi sớm về trưa không chừng.

2823.— Ra đi bỏ mẹ ở nhà
Gỏi nghiêng ai sửa chén trà ai bưng.

(Còn nữa)



★ Âm nhạc Trung học Độ Nhứt Cấp — của Giáo Sư Liêng-quốc.

Bừu

Loại sách giáo khoa in bằng ronéo. Soạn theo chương trình của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Sách dày 65 trang. Không đề giá.

★ Hoài Cổ Nhân — Võ Hồng

(Nhà xuất bản Ban-Mai)

Gồm hai chuyện ngắn HOÀI CỔ NHÂN và NGÀY XUA. Bìa của họa sĩ NGỌC DŨNG trình bày. Sách dày 126 trang — giá 28 đồng.

★ Tình lúa miền tây (Nhạc) — của Thanh Thanh.

(Nhà xuất bản Lam-Son)

8 trang — trình bày đẹp — giá 7 đồng.

★ Hai sắc hòa ti-gôn, Nhạc của Trần - Trịnh, thơ của T.T.KH (Đo tác giả xuất bản)

8 trang — trình bày đẹp — giá 7 đồng.

★ Tranh đấu với Tử thần, của Lâm tùng Sinh

(Linh Quang xuất bản)

Chuyện cổ tích thần thoại để giải trí cho người lớn, giáo dục trẻ em. Cốt chuyện lạ, hấp dẫn nhờ lối văn gọn gàng khúc chiết. Dày 24 trang, giá 5 đồng.

★ Người mà tôi yêu — của Hồng kim Dung

(Văn Đoàn Nhà Nam xuất bản)

Tập chuyện ngắn, dày 20 trang. Bìa in đẹp — giá 5 đồng.



ĐÁP BẠN

BỐN
PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ Ông Nguyễn Tác — k.b.c 4168

1) Theo cách giải thích 12 BẾN NƯỚC là tượng trưng của « 12 nghề nghiệp » của người Việt-Nam :

Công, Hậu, Khanh, Trống,

Sĩ, Nông, Công, Thương,

Ngư, Tiều, Canh, Mục.

thì hoàn toàn không đúng. Vì những lẽ sau đây :

1) Không thể nói người Việt-Nam hồi xưa chỉ làm « 12 » nghề mà thôi. Thí dụ còn các nghề khác như Thầy thuốc, Bói toán, Thầy địa lý, Phù thủy v.v... là những nghề rất thịnh hành thời trước.

2) Trong 12 nghề mà ông đã kể trên kia có nhiều nghề trùng nhau như : Công, Hậu, Khanh là chức Công, chức Hậu, đều thuộc về nghề làm quan : (Công, Hậu, Bá, Tử, Nam), Khanh cũng là làm quan.

Nông là nghề làm ruộng, Canh cũng là nghề làm ruộng (Canh Nông).

Còn nói đến Ngư (câu cá), Mục (chăn trâu), Tiều (đốn củi), sao không nói đến Lạp (săn bắn) nữa ?

Vả lại theo khoa bói toán Tàu và ta hồi xưa thì mỗi đứa bé mới sanh ra đời đều có một trong 12 bà mẹ đỡ đầu; 12 Bà Mẹ ấy là tượng trưng cho Thập nhị Chi (tức là 12 giờ trong ngày : Tý, Sửu, Dần, Mão, v.v...) khi lớn lên cha mẹ gả con gái lấy chồng cũng coi theo tuổi mà gả.

vì có tuổi hợp tuổi xung, v.v... Trong Thập-nhị Chi, dù chọn được tuổi hợp, nhưng nếu may được gia đạo sung sướng, yên vui thì nhờ, mà rủi nghèo nàn khổ-cực thì rần chịu vậy. Đó là một cách so-sánh thân phận của người con gái như một chiếc thuyền cập vào 1 trong 12 bến nước vậy.

II Nhà văn *Đái-Đức-Tiến* lấy bút hiệu là *Tchya* Hình như TCHYA là viết tắt của một câu: Tôi CHĂNG Yêu Ai

III Hai chữ «Ngoan-mi» không có nghĩa gì cả, không thể trích hai chữ ngoan-ngoãn và nhu-mi mà ghép lại như thế được.

✱ Ông Trần-minh-Đức

1/ Đề tài «*Nghệ-thuật vị Nhân-sinh*» đã được ông Phan-Khôi và Hải-Triều ở Huế tranh luận trên báo hồi tiền chiến.

Hải-Triều theo lý thuyết Mác-Xít (Marxisme), Chủ trương Nghệ-thuật vị Nhân-sinh (đem nghệ-thuật phục vụ cho đời sống của con người), còn Phan-Khôi, chủ-trương theo nghệ-thuật thuần-túy, nghệ-thuật chỉ cốt yếu về thẩm-mỹ mà thôi.

2/ Luật-pháp có bảo vệ cho tự-do hay không là tùy theo cái tính chất của «luật-pháp» đó, và tùy theo sự xác-định ý-nghĩa và phạm-vi của Tự-do. Không thể nói rằng Luật-pháp của Néron hay của Tần-thủy-Hoàng bảo-vệ cho Tự-do được.

Ở các nước độc-tài chuyên chế hiện đại, có những luật-pháp mệnh danh «bảo-vệ tự-do» nhưng lại kèm chế tự-do và có khi thủ-tiêu cả tự-do nữa, như ở Nga-Sô, Trung-Cộng v.v... và ở các quốc-gia độc tài phát-xít.

✱ Bạn T.L.D.M. — Sài Gòn.

Tôi muốn thêm vào đoạn sau: Cho Kiều yêu Khanh và xây dựng hạnh phúc với Khanh trong lúc chàng bị Phương hắt-hủi. Bạn đồng ý không? Cho biết, tôi sẽ sửa lại đăng trong số Xuân.

✱ Ông Hàn-Phong — Châu Đốc.

Cái quăng cáo trong *Phở Thông* số 24 trang 129, là của ông L. V. T ở Châu Đốc gửi đăng. Quăng cáo do ty Quản-lý đăng tính tiền như các quăng cáo khác, chứ không phải là lời giới thiệu của PHỞ-THÔNG.

✱ Bạn Thông — Huế

Rất cảm động được bạn có lòng tốt gửi cho tấm ảnh của Thầy, Chân dung Thầy vẫn giống y như hồi 36 năm về trước. Thân mến chào bạn.

N.V

✱ Bạn Thiên-Phúc — Huế hỏi:

1) Trong quyển khảo luận về Cao-bá-Quát có câu: «có lần trong quyển thi ông viết đủ cả bốn lối chữ: «Chân, Thảo, Triện, Lệ,» đó là trò chơi mà trong trường thi không dùng.

Vậy bốn lối chữ «Chân, Thảo, Triện, Lệ, là lối chữ gì? Tại sao trường thi lại không dùng lối chữ đó?

2) Về ký hiệu Morse có người nói của «Samuel Morse» đặt ra, lại có người nói chính người cộng sự viên của ông là Alfred Vail đặt ra ký hiệu đó. Vậy ai là người đặt ra Morse?

3) Trong ngành họa gồm có bao nhiêu phái? Xin quý báo cho biết. Thành thực cảm ơn.

ĐÁP:

1) Chữ Nho (chữ Tàu) có bốn lối viết:

— Lối CHÂN PHƯƠNG là ngang ngay sỏ thẳng, như lối chữ in sách, không tháu.

— THẢO, là lối viết tháu

— TRIỆN, là lối viết theo như chữ triện

— LỆ, là lối viết chữ vuông vức cũng gần như chữ triện.

Theo nguyên-tắc thi-cử đời xưa, thí sinh phải viết bài bằng chữ chân phương (lối chữ chính thức) chứ không được dùng các lối chữ khác. Ngay như ngày nay cũng vậy. đi thi mà viết chữ tháu thì chắc chắn giám-khảo sẽ cho điểm xấu, vì viết chữ như thế là vô lễ, không ai đọc được.

2) Họa sĩ SAMUEL MORSE đi du-lịch Âu-Châu lần thứ hai, trở về Mỹ mới sáng chế ra máy điện-từ lực (Télégraphe électro magnétique), năm 1832. Năm 1858 các chính-phủ Âu châu (Trong đó có Pháp, Áo, Đức, Thụy-Sĩ, Anh) góp một số tiền 400.000 Phạt-lăng để tạ ơn ông đã sáng chế đầu tiên ký hiệu Morse và «Giấy thép». Alfred Vail chỉ là người thư-ký của ông.

3) Cứ kể nghề hội-họa từ thượng cổ đến nay có nhiều phái lắm. Nói riêng từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế-kỷ XX ở Âu-châu cũng nảy sanh ra nhiều phái.

Tiền-Thế chiến thứ hai:

— Ecole impressionniste et divisionniste (Seurat, Signac)

— Ecole symboliste (Paul Gauguin)

— Ecole cubiste (Picasso, Braque)

Hậu chiến:

— Ecole surréaliste (vài họa sĩ không tiếng tăm).

★ Cô Hà Đức Tâm — Phan đình Phùng — Sài Gòn.

1) Về màu sắc, thì phân tách một tia sáng mặt trời có 7 màu theo thứ tự sau đây: Tím, chàm, xanh, xanh lá cây, vàng, da cam, đỏ. Đó là những màu chánh, ngoài hai màu trắng và đen. Hòa lẫn các màu trên, họa-sĩ có thể pha thành nhiều màu khác nữa,

Hồng, mauve, beige, canari, son, xám, nghệ v.v... Mỗi một màu xanh cũng đã phân biệt: xanh da trời, xanh nước biển, xanh lá mạ, xanh bích ngọc, (bleu turquoise) xanh dương v.v... Kể ra không xiết, em ạ.

2) Ý nghĩa của các màu chánh:

Trắng: trong sạch, tinh khiết — Đen: âm-đạm, bí ẩn.

Đỏ: hăng-hái, hoạt động, căm hờn, quyết-liệt.

Hồng: Ấu yếm. Đằm thắm — Vàng: chói lọi, vinh quang.

— Xanh Dương; lặng lẽ, mát dịu, êm-ái — Xanh lá cây: vui vẻ, trẻ trung — Tím: trang nghiêm.

3) Về các thứ hoa, nhiều giống bên ta không có, hoặc lấy giống ngoại quốc về trồng, nhưng vẫn lấy tên ngoại quốc, không có tên Việt.

4) Em là con gái. (Nếu thầy bói bói trật, thì huê nhé).

★ Bạn Nguyễn thị Hồng — Huế.

Hoa «Ty-gôn», chính là phiên âm theo chữ Pháp «Antigone».

Hoa ấy nhỏ cánh, có hai màu, trắng và hồng, mọc leo lên dàn, đẹp lắm, không có tượng trưng cho mối tình gì cả.

★ Bạn Chung-Tú — Tam-kỳ

Từ Trầm Á là một nhà văn Trung hoa thời tiền chiến, tác giả quyển «Tuyệt-Hồng lệ-sử».

Từ-Trầm-Lệ là người Việt-nam, không có họ-hàng gì với Từ Trầm-Á. Cũng như Mạc-đăng-Dung không có bà con gì với Đại-tướng Mỹ, Mạc Arthur!

— Ông Nhất-Linh hiện còn sống.

* — Tombola, là chữ Ý, đúng nghĩa là cuộc xô-số lấy đồ-vật, chứ không lấy tiền. Nếu xô-số lấy tiền thì không thể gọi là tombola được.

★ Bạn Trần-giang-Kha, và 15 bạn đọc ở Bồng-Sơn.

Thời các bạn đang thắc-mắc nữa, D.H. là N.V, hay D.H là D.H, chuyện đó không có quan-trọng gì đâu.

★ Bạn Trọng-Tái, K.B.C 4775.

Về việc ly-hôn, Bạn cứ làm đơn ra Biện-ly-cuộc.

— Việc cúng tuần 50 ngày và 100 ngày cho người chết, là theo tục-lệ bên Tàu, chỉ có mục-đích là nhắc-nhở luôn luôn tình thương nhớ, chứ không có ý-nghĩa gì về triết-ly hay tôn-giáo xã-hội.

— Các tập thơ của Xuân-Diệu, Huy-Cận, hiện nay không có bán ở Sài-gòn và cũng không có tái bản. Tập thơ «Hoang-Vu» của N.V. chưa xuất bản.

★ Bạn Hương-Nguyệt — Qui-nhơn

«Mậu-tài», của thời nhà Minh, nhà Thanh bên Tàu, tức là Mậu-tài.

Hiếu-Liêm (chớ không phải Hiếu-lâm) như bạn viết trong thư, tức là cũ-nhơn. Chức «Tư-lệ hiệu-úy» là một chức quan võ thời xưa, không có cấp-bậc tương-đương hiện nay...

★ Bạn N.Đ.Q. — Vũng Tàu.

— Hồi thời Vua ta, trước khi người Pháp đô-hộ, nước ta không có quốc-kỳ chính thức, chỉ có cờ lệnh của Vua.

Từ khi Pháp bảo hộ, họ đặt ra lá cờ vàng có rêu cò tam sắc (xanh trắng đỏ của Pháp nơi góc trên, và bên trái. Đến khi Bảo Đại du học ở Pháp về nước, đổi ra màu cờ vàng-đỏ-vàng, ba màu bằng nhau và theo chiều ngang. Thời kỳ Nhật đảo chánh, chính phủ Trần-trọng-Kim sửa lại thành cờ chữ Ly đỏ trên nền vàng. Hồi Bảo-Đại ký hiệp-ước với Bollaert ở Hạ-Long, sửa lại cờ vàng ba sọc đỏ, còn đến bây giờ.

Vì vấn đề kỹ thuật ấn loát, chúng tôi không thể vẽ hết các thứ cờ các nước trong phạm-vi nhỏ hẹp của mục này. Vậy, xin thông qua.

— Về lịch sử đại-cương các dân tộc, chúng tôi sẽ viết bài riêng, không thể tóm tắt một vài trang. Rất tiếc.

— «Vu Munich» là vụ hai chính-phủ Anh (Thủ tướng Chamberlain) và Pháp (Thủ tướng Daladier), đến thành phố Munich của Đức để ký với Hitler (Đức) và Mussolini (Thủ tướng Ý) hiệp ước

nhìn nhận cho Hitler chiếm cứ tỉnh Sudètes của Tiệp-Khắc (1938). Hiệp ước ấy là một cuộc nhượng bộ nhục nhã của Anh Pháp đối với Hitler, cốt để tránh chiến tranh. Nhưng rút cuộc năm sau chiến tranh vẫn bùng nổ.

★ Ông Nguyễn Văn Sự — Nguyễn Trãi — Chợ-Lớn.

Vàng. Mặt-trăng tự xoay một vòng chung quanh nó trong một thời hạn bằng một vòng nó xoay chung quanh Trái đất, Nghĩa là một vòng tự xoay của nó kể thiết đúng là 27 ngày 7 giờ 43 phút 11 giây 5. Nhưng nói theo Sciences et Vie (n° 41 page 48) là một ngày của mặt Trăng dài bằng 27 ngày của Trái Đất là sai, vì trong lúc Nguyệt-cầu tự xoay chung quanh nó, nó chỉ đưa một mặt ra phía mặt Trời, còn một mặt ở trong bóng tối (cũng như Địa-cầu). Vậy thì một ngày của nó là tính từ lúc mặt trời « mọc » đến lúc mặt trời « lặn » — trên Nguyệt-cầu — là 14 ngày chớ không phải 27 ngày. Trong Phổ-Thông số 20, cũng viết lộn. Đáng lẽ viết : « một ngày một đêm trên trăng là 24 tiếng đồng hồ hơn với 14 ngày thì mới đúng. Xin đính chánh.

★ Bạn Dương Dũng Đoàn — Cholon.

1o) Phổ-thông là tạp-chí Văn hóa, chỉ chuyên về văn-hóa mà thôi, không nói về Thời sự chính trị.

2o) Cứu cánh = Kết quả cuối cùng của một sự vật, một công-tác.
Mục đích = Chủ hướng của một công-tác đi đến cứu-cánh.

2o) Muốn tìm hiểu về môn gì, và đọc sách gì, bạn chịu khó hỏi nơi các hiệu sách.

4o) Xin miễn trả lời về vấn đề chính-trị.

5o) Cựu chiến sĩ = Là người quân nhân đã có dự chiến-trận. Cựu quân nhân là người đã ở trong quân đội (có thể chưa ra trận lần nào)

★ Một độc-giá ở Hội-An.

— Chữ *Alpinist* là do chữ *Alpes* (dãy núi cao ở phía nam nước Pháp).

— Phật-giáo tiền-thừa, (Hinayana) tức là Phật-giáo nguy ên-thủy, theo đúng giáo-lý của Đức Thích Ca Mâu-ni, lấy tham thiền làm gốc chân tu : Theravada. Phật-giáo Đại thừa (Mahayana) cũng lấy tham thiền làm căn bản chân tu, nhưng còn thêm nhiều sự nghi - lễ và nhiều sự cúng dường khác. nhiều vị Phật khác, như Phật A-di-Đà, Phật Quan-Âm v.v...

— Theo ngụ ý của chúng tôi thì Tôn-giáo không phải là một cứu-cánh cho đời người. Nó chỉ là một phương pháp giáo hóa về đạo-đức và luân lý. Lý do, là người (được hay bị) sinh ra để sống, thì ta phải khai thác sự sống triệt để, cho nảy nở triệt để sức sống của con người. Tôn-giáo có nhiệm-vụ cao quý là giữ gìn cho sự sống ấy đừng vượt ra ngoài Đạo làm người.

★ Bạn Kiên-Tâm — Vinh-bình.

« Dân vì quý, xã tắc thứ chi quân vì khinh » là câu nói của Mạnh Tử, tỏ cho vua chúa biết rằng người Dân phải được tôn-trọng, phải được săn-sóc trước nhất, rồi mới lo đến sơn hà xã-tắc, cuối-cùng mới lo đến hạnh-phúc riêng của Vua. Chữ « khinh » này không có nghĩa là « khinh-bĩ », mà là « coi nhẹ quyền lợi của mình » mà trọng quyền lợi của dân hơn.

Câu nói này có tác phong CHÍNH-TRỊ. Còn câu « Quân sự phụ », là có tác phong LUÂN-LÝ, ngụ ý rằng người dân phải trọng ông Vua cao nhất, rồi trọng ông Thầy, rồi mới trọng đến cha mẹ. Đó là trật-tự tôn-ty của « tam cương ngũ thường » trong thời kỳ Nho-giáo thịnh-hành

★ Bạn Ng. h. Khang — Huế.

Tại sao hai chữ « Tế nhị » không có trong Tự-điển Đào-duy-Anh, chúng tôi không được rõ. Nghĩa hai chữ ấy như sau :

Tế : rất nhỏ, rất tinh-vi, không thô,

Nhi : (cũng viết là nhụy) xinh, dịu, êm-thắm.

Tế nhị : tinh vi và thanh-nhã. Chứ không phải là « đẹp-đẽ, hay ho » Nếu dịch ra Pháp văn thì : Délicat, Subtil, fin. Trái với « Thô-Khìch ».

★ Bạn Lê-chiêu-Dung — Nha-trang.

« Chủ-nghĩa nhân-vị » (Personnalisme) là một học thuyết căn-cứ trên ý thức riêng của cá-nhân có bản năng và ý-chí, Người xướng ra thuyết này là nhà Triết-học Pháp CHARLES BERNARD RENOUVIER (1815-1903)

Trong quyển «*Le Personnalisme*» xuất - bản năm 1902, ở Paris. Ch. Renouvier có giảng-giải thuyết «*Nhân-vị*» của ông là «*sự xữ-dụng sức mạnh, hay là năng-lực tiềm - tàng mà hành-vi tự động theo ý-chí riêng của mình đã phát lộ ra*».

«*Phân-tách đến tận-cùng, thì chỉ có những phần-tử cá-nhân, có tri-giác và có khát-vọng (des sujets individuels doués de perception et d'appétition) hoàn toàn phân-biệt hẳn nhau, không ai hòa lẫn với ai...*»

Cũng theo thuyết «*Nhân vị*» của Renouvier, nhà triết - học tin-trưởng một vị Chúa duy-nhất, một cuộc suy-đời xã - hội loài người và tiêu-diệt vũ-trụ, rồi sau đó sẽ có sự tái-tạo cuối-cùng của một Vương-quốc của Chúa Trời dành riêng cho những cá-nhân được hưởng Phước lớn và một thế giới của tất cả những người có thiện-chí...

«*La Création aurait été suivie, d'après Renouvier, d'une chute morale entraînant décadence sociale et ruine cosmique; mais il croit en une régénération et une restauration finale du Royaume des personnalités bienheureuses et du règne des bonnes volontés*»

★ **Cô Mỹ-Linh (Tòa Đại Sứ Mỹ) HỎI :**

«*Vừa rồi em có đọc trong một tờ tuần báo «*văn nghệ*» có một bài thơ, trong đó có mấy chữ «*ình bao la trụ-vũ*». Em không hiểu «*trụ-vũ*» là gì? Có phải «*vũ-trụ*» lộn-ngược lại không, hả chị?*»

— Chúng tôi cũng không hiểu «*trụ-vũ*» là gì! Nếu một ngày kia, mấy ông Thi-sĩ nào đó làm thơ với những chữ «*gia-quốc*» thay vì «*quốc-gia*», «*nghệ - văn*» thay vì «*văn-nghệ*», «*Gòn-Sài*» thay vì «*Sài-Gòn*» v.v..., thì chúng ta chịu khó quày đầu xuống chửi đề mà tìm hiểu vậy!

★ **Ô. Đỗ-vân-Mão (Đường Tự-do).**

Chúng tôi không thể trả lời về bài thơ «*Tiếng Thu*» của Lưu-trọng Lư có phải thật hoàn-toàn của Lưu-trọng-Lư không? Trong một tập thơ của Omar khayyam, Thi-sĩ Ba-Tư, hồi Thế-kỷ XII, chúng tôi đã thấy có một bài cũng na-ná như bài của họ Lưu. Bài thơ của Omar - Khayyam có thể tạm dịch như sau đây :

*Ta nghe trong mùa Thu,
Tiếng con nai vàng
Bước đi nhẹ-nhàng
Trên lá vàng khô...*

Một nữ-sĩ Nhật bản, bà Yosano, đầu thế kỷ XX, (Bà này có chồng là người Pháp), có làm một bài thơ «*haikai*» đại-khái cũng như bài trên.

Bài của Yosano, có thể tạm dịch như sau đây :

*Con nai vàng nhẹ bước
Trên lá vàng khô.
Có phải là mùa Thu?*

☆ **Bà Tuyết-Hạnh — Mỹ-Thơ. HỎI :**

«*Trong tập thơ «*Les Nuits*», Thi-sĩ Alfred de Musset khóc thật là cảm động, nhưng không thấy trong sách nói là Thi-sĩ khóc ai? Chúng tôi có thể nhờ cô Diệu-Huyền cho biết được không? Xin thăm tạ*»

— Musset khóc người yêu bội-bạc là George Sand, và buồn-bực hát-hủi Nàng Thơ. Sau cùng nhờ Nàng Thơ (*La Muse*) an-ủi nhưng chàng vẫn không sao quên được người yêu đã bỏ chàng đi theo ông Bác-sĩ...

Trong Văn-chương Âu-Tây, còn hai tập thơ rất có giá-trị khác, cũng nhan đề là «*Nuits*». (Đêm) 1. — «*NIGHT THOUGHTS*» (Tu-tưởng ban Đêm) tập thơ có 9 bài của Edouard Young, Thi-sĩ Anh (Thế kỷ XVIII). Thi-sĩ, sau khi vợ chết, buồn bã tìm nơi ẩn-dật, viết tập thơ ấy để tả hết nỗi đau - khổ của mình. Tập thơ có tinh chất triết-lý nhiều hơn là lãng-mạn.

2) NOCTURNO (1921) tập thơ rất thâm-thúy và súc-tích của Gabriela d'Annunzio, Thi-sĩ Ý, làm khi ông bị đui một con mắt. (Dịch nghĩa là «*Đêm thăm*»).

★ **Bạn Lê minh Trí — Cộng Hòa — Cholon**

Giấy chứng chỉ thế vi khai sanh (Acte de notoriété tenant lieu d'acte de naissance) cũng có giá trị như giấy khai sanh, trong khoảng 1948 (thời kỳ Pháp), nhưng dưới chánh thể Cộng Hòa này giá trị của 2 giấy ấy có được ngang nhau không, chúng tôi cũng không được rõ. Ông có thể đến Ty Hành Chánh hỏi lại sẽ biết đầy đủ hơn.

★ **Ông Thanh-Tùng — Truồi**

Nếu đúng như lời ông nhận xét, thì có lẽ tác giả bài đó đã chép trong T.G.T.Đ. Vì chúng tôi không đọc tập báo kia nên không được biết sự lạm nhận ấy. Chúng tôi sẽ đặc biệt chú ý. Thành thật cảm ơn ông.

**NHỮNG
BÀI
SẼ
ĐĂNG**

- Hà-Tiên thặng cảnh (PHONG VŨ)
- Màu sắc trong đời sống của chúng ta... - (N.V. Khương)
- Ma và vấn đề Siêu - hình (Ng. Khoa-Huân)
- Hoàng-cao-Khải (Võ-Bá-Hải)
- Hoàng - cao - Khải (Thiện - Sinh)
- Quốc văn đời Tây - Sơn (Hoa-tĩnh-Linh)
- Cô Kiều với Tôn thọ Trương (Ng. thị Kim Liêr)
- Cái chết của người đưa thơ (Hoàng-Thắng)
- Đêm mưa rừng (thơ) (Lữ-Quỳnh)
- Người hóa cọp (Hà-lệ-Hải)
- Vụ ám-sát Phụ chánh Trần-Tiền-Thành (1883)... (Minh-Cao)
- Bài ca « Sombre Dimanche » (Võ-Bá-Hải)
- Hai nhà Nho-sĩ (Mạnh-Đan)
- Người phu trạm (Đặng-văn-Nhâm)

- Aph-hương của Vương - Dương - Minh trong Văn-học Việt - Nam (Giáo-Sư Hồ-Bá)
 - Văn-chương của Tự-Lực Văn-đoàn... (Bình-Son)
 - Thơ Phan-Khôi - (Minh-Kha)
 - Tại sao Sinh-viên V.N. Hải ngoại chú-trọng đến Ngoại-ngữ hơn Việt-ngữ ? (Mai - Viên, Đại-học Văn-Khoa-Paris)
 - Chút ít Văn-chương Ấn-độ (Shribanda-Calcutta)
 - Xuân - Nữ đất Tây - Hồ (Thâm-Thệ-Hà)
 - Chớm mộng (Thơ-Thanh-Nhung)
 - Tiếng dương cầm (Truyện ngắn - Ngọc-Vũ)
 - Đêm vàng trong điện ngọc (Mai Hương Vân)
 - Canhí-ki-na (Trần huỳnh-Hoa)
 - Đòi Thi-sĩ (Thơ) (Trúc Sơn BMP)
 - Napoléon (Trần huỳnh Hoa)
 - Frauz Liszt (Trần Thiên Lý)
 - Johann Strauss (Lê thành Nhân)
 - Napoléon (Lâm hữu Ngân)
- (Còn nữa)



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHA TỔNG GIÁM ĐỐC
KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến.Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trên trọng thông cáo

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến.thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc.Đặc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
	55 lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT